



Đặc San Xuân Quý Mùi 2003

Mục Lục

Thư Đầu Xuân của Hội Trưởng

Thơ: Chúc Tết Cao Niên, Đầu Năm Khai Bút - Chu Tiểu Trà
Sở Táo Quân

Vài Nét Về Trà-Vinh - Trịnh Hảo Tâm

Thơ: Trà-Vinh - Lục Tuần Xuân

Ngày Trà-Vinh Tân Xuân Hội Ngộ Nhâm Ngọ 2002

Hình Ảnh Tiệc Tân Xuân Hội Ngộ

Bí Ẩn Đồi Dê - Trịnh Hảo Tâm

Thơ: Trà-Vinh Thương Nhớ - Nguyễn Trung Kiên

Ngày Xưa Thân Ái - Văn Tường

Thơ: Hàng Me Kỷ Niệm - Thanh Trà

Ngày Hè Hẹn Mặt của Hội Đồng Hương Trà Vinh - Thành Tâm

Hình Ảnh Hẹn Mặt Hè 2002

Thơ: Xin Một Nụ Cười - Nguyễn Trung Kiên

Đổ Vui Địa Danh Tỉnh Trà-Vinh - Nguyễn Văn Vui

Danh Sách Đồng Hương Đóng Góp cho Hẹn Mặt Hè 2002

Thơ Tếu: Chèo Thuyền. Tay Làm Hàm Nhai - Tú Rệu

Dây Thân Ái Nói Tình Đồng Hương: Cụ Trần Xiều - Võ Vĩnh Kim

Thơ: Vĩnh Bình Quê Tôi - Nguyễn Trung Kiên

Xuân Trong Lòng - Kiều Mỹ Duyên

Thơ: Trà-Vinh Kỷ Niệm của Duy Liêu và bài họa của Chu Tiểu Trà

Truyện ngắn: Xà Nữ Trong Rừng Mai - Phạm Phong Dinh

Thơ: Mừng Xuân Quý Mùi - Chu Tiểu Trà

Tôi Vượt Biên - Tèo Anh

Thơ: Địa Danh Trùng Ngữ - Nguyễn Văn Nhựt

Thơ tếu: Vịnh Bác Sĩ của Tú Rệu và bài họa của Trần Thị Kim Hoàng

Truyện Ngắn: Hường Nhan - Huỳnh Công Ân

Thơ: Hai Mươi Lăm Năm Trở Lại - Lâm Thành Hồ

Tạp ghi: Tôi Yêu Quê Tôi - Hai Queo

Thơ: Đi .. Về - Lâm Thành Hồ

Thơ: Mừng Thọ sáu Mươi Tự Trào của Lâm Thành Hồ và bài họa của Võ Trung Tín
Thơ: Gởi Người Yêu Không Quen - Lâm Thanh
Nam Phương Hoàng Hậu và Nguyễn Triều Chi Bảo - Nguyễn Văn Nhựt
Thơ: Quê Tôi - Chu Tiểu Trà
Thơ: Mẹ Tôi, Quê Ngoại Tôi - Vanessa Trương
Phong Thủy Miền Nam - Đất Phát Bạc Mầu Nghi - Nguyễn Phúc Vĩnh Trung
Đi Chơi Biển Ba Động - Văn Khánh Duy
Thơ: Cấm Đền Văn Bút, Biển Ba Động - Vanessa Trương
Thương Em Mấy Núi Anh Cũng Trèo - Nguyễn Văn Nhựt
Thơ tếu: Thần Dược Viagra - Ông già Bách Độc và bài họa của Chu Tiểu Trà
Thơ: Tám Nẻo Trà Vinh - Huỳnh Công Ân
Truyện ngắn: Sau cơn Mưa Lũ - Phạm Phong Dinh
Don Về Quân Cam - Lão già Ba Tri và Thi sĩ Ao Bà Om
Thơ: Bóng Người Xưa - Nguyễn Trung Kiên
Thư Cho Vợ ở Trà Vinh - Trần Minh Đức
Bức Thư Thương Nhớ - Cụ Nguyễn Thị Hiền
Câu Chuyện Tình Cửa Bà Ba - Tiểu Thơ Trần Trung Tiên
Thơ của Tiểu Thơ Trần Trung Tiên
Thơ: Nhớ Ngày Chung Lặt Lá Mai - Dương Tử
Cơn Sốt Giá Nhà Đất tại Orange County - Vĩnh Trường
Thơ: Nhớ Tết Năm Xưa - Hoài Việt
Thơ: Qua Bắc Cổ Chiên - Hoàng Châu
Thơ: Hoa Nở Muộn - Dương Tử
Những Kỷ Niệm Khó Quên Thời Thơ Ấu - Bao Quốc
Chuyện Dê Năm Mùi - Teresa Nguyễn
Chuyện Hai Con Dê và Cái Chũm Choẹ - Teresa Nguyễn
Thơ Say - Trần Minh Đức
Món Ăn Trà Vinh: Nem nướng Lạc Viên - Dena Vu
Cát Bùn Đường Giồng - Nam San
Ý Nghĩa của Logo Hội Ái Hữu Trà Vinh
Lá Thư từ Houston - Nguyễn Chiêu Hiền và La Minh Hanh
Lá Thư Ban Biên Tập Đặc San Trà Vinh
Tử Vi Năm Quý Mùi - Vĩnh Trường
Danh Sách Đồng Hương Trà Vinh
Hạnh Phúc Người Trà Vinh
Báo Cáo tài Chánh Năm Qua - Võ Văn Diệu
Trang Webpage của Hội Ái Hữu Đồng Hương Trà Vinh
Hình ảnh: Thắng Cảnh Ao Bà Om
Quảng Cáo Bảo Trợ

Thư Hội Trưởng Đầu Xuân Quý Mùi

Cùng Quý Đồng Hương Ban Sáng Lập, Cố Vấn, Điều Hành và toàn thể Hội Viên Trà Vinh kính mến.

Giáng Sinh, Tết Tây rồi tới Tết Ta, Hội Trà Vinh nay cũng đã sẵn sàng trong việc tổ chức Ngày Tân Xuân Hội Ngộ vào ngày 16-2-2003 và phát hành Đặc San Xuân Quý Mùi 2003.

Nhằm tính lại, Hội đã ấn hành số báo Xuân Tân Tỵ 2001, Xuân Nhâm Ngọ 2002, Xuân Quý Mùi 2003, tổng cộng là 3 số báo. Tuổi của Hội cũng là 3 tuổi. Từ buổi đầu số gia đình liên lạc với Hội là 11, rồi khi Đặc San Tân Tỵ ra đời thì con số lên hơn 100 ,đến khi phát hành Đặc San Nhâm Ngọ thì lên hơn 300, nay thì có hơn 500 gia đình Trà Vinh liên lạc với Hội...

Sự tăng tiến này làm vui mừng cho toàn thể đồng hương Trà Vinh, được kết quả này có lẽ là nhờ Hội sinh hoạt theo đúng tên gọi của nó, nghĩa là Ái Hữu Đồng Hương thì là Ái Hữu Đồng Hương mà không vượt ra khỏi nguyên tắc này. Do vậy mà bà con Trà Vinh không nghi ngại cùng nhau đến với Hội. Hội là nơi dừng chân tìm sự thoải mái, như là đi đường xa nhọc nhằn vất vả, ghé một bóng cây nào đó để uống một bát nước mát, hay ngồi nghỉ lưng rồi tâm tình với nhau một vài câu ngọt bùi ấm lạnh, ôn dăm ba câu chuyện chút kỷ niệm của thời thơ ấu xa xưa năm, ba chục năm về trước. Hội Trà Vinh là thế đó.Hội không khoa trương, không màu mè, mà thật thà chơn chất như người Trà Vinh vậy thôi.

Kính thưa quý đồng hương,

Mùa Hè qua, Hội có tổ chức một ngày Picnic, phát hành T-Shirt có phù hiệu của Hội, vinh danh và phát thưởng cho các học sinh đã đoạt được thành tích xuất sắc trong học đường nhằm khích lệ con em Trà Vinh cố gắng để nối bước cha ông. Ngoài ra văn phòng Hội cũng tiếp tục liên lạc , ghi danh các hội viên mới cũng như thăm viếng hay chia sẻ vui buồn với các gia đình Hội Viên Trà Vinh nào mà Hội được thông báo.

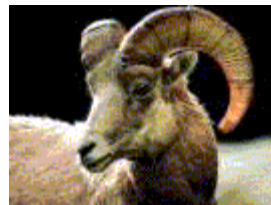
Hôm nay, trước thềm năm mới, thay mặt Ban Thường Trực , tôi xin gửi đến quý đồng hương Hội Viên Trà Vinh lời thăm hỏi chân tình và cầu chúc năm mới An Khang và Hạnh Phúc.

HỘI TRƯỞNG

Năm Mùi nói chuyện Dê:

Bí Ẩn Đời Dê

Trịnh Hào tâm



Dê là một loài động vật có sừng và đặc biệt là có râu, xuất xứ từ miền núi và ngày nay được nuôi như một loại gia súc để lấy sữa và lấy thịt. Lông của dê cũng được làm len và da cũng được làm áo ấm, ví đựng tiền hay bóp xách tay. Người đời hay xem thường, bêu xấu dê nhưng đâu biết rằng dê là một trong những loại gia súc rất hữu ích cho loài người.

Dê xuất hiện trên quả địa cầu này khoảng 50 triệu năm, trước nhất trong số động vật thuộc loại có vú và trước cả loài người rất lâu. Loài người được sinh sau, để muộn hơn hết và chỉ bắt đầu có mặt trên địa cầu khoảng 4 triệu năm trước đây mà thôi. Có lẽ dê là loài thú đầu tiên được loài người

nuôi làm gia súc và chúng bắt đầu sống với loài người từ thời kỳ "đồ đá", 4000 năm trước Thiên Chúa, vì người ta tìm thấy những hình ảnh của dê khắc trên đá dưới những hầm mộ trong các kim-tự-tháp và trong thánh kinh dê cũng được nhắc nhở nhiều lần như một con vật để tế Thượng-Đế.

HÌNH DÁNG CƠ THỂ

Về phương diện cơ thể, dê được xếp vào loại động vật có vú, nằm trong nhóm *Bovidae* tức nhóm chân có móng cứng bằng sừng như ngựa, trâu, bò, lạc đà, voi, nai v.v...Dê nhà có tên khoa học là *Capra hircus*. Bà con họ hàng gần với dê hơn hết là cừu hay trừu (sheep). Cả hai con



đều nằm trong gia tộc *Bovidae* nhưng dê thuộc nhóm *Capra* và cừu thuộc nhóm *Ovis*. Dê khác hơn cừu là dê có râu, có mùi hôi nặng hơn cừu. Sừng dê thẳng đứng hướng lên trời trong khi sừng cừu lại xoắn ốc. Thân hình dê nhỏ hơn cừu, dê trưởng thành cân nặng khoảng từ 100 đến 120 pounds (45 đến 54 kilograms). Thân được giữ ấm bằng lớp lông ngắn và thẳng khác với cừu có lông dày và xoắn cong dùng dệt len rất mịn màng và có giá. Dê khôn hơn cừu, biết tự vệ và để thích ứng với thiên nhiên nếu một mai bị trả về nơi hoang dã.

Dê có bốn chân mạnh mẽ giúp dê leo trèo khá giỏi trên những sườn núi cheo leo, hiểm trở. Móng chân của dê cứng cáp được cấu tạo bởi chất sừng vô cảm giác giúp cho dê dẫm lên tuyết mà không thấy lạnh, va phải đá mà không thấy đau. Đối với ngựa để móng khô mòn người ta đóng thêm móng sắt. Trái lại đối với dê vì không chạy nhiều nên móng ngày càng dày thêm nên cần phải cắt gọt đi bớt để khỏi phải thối móng vì dẫm lên những chất dơ như phân và nước tiểu súc vật.

Để có phương tiện tự vệ, dê đực và cả dê cái đều có sừng cong và nhọn trên đầu nhưng sừng dê cái nhỏ hơn. Trong trang trại thì sừng dê có thể đâm chết hay gây thương tích cho những dê khác hay cho chính những người làm trong trang trại, cho nên khi dê con bắt đầu mọc sừng thì họ phải cắt đi. Nhưng cắt bằng dao hay cưa thường để lại một cái lỗ khiến cho các chất dơ bám vào có thể làm độc. Để tẽ sừng người ta có hai cách, một là bôi và cách thứ hai là đốt. Người ta dùng hóa chất caustic để bôi lên sừng nhằm làm tiêu hủy các tế bào sừng. Cách thứ hai thông dụng nhất là đốt, người ta có thể dùng cây sắt nung đỏ để đốt sừng nhưng ngày nay hiện đại hơn người ta đốt sừng bằng điện với một dụng cụ như cây hàn điện mà chúng ta thường thấy trong nghề lắp ráp điện tử. Trong giới "mày râu" tu mi nam tử chúng ta nếu rũi một ngày nào đó bị..."mọc sừng" không biết nên áp dụng phương pháp nào cho đỡ khỏi phải "đi trong đau nhức khôn nguôi"?

Nhằm tăng thêm phần oai phong lẫm liệt, ngoài sừng dê đực còn có thêm một chòm râu dài và nhọn dưới cằm. Dê càng già thì râu lại càng dài. Trong loài vật chỉ có

dê là có râu dưới cằm mà người ta thường gọi là...râu dê.

ĐỜI SỐNG VÀ SINH HOẠT

Dê không cần phải đi săn mồi mà chỉ cần được thả rong vì thực phẩm của dê là những lá cây hoang, ngọn cỏ dại mọc khắp mọi nơi ở các cánh đồng hay trong sa mạc. Dê là một giống vật rất dễ nuôi vì dê gần như ăn tất cả mọi thứ. Dê có thể sống được ở những vùng đất khô cằn sỏi đá, ít mưa, đất đai không đủ màu mỡ để nuôi những loại gia súc khác. Như tại Ấn-Độ nuôi bò thì gầy ốm tong teo nhưng nuôi dê thì rất dễ dàng. Thả dê ở cánh đồng chung với trâu bò thì người ta thấy dê như ong cỏ cho trâu bò mà chỉ ăn lá cây và cỏ dại gai góc mà thôi. Nói là dê ăn tất cả mọi thứ nhưng dê rất tinh khôn biết kiêng cử những thứ có chất độc. Người ta thử đưa những thứ lá cây có thể gây ngộ độc trước miệng dê thì dê không ăn và ngoảnh mặt đi nơi khác. Người ta cho rằng dê ăn luôn cả giấy báo, lon nhôm và bao ny-long! Lời đồn này cũng hơi oan cho dê vì dê chỉ muốn liếm láp những thứ còn sót lại bên trong những thứ ấy nên ăn nhầm những thứ rác rến đó mà thôi.

Giống như trâu bò, dê thuộc loại *nhai lại (Ruminants)*. Khi ăn ngoài đồng dê ăn rất vội vàng, ngoạm tất cả lá cây và nuốt chửng vào *túi chứa (Rumen)* có dung tích chừng 4, 5 gallons. Khi túi chứa này đầy, dê tìm đến chỗ thuận tiện như dưới bóng cây râm mát và nằm xuống thong thả nhai lại và nuốt vào bao tử (Omasum) và lần này thực phẩm sẽ được tiêu hóa. Có người sẽ hỏi khi dê uống nước thì nước có cần phải qua hai giai đoạn như vừa nói không? Các nhà động vật học đã giải thích rằng: Khi dê uống nước nó vươn cổ thẳng ra, cử động này khiến cái van dẫn vào bao tử thứ hai mở rộng và nước chảy thẳng vào đó mà không vào túi chứa thứ nhất. Dê uống nước mỗi ngày một lần vào lúc giữa trưa nhưng vào mùa hè nóng nực thì dê uống nước nhiều lần hơn.

Dê leo trèo rất giỏi và thường thích đứng những nơi cao, cheo leo đá ghềnh hiểm trở để kiếm ăn và tránh những ác thú như cọp, beo, lang sói. Cũng như những thú 4 chân khác, dê biết bơi nhưng lại sợ nước. Khi trời mưa dê vội vàng tìm nơi ẩn núp.

Thính giác khá bén nhạy nhưng thị giác thì lại kém và dê nhìn cảnh vật chung quanh chỉ thấy một màu đen trắng.

CUỘC ĐỜI TÌNH ÁI

Cuộc đời tình ái của dê cũng lắm điều đáng nói. Dê đực khá mạnh về tình dục cho nên được giới "mày râu" tôn làm "Ông Thầy" hay nói theo phim bộ kiếm hiệp là "Su Phụ" và tên của loài vật này được người ta nhân cách hóa thành động từ "Dê" dùng để ám chỉ hành động ve vãn, tán tỉnh phái yếu một cách bừa bãi, không đúng nơi, đúng lúc. Dê đực tới thời kỳ động cựa sinh ra nhiều tật xấu như cúi đầu xuống và phóng uế nước tiểu lên đầu, khiến râu và lông chúng lúc nào cũng hôi nực nồng. Tật xấu đó nhằm dùng mùi hôi mà kích thích các dê cái. Bình thường dê đực cũng đã rất nặng mùi vì trên đầu chúng có hai hạch tiết ra mùi hôi nằm ngay phía sau cặp sừng. Người nuôi dê nếu không muốn dê quá hôi, họ có thể đốt hai hạch này và thường đốt lúc dê còn nhỏ cùng lúc với đốt cặp sừng. Dê cái động cựa vào tháng 8 và tháng 9. Các nhà chăn nuôi dê cần biết lúc nào dê động cựa để tìm dê đực giống tốt mà gầy giống để có thêm nhiều dê cái mới cung cấp được nhiều sữa hơn.

Dê cái đến thời kỳ "rao rục xuân tình" thì tinh thần tỏ ra căng thẳng "vào ra thơ thẩn đứng ngồi không yên" thường ngẩng đầu qua hàng rào tìm bóng dáng dê đực. Nếu có sẵn dê đực giống thì chủ trại sẽ cho "song dương kết hợp". Dê đực sẽ tiến tới, cổ vươn ra, cặp môi uốn cong để lộ hàm răng ra và lưỡi thì thè ra thụt vào trông rất là khấn trương, căng thẳng. Dê đực xáp lại dùng mũi cọ lên lưng dê cái và đưa một chân trước lên đưa đẩy thăm dò. Nếu dê cái thuận tình thì dê đực sẽ đặt cả hai chân trước lên và bắt đầu việc truyền giống. Dê đực rất mạnh về tình dục, có thể gieo giống cho hàng chục dê cái trong một ngày. Trong nghề nuôi dê người ta chỉ giữ một ít dê đực để làm giống mà thôi vì nuôi nhiều dê đực không có lợi, chúng không có sữa mà lại hay đánh nhau để giành dê cái. Vì dê đực cả trang trại chỉ một vài con cho nên trong mùa dê động cựa, dê đực phải làm việc rất nhiều để thỏa mãn hết cả đàn dê cái nên lúc này dê đực rất ốm yếu, tiều tụy thấy rõ! Dê là giống vật rất sớm phát triển về sinh lý, dê

cái lớn chưa đầy 2 tháng thì có thể thụ thai nhưng trong nghề chăn nuôi người ta cho dê cái thụ thai lúc gần một tuổi vì ở lứa này dê cái có nhiều sữa hơn hết.

Thời gian mang thai của dê cái khoảng 21 tuần. Dê đẻ mỗi lứa từ 1 đến 3 con. Khi lâm bồn dê cái chọn nơi kín đáo, mặt đất bằng phẳng được phủ lên bằng một lớp cỏ khô êm ái. Dê con được sanh với đầu chui ra trước. Thường thì dê tự sanh con một mình, tuy nhiên trong trường hợp như dê con quá lớn hay chui ra ngược thì cần phải có người hộ sinh. Chỉ một vài giờ sau là dê con có thể theo mẹ đi lòng vòng đó đây. Dê con sống bằng sữa mẹ trong vòng một tháng và sau đó có thể tự túc mưu sinh bằng cây lá.

Dê không thích đời sống cô đơn, riêng rẽ mà thích sinh hoạt tập thể. Do đó người nuôi dê không nên nuôi một hai con mà phải nuôi cả đàn vài chục con, trong đó chỉ cần giữ lại một vài dê đực là đủ. Đời sống của dê khoảng 12 năm nhưng cũng có nhiều loại sống đến 17 năm.

Dê đực tiếng Mỹ gọi là *Ram* hay *Billy* nhưng những người chăn nuôi hay gọi là *Buck*. Dê cái được gọi là *Doe* hay *Nanny* và dê con được gọi là *Kid* cho đến khi nó có thể sinh được con.

PHÂN LOẠI CÁC GIỐNG DÊ RỪNG

Ngoài dê được nuôi như gia súc vừa kê? còn có nhiều loại dê rừng sống nơi hoang dã. Dê rừng thường sống ở miền núi khắp nơi trên thế giới nhưng tập trung nhiều nhất là vùng Tây Á nơi có cao nguyên Tây Tạng. Dê rừng có cuộc sống du-mục rày đây mai đó, tùy thuộc vào thực phẩm và khí hậu. Vùng núi nào có cây cỏ và khí hậu ẩm áp là dê tới sinh sống. Những giống dê rừng thường được nhắc tới là những giống dê sau đây:

1. *Dê núi sống ở dãy Rocky Mountains*: Toàn thân có lông dày màu trắng, sừng đen cong và nhọn hướng về phía sau. Dê núi này chịu lạnh rất khá và có khả năng tự vệ có thể hạ những đối thủ tấn công nó như báo,

chó sói, gấu và chim ó. Chúng leo trèo rất giỏi và thích đứng trên những mồm đá cao và cheo leo để rồi từ đó "dương cặp mắt bé giễu oai linh rừng thẳm". Các tay săn bắn rất thích săn sơn dương nhưng mỗi khi hạ được chúng việc lấy xác sơn dương không phải là chuyện dễ.

2. *Dê núi Tây Tạng (Chiru hay Tibetan Antelope)*: Chúng sinh sống tại vùng đất cao nhất thế giới là cao nguyên Tây Tạng có cao độ từ 12 đến 18 ngàn feet. Có bộ lông xám dày và mịn. Dê cái không có sừng nhưng dê đực có sừng đen dài đến 2 feet. Khi nhìn ngang 2 sừng nhập lại giống như một sừng. Đó có thể là nguyên nhân phát sinh ra một loài thú không có thật là Dê Một Sừng (Unicorn) mà nhiều người cho rằng họ đã trông thấy. Vài năm trước đây có một người Mỹ tuyên bố bắt được một con dê một sừng nhưng khi giám nghiệm kỹ thì "độc sừng" lại là một sừng giả được gắn vào giữa trán!
3. *Dê Saiga*: Hình dạng giống như con cừu, thân lùn cao khoảng 3 feet, đầu thấp với mũi to. Chúng sống ở vùng đồng bằng miền Trung Á, phía Nam Nga Sô và sa mạc Gobi. Thường xuyên chúng phải chịu đựng với những trận bão cát. Dê Saiga chỉ có con đực mới có sừng và sừng của chúng được người Trung Hoa xem là một môn thuốc quý, một cặp sừng trị giá đến 400 đô la Mỹ.
4. *Dê Goral*: Sống trong rừng Hy Mã Lạp Sơn chạy dài đến Siberia. Giống này lùn như dê Saiga và cân nặng độ 60 pounds. Người Trung Hoa xem bộ xương của nó như một môn thuốc gia truyền được bán với giá rất cao. Dê Goral có tài ẩn trốn rất hay trong các bụi rậm. Muốn bắt nó người ta chỉ còn

nước lắng nghe tiếng thở phì phò của chúng mà thôi.

5. *Dê Chamois*: Sống ở vùng núi Alps bên Châu Âu, là một loại thú rừng mà dân Âu Châu rất thích đi săn. Chúng có thân hình bằng con dê thường nhưng bốn chân lai?khỏe thần sầu nên có thể nhảy như chim. Nó có thể phóng mình từ một ghềnh đá cao xuống một nơi thấp hơn cỡ 20 feet mà khi chạm đất 4 chân vẫn đứng vững như đồng. Thịt rất ngon như thịt nai tơ và đặc biệt da của Chamois sau khi thuộc rất mềm và mịn hút nước rất mạnh nên người ta thường dùng da Chamois để lau xe, lau kính sau khi rửa xe. Chamois là thú thuộc loại hiếm quý nên ngày nay trong kỹ nghệ sản xuất da Chamois người ta thay thế bằng da cừu hay da dê.

DÊ VÀ LOÀI NGƯỜI

Dê được loài người nuôi khắp nơi trên thế giới và tổ tiên của chúng có lẽ là từ giống dê *Pasang* xuất xứ từ miền Trung Á. Dê đóng góp khá nhiều điều hữu ích vào đời sống nhân loại. Thuở xưa dân du mục sống nơi sa mạc lúc nào cũng nuôi một đàn dê bên cạnh để cung cấp hầu hết những món cần thiết cho cuộc sống của họ. Thịt dê làm đồ ăn, sữa làm thức uống, da làm quần áo, mỡ để thắp đèn, xương và sừng làm thuốc cho đến phân cũng còn được dùng để bón ruộng. Dê là một loại gia súc rất dễ nuôi, ăn toàn lá cây, cỏ dại, ngũ cốc, hoa trái đôi khi còn ăn luôn cả giấy báo, bao ny-long! Dê rất mau lớn, 6 tháng có thể cung cấp đến 30 pounds thịt rỗng, nghĩa là thịt sau khi được lóc ra khỏi xương. Thịt dê chiếm 5.7% trên tổng sản lượng thịt cung cấp cho toàn thế giới. Hương vị thịt dê ngon và phẩm chất dinh dưỡng được đánh giá cao không thua thịt cừu và gần giống thịt nai. Tại Hoa-Kỳ nhất là tiểu bang Texas có khoảng nửa triệu dê được nuôi để lấy thịt. Vì luật lệ liên bang không bắt buộc nên tại Hoa Kỳ các hãng thịt thường bán thịt dê nhưng ngoài bao bì lại đề là thịt cừu (Lamb hay Mutton) cũng như ta có câu "Treo đầu dê bán thịt chó". Chỉ một số thành phố và tiểu bang Oregon cấm



không cho các nhà sản xuất thịt nhập hàng trong việc "Dán nhãn truu, bán thịt dê" nói trên. Thịt dê được tiêu thụ ở miền Tây nhiều hơn miền Đông và được dân Mỹ dùng làm "barbecue". Ở Việt Nam thịt dê cũng được thịnh hành để làm món Lẩu Dê hay Cà-Ri Dê. Dê được nấu cà-ri thật hợp tình, hợp lý vì dê nặng mùi nhờ hương liệu thơm cay nồng của bột cà-ri mà thịt dê hết mùi hôi, trở nên đậm đà, hợp khẩu vị. Bên Ấn-Độ thích nuôi dê để lấy thịt một phần cũng vì lý do tôn giáo: Mấy ông Ấn-Độ theo đạo Hồi thì cử thịt heo, mấy ông theo Ấn-Độ giáo lại kiêng thịt bò! Cho nên chỉ có thịt dê là thượng sách, đẹp lòng "quan viên hai họ". Dân nhậu xứ ta rất tán dương thịt dê và gọi là thịt "Ông Thầy". Món "Ngầu Pín" được nấu bằng bộ phận sinh dục của dê được và theo quan niệm "ăn gì bổ nấy" thì được cho là rất bổ dưỡng không thua gì uống Tam Tinh Hải Cầu Bồ Thận Hoàn của nhà thuốc Nam-Sơn ngày trước hay "thần dược" Viagra hiện giờ!

Sữa dê bổ dưỡng không thua sữa bò mà lại ít chất béo và dễ tiêu hóa hơn sữa bò. Nhiều trẻ sơ sinh uống sữa bò không hợp hay bị tiêu chảy, đổi sang sữa dê thì lại êm ru. Nhưng sữa dê cũng bị khuyết điểm là có mùi "dê" mà các nhà chăn nuôi cho rằng tại dê ăn nhầm một số cây nào đó như hành hay kiệu mọc hoang hoặc tại nuôi gần đám dê đực. Sữa dê được loài người dùng làm thức uống từ thuở xa xưa và dê được xem là bò của dân nghèo. Dân vùng Tây Á khi đi đâu xa thường đem dê theo để bảo đảm có nguồn cung cấp sữa tươi tại chỗ. Thánh Gandhi của Ấn-Độ trong chuyến viếng thăm Anh-Quốc lần cuối cùng trong đời ngài cũng có mang theo hai con dê sữa, cột phía sân sau dinh thự ngài trú ngụ.

Cho nhiều sữa là các giống dê French-Alpine, Toggenburg và Saanen. Ở Hoa-Kỳ giống dê Toggenburg đạt kỷ lục 5750 pounds sữa trong 305 ngày. Dê loại tốt trung bình mỗi ngày cho 5 pounds sữa và kéo dài đến 10 tháng sau mỗi lứa đẻ. Dê sản xuất 1.8% trên tổng khối lượng sữa toàn thế giới.

Nuôi dê để lấy lông dệt len làm quần áo là giống dê Angora và Cashmere. Angora cho lông dài, màu trắng óng ánh để làm len Mohair và chúng được nuôi ở Thổ

Nhĩ Kỳ, Nam Phi, Hoa-Kỳ, Trung Quốc và Iran. Còn dê Cashmere được nuôi ở vùng Kashmir bên Ấn-Độ cho len Cashmere rất nổi tiếng mịn màng, óng ánh như nhung gấm.

Ngoài việc cung cấp đồ ăn ngon lành, thức uống bổ dưỡng, quần áo sang trọng, dê còn là một lực lượng xung phong trong công tác khai hoang ngoài các đảo vắng. Tại các đảo ngoài khơi miền Nam California như đảo Santa Rosa, Santa Cruz, San Clemente là những vùng quân sự dùng dê thí nghiệm những vũ khí tối mật, Bộ Quốc Phòng đã nuôi những đàn dê để chúng ăn lá cây giúp cho các đảo này luôn luôn được trống trải không bị um tùm bao phủ bởi cỏ hoang, cây dại. Vì mật độ của dê sinh sản trên các đảo này quá đông nên Bộ Quốc Phòng đã dùng phi cơ xạ kích giết bớt đi. Các hội bảo vệ súc vật cũng đã lên tiếng và biểu tình phản đối. Có ý kiến đề nghị đem chúng đi cứu đói bên Phi Châu nhưng vì chi phí chuyên chở quá cao nên ý kiến đó cũng không có lợi.

Nhiều thành phố ở miền Nam California như Upland, Fontana, dê được tuyển dụng làm "công chức" không ăn lương mà chỉ cần ăn...cỏ. Mỗi ngày chúng được xe chở tới những bãi đất trống được rào quanh các hồ chứa nước để làm công tác khai hoang bằng cách ăn cỏ hoang và cây dại. Trong mục ý kiến dân chúng trên báo cũng có thư phê bình chính quyền thành phố là "lạm dụng súc vật" vì cho ăn mà không cho uống vì người viết bức thư cho biết: "trời nóng đến 100 độ F mà không thấy chậu nước nào cho đàn dê uống"!

Dê đóng góp cho người đời rất nhiều thứ, là một trong những gia súc hữu ích vào bậc nhất đối với người đời. Khi nhắc tới dê là người ta cười khẩy xem thường, chỉ thấy những tật xấu nhỏ nhoi của dê mà quên đi những cống hiến hữu ích to lớn. Xưng tụng "Ông Thầy" của giới "mày râu" thường có ý nghĩa khôi hài trong lúc trà dư tửu hậu. Năm Dê sắp về chúng ta hãy trả lại dê giá trị xứng đáng của nó, hãy mang cho nó bó rau tươi thay vì khoát tay xua đuổi.

TRỊNH HẢO TÂM

DỌN VỀ QUẬN CAM

Lão Già Ba Tri

- 1 -

Thế là một ngày hè nắng gắt, từ già Phong-Tá-Nà (Fontana) dập dùi gió bão. Lão tôi đã dọn về Quận Cam. Ra đi lưu luyến để lại một vườn cây trái rụng đầy sân. Nào ổi, nào đào, nào hồng, nào chuối, nào xoài, nào cam. Nhiều khi muốn hái cho đồng hương, thân hữu nhưng sợ người ta không ăn vì nhà nào cũng có mấy thứ đó. Phơi khô sợ ruồi nhặng, làm mứt sợ... tiểu đường! Thôi thì đành để rụng rơi theo ngày tháng.

Lão tôi dọn về Quận Cam vì tuổi đã quá bình minh, chứ chưa xế bóng (không phải “đứt bóng” đâu nhé), để một ngày nào đó an hưởng tuổi...vàng được sống gần đồng hương, vui cùng vui, sướng cùng sướng với đồng hương. Nói theo bác sĩ chủ tịch cộng đồng là “gắn bó” với đồng hương. Nói theo chủ tịch phường hội còn ở VN là “đi sâu, đi sát vào quần chúng”. Ăn thiệt, ăn chơi cũng không bằng ăn...nhậu. Nói qua, nói lại không bằng nói thiệt. Thiệt tình mà nói, chẳng qua Lão tôi dọn về Quận Cam vì những tiện nghi vật chất lẫn tinh thần. Sau bao năm lê gót trên quê người, lặn hụp theo dòng đời trôi nổi, Lão tôi tìm về Quận Cam để chuẩn bị...tu. Cổ nhân ta có nói: “Có thực mới vực được đạo”, muốn tu cho thành chánh quả thì phải no bụng trước đã. Muốn no bụng thì phải có đồ ăn mà muốn có đồ ăn thì phải nấu nướng. Nghệ thuật nấu nướng thì Lão tôi là một cây xanh dờn, là bạn chí thân với bà Thuần Thảo nên Lão nấu món nào là ra...tro món đó. Xuống Quận Cam Lão khỏi mắc công nấu, khỏi lo dơ bếp, hôi nhà. Đói bụng Lão chỉ cần chạy ra mấy tiệm “Fast Food” nằm trong các chợ mà mua “Cơm Chì”. Gọi là “Cơm Chì” bởi vì mình muốn ăn món nào thì chỉ món đó, cô bán hàng sẽ múc. Giá tối thiểu chỉ có một đồng bạc nhưng ề hề món ngon vật lạ, cao lương mỹ vị. Toàn là những món ăn của bác

vương tôn công tử, vua chúa ngày xưa. Đơn cử một vài món ngon như chim cúc rôt, chả cá Thăng Long, chả bò thì là, nem nướng Nha Trang, nem chua Ninh Hoà, bánh cuốn Thanh Trì, cá chép kho tương, cá hồng hấp mỡ. Ôi thôi hàng trăm món không sao kể xiết. Món ăn đã thấy ngon lại được luôn luôn hâm nóng đun sôi sùng sục, bên trên chiếu đèn rọi xuống vàng tươi hực hờ. Các cô múc đồ ăn lại ân cần vui vẻ, má đỏ môi son. Bánh bao bày hàng nóng hổi. Khách đã đói lại càng thấy đói hơn!

Hôm nào ngán cơm chỉ thì Lão ăn bánh mì. Ở Little Sai-Gòn có nhiều tiệm bánh mì ngon đặc biệt. Bánh mì tròn cũng có mà bánh mì dài cũng có, tiếng Tây kêu là bánh mì “ba-gét”, ai ưa thứ gì thì lựa thứ nấy. Các tiệm này vừa bán bánh mì không cho những vị ăn chay lại vừa bán bánh mì nhét thịt cho những ai ngã mện, gọi là bánh mì...đặc biệt. Những ai cứ thịt vì sợ “Cò lét tê rôn” thì có thể ăn bánh mì gà hay bánh mì cá moi. Giá mỗi ổ từ một đồng trở lên, tiền nào của nấy, khách hàng khỏi lo. Bên cạnh quầy bánh mì là quầy chè. Chè ở đây là món ăn ngọt để tráng miệng hay để cho các bà các cô ăn chơi chớ không phải là “trà” để uống nhâm nhi ở miền Bắc buổi sáng. Chè có rất nhiều thứ: chè đậu, chè thượng, chè xôi nước, chè ba màu, chè bà ba, chè Thái Lan, sâm bổ lương, nước mía, rau mát v.v...nghĩa là những loại chè VN cộng thêm những loại chè ngoại quốc mà người VN đi du lịch các nước rồi du nhập vào thực đơn của ta.

Bác sĩ thường khuyên nên ăn nhiều rau cải, trái cây. Ở thủ đô VN ty nạn rau cải, trái cây rẻ vô cùng, rẻ kỳ lạ, rẻ lạ thường! Nhiều lúc dưa hấu, chuối già, cam, dưa gan honeydew bán với giá 10 pounds một đồng!

- 2 -

Xứ Mỹ có tên là Huê-Kỳ nên có nhiều chuyện cũng kỳ thật! Thành phố Riverside có nghĩa là ?Ven sông? nhưng ở đó có con sông nào đâu? Có chăng chỉ là một cái mương nhỏ xiú hai bờ lau sậy mọc lơ thơ! Còn Quận Cam, nghe tên tưởng có trồng nhiều cam nhưng tới nơi thấy toàn là nhà cửa. Nhưng nhà cửa ở đây không phải rẽ. Theo thống kê cho biết giá nhà trung bình ở quận Cam là 365 ngàn đồng! Nhiều căn nhà nhỏ xíu, tuổi cỡ Lão Già Ba Tri mà ra giá hơn 300 ngàn đồng. Vậy mà vẫn có người mua. Vừa treo bảng chờ 2 tuần là đã bán mất. Những ai muốn ?kỳ kèo bớt một thêm hai? là hụt giò không mua được vì người mua nhiều khi còn trả giá cao hơn năm ba ngàn. Tại sao có chuyện lạ như vậy? Theo báo chí là vì số nhà bán ra thì ít mà người cần mua nhà thì nhiều. Nhiều người Việt hơn hai chục năm nay ở miền Đông Bắc giá lạnh, chán cảnh cào tuyết mùa Đông, nay tới tuổi về hưu bèn bán nhà cửa, mượn xe U Haul lên đường để dọn về Quận Cam quanh năm nắng ấm chan hòa. Những cán bộ hạng gộc có con du học bên này cũng nhắn với con: "Ráng kiếm nhà ở Saigon Nhỏ nghe con, càng gần Phước Lộc Thọ càng tốt!" Vì vậy giá nhà quận Cam mới lên vùn vụt. Càng thất nghiệp giá nhà lại càng lên. Buồn bán ế ầm giá nhà vẫn không xuống!

Lão Già Ba Tri ham vui nên cũng theo trào lưu mới đó. Chỉ một đêm cuối tuần bằng hai chuyến U Haul chất đầy nồi niêu song chảo, giẻ rách, chổi cùn. Hai thằng con đã đưa Lão về Quận Cam. Vừa chạy xe vừa hát nhạc Hoàng Thi Thơ mà nó nghe ké trong băng vi-đi-ô: ?Con đưa Ba đi địa, địa Bolsa Ba khóai! Con đưa Ba đi địa, địa Bolsa tuyệt vời!? Thấy tụi nó vui mà Lão cũng vui lây!

Bolsa cũng vui thiệt! Nghe lời dặn của bác-sĩ chủ-tịch cộng đồng Pomona, sáng sáng là Lão phải đi "Quót Ao" (work out) ở Bally ?Heo? Spa tận dưới Huntington Beach. Nói là ?Quót Ao? nghe ghê gớm nhưng thật ra Lão chỉ lên máy đạp vài cái là leo xuống. Vì đạp nhiều cũng tốn công, qua kinh nghiệm bản thân, dù tập cho nhiều nhưng những chỗ mình muốn cho nhỏ đi nó vẫn...bự và những chỗ muốn cho bự ra thì nó vẫn... nhỏ. Lão Già Ba-Tri muốn nói tới bụng và ngực đó, đừng nghĩ tới những chỗ khác không nên !

Leo xuống xe đạp thì Lão ra hồ nước nóng sôi sùng sục. Ở đây mỗi buổi sáng đều đông vui. Các bà, các cô vừa ngâm mình cho làn nước nóng xoa bóp vừa nói chuyện râm rang. Câu chuyện thường là ở đâu có hàng "Sale", chợ nào bán rẽ, cách thức nấu ăn sao cho ngon, tập cách nào cho xuống cân mà lại khỏe người, uống thứ gì trị được bệnh kinh niên. Ôi thôi nơi đây cũng như "phụ nữ diễn đàn", bà thuyết minh, cô góp ý, toàn là những kinh nghiệm hữu ích. Nhận thấy mình trí óc thô thiển, tài năng không có, ăn nói thì dở hơi lại gàn bát sách nên Lão vừa ngồi ngâm nước nóng, ngâm miệng mà nghe lời vàng ý ngọc thánh đạoát rót vào tai. Mất thì lờ đờ nhìn quanh đảo dác về phía hồ tắm nơi các bà, các cô đang tung tăng bơi lội. Nhiều khi còn nhận ra vài cô ca sĩ quen quen. à bây giờ thì Lão biết tại sao gọi là Quận Cam rồi! Vừa có cam Lai Vung lại có cả bưởi Biên Hòa! Trái nào cũng bóng láng nhiều nước! Đang nhìn cam, ngắm bưởi thì có hai ông đầu cạo trọc xuống ngâm dưới hồ nước. Có lẽ là hai ông sư trụ trì tại một ngôi chùa nào đó cũng đi "Quót Ao" duy trì sức khỏe như Lão. Thấy ngâm cũng đã đủ nên Lão leo lên bờ và rời ?Heo Spa?.

Sau khi ?Quót Ao? ra thì nắng đã lên cao, bụng cũng đã đói nên Lão chạy thẳng về Garden Grove và ghé tiệm bánh mì Lee?s Sandwich mới khai trương nơi góc đường Westminster và Brookhurst. Nơi đây rất đông vui, người ra kẻ vào tấp nập cảnh rất hợp với già mà ham vui như Lão. Vì là cơ sở mới xây cất nên rất khang trang và hiện đại "hi tech" còn hơn các tiệm "fast food" của Mỹ. Đơn cử như có gắn hệ thống sưởi điện phía ngoài để khách hàng "order" thức ăn ở cửa sổ bên ngoài bớt lạnh. Lão vào bên trong mua khúc bánh mì gà và một tách cà phê sữa đá. Các cô gái bán hàng đều trong lứa tuổi còn đi học, nhanh nhẹn và vui vẻ, nói cả hai thứ tiếng. Hệ thống lấy "order" ở đây được vi-tính hóa nên rất nhanh lẹ. Cầm số order, Lão tìm một chiếc bàn trống, chẳng mấy phút thì số của Lão được kêu. Bánh mì ở đây loại ?baguette? có những hạt "wheat" cắn nghe dòn rạo rạo. Cà phê sữa là cà-phê Pháp rất thơm và béo. Đây là lần đầu Lão vào Lee?s Sandwich và Lão rất hài lòng món ăn sáng ở đây, hai thứ chỉ có ba đồng cộng thuế và phục vụ nhanh chóng, sạch sẽ.

Bolsa là một khung trời Việt Nam thu nhỏ, những gì ở Việt Nam có, ở đây đều có. Nhưng hơn một điểm là có những cái ở VN không có. Những thứ đó đều độc đáo hấp dẫn. Từ từ Lão Già Ba-Tri sẽ khám phá và công hiến bạn đọc xa gần. Thi sĩ Ao Bà Om thuộc thi-đàn ?Bến Tắm Ngựa? đến viếng Bolsa một lần cảm hứng, bèn vạch lá đề thơ như sau:

*Một chiều qua phố
Bôn Sa,
Người như trầy hội,
lượt là xiêm y.
Bụng lưng thì có
bánh mì,
Phở, cơm, hủ tíu,
cháo, mì, bún riêu.
Nghe nhạc thì có
băng Sale
Mười đồng bốn đĩa
giá bèo nhưng hay.
Sáng mai từ già
chốn này
Luyến lưu nhớ mãi
những ngày Quận
Cam.*

- 3 -

Giáng Sinh 2002 đã đi qua và đây là một mùa Giáng Sinh buồn. Buồn là vì bán buôn ế ẩm, theo báo chí cho biết đây là một Giáng Sinh mà mức mua sắm bất bát nhứt trong hàng chục năm qua. Người ta không mua sắm nhiều vì kinh tế ịch, thị trường chứng khoán cứ la đà cứ như thả diều mà không có gió. Một lý do khác khiến người ta không móc hầu bao xài tiền rộng rãi là vì ai cũng lo ngại chiến tranh với Iraq sẽ xảy ra sau Tết dương lịch. Một mùa Giáng Sinh trong tâm trạng bất an khiến cho Lão nhớ lại ba bốn mươi năm trước ngày còn ở Việt Nam cũng thường đón Noel trong cảnh khói lửa chiến tranh " Lại một Noel nữa đến trong khói lửa chiến tranh...", "Giặc về qua xóm đạo, giết sập gác chuông, phá tan hoang xóm đạo...". Noel năm nào cũng có hươu chiến nhưng nói cho vui thôi chớ súng thì vẫn nổ. Ngày xưa đó Lão còn rất trẻ (tuy rằng ngày nay Lão vẫn chưa...già) nên rất ham vui. Có những đêm Noel trời không lạnh cũng diện áo len hay áo "vét" lượn "mobylette" hay "velo solex", hết bồn binh trước chợ lên tới nhà thờ như "anh khách lạ

đi lên đi xuống!" Chờ tới nửa đêm thì xem lễ, coi kịch thiên thần báo tin mừng đến các mục đồng do các "con bà phước" trình diễn. Ngày ấy thi sĩ Ao Bà Om (lúc đó thi đàn "Bến Tắm Ngựa" chưa được thành lập) cũng đã tức cảnh sanh tình, diễn tả lời thơ trau chuốt như sau:

*Nhớ những đêm đông Đà Lạt
Rặng thông già xào xạc dưới ánh trăng.
Noel đến anh cùng em đi lễ
Ngôi thánh đường ở tận trường Adran.*

Mấy chục năm đã trôi qua, trải qua bao chiến cuộc thăng trầm, hụp lặn theo dòng đời trôi nổi, năm nay là năm đầu tiên lão đón Christmas ở Quận Cam. Vì là thủ đô VN tỵ nạn nên không khí Giáng Sinh ở đây cũng có hơi hướng VN thưở nào. Ngồi uống cà phê ở mái hiên của quán "Sừng trâu Vàng" trên đường Bôn Sa, Lão còn thấy người ta vào mua những bánh "Khúc thông Giáng Sinh" để chuẩn bị cho bữa tiệc nửa đêm "Reveillion". Lên xe mở radio lão còn nghe lại được những bài hát Giáng Sinh quen thuộc ngày nào như "Dương trần đã vang lên bài thánh ca..." (Lời con xin Chúa), "Cao cung lên khúc nhạc thiên thần Chúa..." (Cao Cung Lên), "Bài hát đêm đông chạnh lòng tôi nhớ nhiều..." (Dư âm mùa Giáng Sinh), "Mùa Noel đó chúng ta quen bên giáo đường..." (Hai Mùa Noel) và những bài ca Giáng Sinh trong chiến tranh như " Mùa Giáng Sinh xưa anh hẹn anh sẽ về..." (Màu Xanh Noel), " Tiền đồn xa vắng heo hút...(Tà áo đêm Noel), "Có ai về miền quê lửa khói cho tôi nhắn vài câu..." (Bóng nhỏ giáo đường) và "Lạy Chúa con là lính trận miền xa..." (Lá thư trần thế). Âm điệu của những bài hát quen thuộc ngày nào đưa hồn của Lão trở về dĩ vãng của ba bốn chục năm về trước. Những kỷ niệm ngày xưa hiện về như những thước phim cũ, không âm thanh nhưng chan chứa ân tình, gói ghém những nhớ thương...Lão ngồi bên ly cà phê mà đôi mắt đỏ hoe. Cô hàng cà phê như thông cảm tâm sự của Lão, nhẹ nhàng bước đến đem cho Lão thêm một ly trà nóng uống cho ấm lòng.

Tuổi già khó hội nhập với xã hội mới thường sống với quá khứ và không chấp nhận những gì mới. Xem quá khứ là "khuôn vàng thước ngọc", mặc dù có sai lầm, có thất bại nhưng nếu có làm lại từ đầu họ vẫn làm y

chang như vậy. Nếu ai hỏi tại sao không thay đổi thì các cụ nói phải giữ vững lập trường, không ngã nghiêng chao đảo, vẫn cho mình là đúng và đổ thừa thất bại cho người khác như ông Tám Thọ hay ông Râu Kẽm hoặc "bị", "tại" ...đồng minh phản bội! "Gió đưa cây cải về trời, rau răm ở lại chịu nhiều đắng cay!" Năm qua Tám Thọ về Chàm. Ông Râu ở lại bị...dàn tả toi!

"Lại một Noel nữa đến trong khói lửa chiến chinh..." Lời hát ngày xưa xoay dần theo chu kỳ lại hợp với ngày hôm nay. Buồn quá, để cho khuây khỏa Lão rời quán cà phê mà xuống Fountain Valley coi đèn thiên hạ trang trí mùa Giáng Sinh. Theo lời khen nức nở của báo Mỹ lẫn Việt, Lão phải đến xem cho biết để tường trình với bà con ở xa. Từ Bôn-Sa Lão quẹo phải vào đường Bốc-Hốt (Brookhurst) vừa qua khỏi Edinger thì thấy xe cảnh sát chợp đèn trên mũ và đặt một hàng "cone" nhựa không cho xe từ hướng Nam quẹo trái vào đường Heil. Việc này cũng chính đáng để tránh xe quẹo trái đụng vào xe đang chạy thẳng. Lão ôm cua quẹo phải vào đường Heil. Ngay con đường nhỏ đầu tiên bên tay mặt thì cả một xóm nhà đèn giăng sáng rực. Một xe cảnh sát đậu ngay lối vào và chặn những xe muốn vào khu giăng đèn. Nhìn quanh trên đường Heil không chỗ nào có thể đậu được vì có bảng cấm. Lão không bỏ cuộc lái xe tới và hạ cửa kính xuống.

-Hôm nay cụ có khỏe không? Anh chàng cảnh sát trẻ tuổi xã giao hỏi Lão.
-Cám ơn, cũng khỏe. Lão trả lời.
-Cụ là cư dân trong khu này chứ? Cảnh sát tiếp tục hỏi để định không cho Lão vào xem đèn vì sợ xe lưu thông trong khu này quá đông. Lão muốn vào xem cho biết nên tìm cách trả lời:

-Tôi vào thăm bạn tôi trong khu này.
Cảnh sát hỏi tiếp:
-Địa chỉ nhà số mấy vậy Cụ?
Lão tới luôn:
-Không nhớ số nhà nhưng tôi biết đường tới nhà đó.
Anh cảnh sát không còn lý do để ngăn không cho Lão vào nên nói:
-Cụ đậu xe trên drive way nhé không được đậu dưới đường !
-Vâng, cám ơn nhé.

Vậy là Lão tà tà đi vào...thăm bạn. Đèn đuốc trong khu này sáng choang, nhà nào nhà nấy treo đèn kết hoa từ trên nóc nhà xuống tới bãi cỏ. Những con nai gục gặc cái đầu, những xe trượt trên tuyết, ông già Santa Clause mặc quần áo đỏ, râu trắng bụng nước lèo. Xe thì chạy chậm chậm nối đuôi nhau, người thì đi bộ nắm tay nhau trông rất đầm ấm đê huê. Nhiều ngôi nhà cho phát những bản nhạc Giáng Sinh như Silent Night du dương thánh nhạc hay Jingle Bell nhí nhảnh vui tươi. Âm thanh và cảnh trí cũng như không khí mát lạnh của Quận Cam làm cho những người trẻ tuổi càng náo nức, riêng Lão nhìn cảnh Noel rực rỡ vui tươi nơi xứ người Lão cũng lại nhớ tới những Noel chính chiến ngày xưa nơi quê hương triền miên khói lửa của Lão. Lão đã từng đón Noel trên miền rừng núi mà hoa đăng mừng Chúa ra đời là những trái sáng hỏa châu lập lòe trong bóng đêm đầy bất trắc.

Vinh danh Thiên Chúa trên trời cao.
Bình an dưới thế cho...Lão Già Ba Tri

Lão Già Ba Tri

HƯỜNG NHAN

Huỳnh Công Ân

(Lời chú của tác giả: Các tính danh trong truyện đều là sản phẩm của tưởng tượng)

"Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên"
(Chinh Phụ Ngâm)

Buổi họp báo cáo công tác hàng tuần của các khu và ban vẫn tiến hành tại văn phòng trại. Khi bước vào phòng họp Hoàng nhận thấy có một khuôn mặt mới nhưng lại trông rất quen: một phụ nữ trạc 35 tuổi ngồi bên phải của trưởng trại Hùng. Anh này mau mắn giới thiệu:

- Anh Hoàng đến trễ nên tôi xin giới thiệu với anh, đây là chị Nguyễn thị Hường, tân trưởng ban thông tin thay cho chị Yến đã rời trại. Còn đây là anh Võ Tấn Hoàng, trưởng khu C. Bốn mắt nhìn nhau. Hoàng trông thấy vẻ ngạc nhiên trong đôi mắt của người đàn bà đẹp. Quả thật là trái đất tròn! Nguyễn thị Hường, hoa khôi của xứ Trà Vinh ngày nào đây mà!

Người đàn bà buột miệng:

- Thầy...anh Hoàng.

Cuốn phim dĩ vãng của gần hai mươi năm trước như được chiếu lại trong óc của Hoàng.

Ngày ấy anh là một thầy giáo trẻ mới ra trường, còn nàng là nữ sinh lớp đệ nhị của trường công lập Vĩnh Bình. Anh đã nhận thấy ngay vẻ đẹp trội hẳn của nàng giữa hơn bốn mươi cô gái khác dù trong số đó có nhiều cô cũng rất xinh đẹp.

Anh là giáo sư hướng dẫn của lớp nên nắm rõ lý lịch của từng người đẹp. Còn nàng là con gái của ông phán Hai, nhà có nấu cơm tháng cho quân nhân, công chức và giáo sư đến ăn. Những cô con gái của ông phán Hai nổi tiếng là đẹp nhất thị xã Phú Vinh này. Do đó quán cơm trọ của ông rất đắt khách. Buổi trưa và chiều nào nhà ông cũng đặt nghẹt người. Những anh sĩ quan sư đoàn 9 bông mai sáng chói trên ve áo ngồi xen kẽ với các ông trưởng ty áo quần bảnh bao. Các vị giáo sư thì lúc nào đến ăn cơm cũng cravate chỉnh tề như đi dạy học vậy. Rồi thì các ái nữ xinh đẹp của ông phán Hai lần lượt

bước lên xe hoa về nhà chồng. Cô thì lấy ông kỹ sư trưởng ty nông nghiệp, cô thì lấy ông phó quân châu thành còn cô chị kế của Hường thì lấy ông đại úy trưởng phòng tuyển mộ nhập ngũ. Chắc chắn trong số các "cây si" ăn cơm ở nhà ông phán Hai, không ít người đã mang vết thương lòng khi thấy người trong mộng của mình thuộc về người khác. Giờ chỉ còn lại đoá hoa Hường cuối cùng mà biết bao ong bướm dập dìu gặm ghé. Có điều làm cho các tay lăm le bắn sê ghen tức là mỗi lần Hoàng đến ăn cơm thì Hường tơ ra sẵn đón anh tận tình. Không biết đó là vì tình nghĩa thầy trò hay nàng có ý gì với anh chẳng? Hoàng chỉ sợ mình lăm lăm lần. Được làm chủ một đoá hoa xinh đẹp đó thì còn gì diễm phúc hơn? Nhưng trước các cặp mắt dò xét của các đối thủ Hoàng chỉ biết dùng câu nói lịch sự, khách sáo và "bề trên" là "cám ơn em" mỗi khi nàng mang thức ăn đến cho anh. Còn các anh chàng "thợ săn" khác thì không bỏ một cơ hội nhỏ nào mỗi khi nàng đến bàn của họ để tán tỉnh.

Ngay trong những giờ học hay những buổi sinh hoạt hướng dẫn, Hoàng thường bắt gặp ánh mắt đắm đuối của nàng dành cho anh. Nhưng lúc nào cũng vậy, khi bốn mắt gặp nhau thì Hoàng là người đầu tiên quay nhìn chỗ khác. Anh sợ các cô học trò trông thấy nghi anh có tình ý riêng với Hường. Có lần anh cho một bài toán khó cả lớp không ai làm được. Khi chàng hỏi ai giải được bài toán đó thì Cúc, cô học trò tinh nghịch nhứt lớp lên tiếng: "Thưa thầy, toán của thầy chỉ có chị Hường giải được thôi". Hoàng đỏ mặt quay mặt về phía bảng loay hoay giải bài trong khi Hường mắng bạn: "Đồ quý, phá tao hoài". Hoàng nghe trong câu mắng có cái gì hài lòng nếu không nói là hãnh diện.

Lần khác, Hoàng cho bài làm tại lớp, khi anh đi xuống xem các học trò làm ra sao, đi ngang qua chỗ Hường anh bắt gặp nàng đang vẽ hay chữ H lồng vào nhau thay gì lo làm bài. Hoàng vẫn làm thinh không dám có thái độ gì chỉ sợ các cô học trò khác càn nghi ngờ tình ý giữa anh và Hường. Nhưng anh càng tránh né chừng nào thì đám nữ sinh quý quái đó càng gán ghép và chọc ghẹo anh với Hường chừng ấy

Các bạn đồng nghiệp thân với Hoàng tuy có người dạy lớp Hường, có người không nhưng đều biết Hường và tình ý giữa anh và nàng. Họ khuyến khích anh bước tới. Năm ấy Hoàng được 22 tuổi vừa mới tốt nghiệp, độc thân, khá bảnh trai và là dân Sài Gòn. Còn nàng vừa tròn 18, sắp sửa thi Tú Tài phần một, học lực trên trung bình nhưng nổi tiếng là người đẹp nhút nhùng. Đúng là "trai tài gái sắc" như các bạn anh thường nói đùa

"Tình trong như đã, mặt ngoài còn e".
Hoàng chẳng biết phải bắt đầu như thế nào? Anh cũng không dám vấn kế các bạn đồng nghiệp vì sợ họ cười anh. Vậy mà có người còn nói đùa rằng anh nên nhờ ông Hiệu trưởng dẫn anh đến nhà ông phán Hai để dạm hỏi nàng. Ông Hiệu trưởng, tuổi ngoài 40, rất có cảm tình với anh và rất cởi mở, hỏi anh có muốn nhờ ông giúp không. Hoàng chỉ biết đỏ mặt cười.

Một buổi chiều gần cuối niên học, khi Hoàng vừa quẹo xe Honda vào sân nhà chột trông thấy Hường ngồi ở salon nói chuyện với Quang, bạn đồng nghiệp trọ chung nhà với anh. Khi anh dắt xe vào nhà và dựng ở hông nhà thì Quang đã nói vọng ra:

- Hoàng ơi, hôm nay ông có khách đến thăm.

Hoàng bước vào phòng khách. Hường vội đứng lên chào Anh trông thấy vẻ mặt nàng rất buồn. Quang té nhị đứng lên nói với Hoàng:

- Tôi ra quán kiếm một gói thuốc lá, hết thuốc từ trưa đến giờ.

Đoạn anh quay sang Hường:

- Em ở chơi nói chuyện với thầy Hoàng nhé.

Hường đã nhiều lần đến đây nhưng lần nào cũng có một vài người bạn cùng lớp đi chung. Lần này nàng đến một mình mà không được vui, chắc có chuyện quan trọng và là chuyện buồn. Hoàng cố giữ bình tĩnh ra dấu cho Hường ngồi xuống. Nàng bật

khóc khi cả hai vừa ngồi xuống đối diện nhau. Nàng nói với giọng nghẹn ngào:

- Em đến xin thầy ngày mai em nghỉ học một buổi, kể cả giờ toán của thầy

Suốt gần một niên học chưa bao giờ Hường nghỉ giờ toán của Hoàng, nhưng chẳng ngờ hôm nay nàng lại xin phép nghỉ giờ của anh. Hoàng hỏi:

-Em xin nghỉ học vì lý do gì?

Nàng bật khóc:

-Ngày mai là ngày đám hỏi của em.

Thật là một tin sét đánh nhưng Hoàng cố giữ bình tĩnh:

-Vậy là ngày vui nhứt của đời em nhưng tại sao em lại khóc?

Hường ngưng khóc và đứng bật dậy :

-Thật thầy quá vô tình. Thôi em xin vĩnh biệt thầy

Nói xong Hường chạy nhanh ra sân lấy xe đạp chạy thẳng ra cổng. Hoàng bị rơi vào một tình huống quá bất ngờ nên không kịp phản ứng gì cả.

Kể từ ngày hôm sau Hoàng không gặp Hường trong lớp học cũng như tại nhà nàng khi anh đến đó ăn cơm. Mỗi lần anh dạy lớp của Hường, các cô học trò thường chụm đầu vào với nhau thì thầm và liếc nhìn anh. Mấy ngày đầu anh còn điếm danh tên Hường, các cô "tiểu quý" nhao nhao lên:

-"Áp xe" đi lấy chồng rồi thầy ơi .

Rồi các cô cất tiếng hát:

-Tôi đưa em sang sông

Bằng xe hơi hay xe bò...

Về sau, Hoàng không điếm danh tên nàng nữa, lũ học trò gái cũng không tha:

-Thầy ơi, thầy điếm sót tên của "cố nhân" rồi!

Có cô ê a ngâm:

-Nếu biết rằng tôi đã có chồng

Trời ơi người ấy có buồn không?...

Anh được biết ba má Hường gả nàng cho thiếu tá Bình tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1/14 của sư đoàn 9.

Một tuần sau ngày gặp gỡ cuối cùng, Cúc, cô bạn thân nhất của Hường chuyển cho anh bức thư của nàng. Nội dung đại khái cũng như mọi bức "tuyệt tình thư" khác: nàng trách Hoàng vô tình không đáp lại tình yêu của nàng, không tiến bước tới để nàng phải vâng lời cha mẹ lấy một người không yêu...

Riêng về phần Hoàng, anh thấy mình đã lỡ mất một dịp may để có một cô vợ đẹp. Nhưng thật ra sự mất mát ấy cũng không lấy gì trầm trọng vì anh còn quá trẻ lại có một chỗ đứng khá tốt trong nấc thang xã hội lúc bấy giờ, lo gì không tìm được một cô vợ như Hường sau này

Rồi thời cuộc thay đổi. Hoàng bị động viên. Anh tham gia vào cuộc chiến và được biệt phái trở về dạy học với hai vết sẹo trên người. Đây, thân phận củangười con trai thời chiến là như thế. Anh nghĩ mình vẫn còn may mắn hơn bao nhiêu người thanh niên khác đã nằm xuống biết đâu trong đó có chồng của Hường. Và như vậy thân phận của người đàn bà trong thời buổi ly loạn cũng không kém phần khắc nghiệt mà mấy trăm năm trước Đặng Trần Côn đã nói tới trong Chinh Phụ Ngâm Khúc.

Cuộc chiến được kết thúc bằng sự tan rã của chính quyền và quân đội miền Nam sau sự phản bội trắng trợn của nước Đồng Minh mạnh nhất và cũng "yếu bóng vía" nhất hoàn cầu: Hoa Kỳ. Cái giá phải trả cho sự chiến

bại ấy quá đắt:mấy trăm ngàn công chức và quân nhân miền Nam bị lưu đày, hàng triệu đồng bào bỏ nước ra đi và nhất là cả đất nước bị đẩy lùi lại hàng thế kỷ !

Hoàng nếm mùi lao tù cộng sản hơn ba năm, sau đó anh quyết tìm đường vượt thoát. Ngờ đâu trên vùng đất tạm cư này anh gặp lại "cố nhân".

Sau buổi họp đó Hoàng mời Hường lên căng-tin uống nước. Qua câu chuyện trao đổi anh được biết sau khi thôi học đi lấy chồng, nàng phải theo chồng từng bước chuyển chuyển trên hầu hết bốn vùng chiến thuật. Nhiệm sở cuối cùng của ông ta là Quận trưởng kiêm chi khu trưởng Củ Chi, "đất thép thành đồng" của bọn cộng sản. Không hổ danh là một sĩ quan hiện dịch Đà Lạt ông đã chiến đấu đến giờ phút cuối cùng, mãi đến khi biết các cấp chỉ huy của mình đã hèn nhát bỏ chạy trước ông mới cho lệnh tan hàng để tiết kiệm xương máu của thuộc cấp còn mình chịu bị bắt. Nhưng một cấp chỉ huy can đảm ngoài mặt trận sau mười năm dấp vùi trong lao tù cộng sản, khi trở về với vợ con để làm kẻ ăn bám, ông đã trở thành người đầy mặc cảm, cố chấp và ghen tương vô lối .

Hường không chịu đựng nổi với tánh tình thay đổi của chồng nên sự gãy đổ đã xảy ra: hai người ly dị. Ít lâu sau Hường nghe nói chồng cũ nàng đã vượt biên tới Thái Lan. Rồi đến lượt nàng vì tương lai của hai con, một gái 16 tuổi và một trai 14 tuổi, nàng mang hai con tìm tự do. Hiện nàng ở khu thanh nữ độc thân.

Uống nước xong, Hường dẫn Hoàng đến thăm chỗ ở của ba mẹ con nàng. Gia đình nàng khiêm tốn chiếm một góc của căn nhà tiền chế trong khu dành cho con gái chưa chồng hoặc phụ nữ không có chồng cùng đi và có con trai nhỏ hơn 16 tuổi. Nàng ngủ ở cái giường trong góc có che rideau, còn hai con nàng thì ngủ dưới sàn phía trước. Hai đứa trẻ lễ phép vòng tay chào Hoàng. Anh nhận thấy đứa con gái giống hệt như Hường và đẹp không kém nàng khi còn là nữ sinh

của trường trung học Vĩnh Bình. Còn đứa con trai thì hiện là học sinh lớp Anh văn anh đang phụ trách ở trường A .

Hoàng nói với Hường cho hai đứa con nàng xuống nhà anh mỗi tối để anh kèm Anh văn cho chúng.

Từ đó mỗi tối, Hường dẫn hai con xuống nhà Hoàng để hai đứa con nàng học thêm Anh văn với Hoàng. Khi hai đứa trẻ học xong, nàng bảo hai con về trước còn nàng ở lại nói chuyện với Hoàng. Mỗi tình của mười mấy năm về trước, tưởng đã bị vùi lấp với thời gian, nay lại bùng dậy trong tim của hai kẻ ly hương. Trông ánh mắt và cử chỉ của Hường, Hoàng biết nàng sẵn sàng ngã vào vòng tay của anh nếu anh đáp lại sự mời mọc của nàng. Hoàng cũng là một người đàn ông tầm thường như bao người đàn ông khác, nhứt là trong hoàn cảnh sống ở trại tỵ nạn thiếu thốn và thêm khát nhiều thứ trong đó dĩ nhiên là có nhu cầu sinh lý, hơn nữa Hường đang ở vào lứa tuổi chín muồi của người đàn bà mà lại là một người đàn bà có nét đẹp đài các của một mệnh phụ phu nhân, anh tránh sao không khỏi có ý định chiếm đoạt lại đóa hoa hồng ngày nào đã vượt thoát tay anh.

Nhưng, nghĩ đến vợ và hai con anh còn ở lại Việt Nam, ý định phản bội vụt tan biến. Vợ anh đã bán hết tài sản dành dụm do bao nhiêu năm buôn tảo bán tần khi anh còn ở trong trại cải tạo để lo cho chuyến vượt thoát của anh. Hình ảnh tiều tụy của vợ và nét mặt bơ vơ của hai con trong bức ảnh từ Việt Nam gợi qua khiến anh không có can đảm nhận những đề nghị "nối lại tình xưa" của Hường.

Hường nói rằng nàng vẫn còn yêu anh như ngày xưa, nếu anh không chê nàng đã tàn tạ nàng sẵn sàng dẫn hai con theo anh định cư ở bất cứ một quốc gia nào . Hường và hai con có diện Mỹ vì là vợ con của quân nhân, còn anh có em gái ở Canada nên phải đi Canada theo diện đoàn tụ. Hường sẵn sàng

xin Mỹ "xù" để theo anh đi Canada . Nàng còn táo bạo hơn đề nghị anh xin cố vấn trường Pháp văn cho anh và mẹ con nàng cùng đi Pháp.

Hoàng từ tốn giải thích với Hường hoàn cảnh hiện nay của anh. Hường đau khổ vì không thuyết phục được Hoàng. Từ đó, nàng cố ý lánh mặt anh. Hoàng nghĩ rằng thà như vậy anh sẽ giữ vững được lòng chung thủy với vợ nhà. Còn Hường vẫn là một hình ảnh đẹp trong tâm tưởng của anh cho đến một hôm...

Buổi chiều hôm đó, Hoàng thả lên công viên khu B hóng mát. Nơi đây có tiếng là " vườn ái ân ", chỗ hẹn hò của những cặp nhân tình. Lác đác trong những bụi cây bóng dáng những đôi nam nữ quấn quít lấy nhau . Hoàng định lên dốc đến bên hông trường Pháp văn, sát hàng rào để đứng nhìn ra ngoài trại, ngắm xe cộ di chuyển cho đỡ buồn. Chợt anh bắt gặp hai bóng người đang ôm hôn nhau trong một bụi cây . Người đàn bà, đôi mắt nhắm nghiền trong hoan lạc, chính là Hường.

Hoàng quay gót trở lui . Anh thấy tim mình đau nhói . Dù quan hệ giữa anh và nàng chẳng có gì sâu đậm , nhưng anh vẫn thấy như mình mất nàng lần thứ hai .

Chính anh đã từ chối sự dâng hiến của nàng mà giờ đây anh lại thấy tiếc khi thấy nàng trao thân cho kẻ khác.

Thế mới thấy lời người xưa nói về những người đẹp chẳng sai . Kiếp má hồng nào lại chẳng nổi trôi ? Hường cũng không có gì đáng trách. Một người đàn bà đẹp đơn độc với hai con nhỏ phải tìm một chỗ dựa trước phong ba, bão táp của cuộc đời . Để quên đi mối tình không bao giờ thành với Hường, Hoàng thấy mình nên tập trung tâm trí về một người đàn bà khác : vợ anh.

NAM PHƯƠNG HOÀNG HẬU VÀ NGUYỄN TRIỀU CHI BẢO

Danh dự của Gò Công là xuất sanh hai bà Hoàng Hậu, Mặc dù rằng nhà Nguyễn không cho đặt chức vị Thái Tử và Hoàng Hậu. Vì đặc thù của hoàn cảnh lịch sử bà Từ Dũ được tiếng là người đẹp, thông minh và hiền đức, được tuyển vào cung từ năm 14 tuổi. Từ chức vụ Cung Tân rồi hai năm sau phong làm Thành Phi, sáu năm tiếp theo bà thành Giai Phi và rồi Đệ Nhất Giai Phi. Vào cuối đời Thiệu Trị nhà vua muốn phong cho bà là Hoàng Hậu

Nguyễn Văn Nhựt

Người đẹp thứ hai là Nam Phương Hoàng Hậu, đã ba lần đoạt chức hoa hậu Đông Dương. Được vua Bảo Đại sủng ái và phong làm *Nam Phương Hoàng Hậu*.

Nam Phương Hoàng Hậu được vua Bảo Đại tín nhiệm và ban chiếu chỉ đề quân thù "Nguyễn Triều Chi Bảo".

Nguyễn Triều Chi Bảo là gồm một Quốc Ấn và một cây Quốc Kiếm. Ấn Kiếm này tượng trưng cho uy quyền của hoàng triều đời Nguyễn. Nhưng bộ Ấn kiếm này hiện giờ đang ở đâu ? Đây là câu hỏi và cũng là một nan vấn cho các nhà nghiên cứu sử liệu, cũng như các nhà yêu nước muốn cho các quý vật này được châu về hợp phố vì họ cho rằng đây cũng là một phần danh dự của quốc gia dân tộc Việt Nam mình.

Ôn lại lịch sử Việt Nam, thấy nhiều chuyện cũng ngộ nghĩnh, thích thú. Nhất là trong nội cung triều Nguyễn. Tác giả xin trích vài đoạn đề Đồng Hương tường lãm và cùng trả lời các câu hỏi thích thú sau đây:

- 1- Hai vị vua nào là hai anh em cột chèo ?
- 2- Ai là con vua mà lấy hai chồng làm vua?
- 3- Vua nào đãi cát tìm vàng để "Nạp Phi"?
- 4- Vua nào lấy chú làm con ?
- 5- Ai là vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả?
- 6- Vị Công Chúa nào sống lâu nhất ?
- 7- Cặp Ấn Kiếm Triều Nguyễn hiện giờ ở đâu?

1-HAI VỊ VUA NÀO LÀ ANH EM CỘT CHÈO? :

ĐÁP : Đó là vua Gia Long và Quang Trung Nguyễn Huệ.

Hai kẻ cừu địch không đội trời chung, đánh nhau long trời lở đất mà là anh em cột chèo ? Thật vậy, vì Vua Quang Trung Nguyễn Huệ lấy công chúa Ngọc Hân, còn Vua Gia Long Nguyễn Ánh lấy Ngọc Bình Công Chúa (Hai chị em)

2- AI LÀ CON VUA MÀ LẤY HAI CHỒNG LÀM VUA ?

Sau 26 năm lưu lạc, ngày 15 tháng sáu năm 1801, được sự trợ chiến của súng đồng, đại bác của phương tây, Nguyễn Ánh đã trở lại đô thành Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh lúc này đã bỏ ngai vàng, ẩn tẩn, sắc phong của nhà Thanh chạy ra miền Bắc bằng đường núi với 2 ngàn lính và 60 thớt voi. Người vợ trẻ của ông là công chúa Ngọc Bình cùng một số cung nữ không kịp theo vua đều sa vào vòng vây của quan quân Nguyễn Ánh.

Ngồi ẩn mình trong cung, bà Ngọc Bình nghe có tiếng chân đi về phía mình. Nhìn kỹ bà thấy một người đàn ông tráng kiện uy nghi đứng trước mặt bà và cúi đầu chào một cách lịch sự.

Bà thảng thốt kêu:
- Này tướng quân Gia Định, người muốn gì?

Người được gọi là "tướng quân Gia Định" tức là Nguyễn Ánh, tiến quân từ Gia Định ra, cười và đáp:

- Xin bà đừng sợ, tướng Gia Định cũng là người và có lẽ nhân từ hơn tướng Tây Sơn.

Bà Ngọc Bình lặng thinh. Vị tướng Gia Định nói tiếp một cách bóng bẩy:

- Dù triều đại có thay đổi như thế nào đi nữa, thì cung điện này cũng là của bà.

Bà Ngọc Bình đáp một cách cương quyết:
- Thừa tướng quân, (Nguyễn Ánh còn đang mặc quân phục tướng quân) đối với chúng tôi, cung điện này chỉ là một nhà tù.

Nói xong bà ôm mặt khóc nức nở. Nét mặt bà càng buồn đau càng quẩn rù, làm cho vị tướng " Gia Định" mềm lòng say đắm. Chung quanh bà tỏa một mùi hương khêu gợi, khiến cho Nguyễn Ánh cảm thấy ngây ngất lạ lùng. Nguyễn Ánh cố giữ bình tĩnh ráng gượng nén lòng rồi lui ra. Dù đã trải qua không biết bao nhiêu là người đẹp, nhưng Nguyễn Ánh nói thầm rằng: "Chưa có người nào đẹp tuyệt trần, hấp dẫn và đặc biệt có một mùi thơm quẩn rù đến như vậy."

Một lúc sau, vị tướng "Gia Định" trở lại nội cung với trang phục uy nghi, vương hiệu lóng lánh trên ngực áo. Bà Ngọc Bình nhận ra ngay đó là Nguyễn Vương, người cừ địch của nhà Tây Sơn. Nỗi sợ hãi càng tăng thêm. Bà ôm mặt kêu rú lên. Nguyễn Vương nhẹ nhàng đến gần bên vỗ về.

- Bà là một hoàng hậu tuyệt vời! Mặc dầu có những đổi thay trong lịch sử. Xin bà hãy khuây khỏa, dẹp sợ hãi, ưu phiền. Cung điện lâu đài này vẫn thuộc về bà!

Biết không thể nào ngăn được ước muốn của Nguyễn Vương, bà Ngọc Bình (em của Ngọc Hân công chúa) đành phải xuôi theo số phận.

Năm 1802, Nguyễn Vương lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, bà Ngọc Bình được phong là thứ phi. Sau bà sinh hạ được hai vị hoàng tử là Quảng Oai Công (20-05-09) và Thường Tính Quận Vương (20-10-1810).

Phải chăng đây là trò chơi định mệnh? Công chúa út của vua Lê, bà Ngọc Bình

công chúa lấy hai đời chồng đều làm vua (vua Cảnh Lợi và vua Gia Long). Dân gian lúc bấy giờ có câu hát:

*" Số đâu có số lạ lùng!
Con vua mà lấy hai chồng làm vua."*

3-VUA NÀO ĐÃ CÁT TÌM VÀNG ĐỂ "NẠP PHI"

Cuối năm 1915 vua Duy Tân sắp lên 16

tuổi. Vị thượng thư Huỳnh Côn cất nghĩa 2

chữ " Nạp phi", có nghĩa là vua lấy vợ, và

hỏi:

- Ngài đã muốn lấy vợ chưa?

Vua Duy Tân không tỏ ra bèn lên và cũng không cần phải suy nghĩ đắn đo nhiều, ông đáp:- Vận nước mới đáng lo, chuyện nạp phi không gấp. Nếu trì hoãn được chậm bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Việc từ chối ấy đến tai bà mẫu hậu (mẹ đẻ vua Duy Tân), bà rất lo buồn, bà gọi Duy Tân đến năn ni hết lời. Vốn là người con hiếu thảo. Duy Tân không thể từ chối, nên đã nhận lời.

Tin vua Duy Tân đồng ý nạp phi lan ra khắp kinh thành. Thế là các bà mệnh phụ, các quan đại thần có con gái, cháu gái, những người đã từng chơi trò cút bắt với nhà vua còn thơ ấu, vào châu mẫu hậu nhắc lại các tên tuổi các con, các cháu của mình để mong có người lọt vào sự chú ý của mẫu hậu.

Nhà vua đã nhận được một danh sách 25 người " con ông cháu cha", ngài chẳng thấy thích thú gì, cứ hẹn nay hẹn mai, lần khẩn mãi chẳng chịu chấm một cô nào. Chờ đợi một thời gian không đạt kết quả, mẫu hậu đâm ra thất vọng. Bà đích thân cầm tờ danh sách 25 người đẹp chìa ra trước mặt vua và yêu cầu vua thích một cô nào thì phải chấm ngay. giọng của mẫu hậu hơi gay gắt: " vua chịu nạp phi để sinh người nối nghiệp là hạnh phúc của trăm họ. đây là việc phải làm."

Duy Tân biết không chần chừ được nữa bèn trả lời một cách thân nhiên.

- Con không thể chăm được ai cả, vì con đã có người yêu rồi!

Bà mẫu hậu mừng rỡ, nước mắt tràn ra, bà hỏi giọng nóng hổi?

- Người yêu con ở mô? Lên mô? Tuổi?

- Ở Cửa Tùng?g, hơn con một tuổi- Duy Tân nhẹ đáp- nếu ả (mẹ) đồng ý thì con mới lấy.

Thế là đoàn thị vệ sắm sửa thuyền rồng để rút mẫu hậu và Duy Tân đi chơi Cửa Tùng để xem mắt nàng dâu, và kỳ hẹn chỉ có trong mười ngày mà thôi

Ra Cửa Tùng chơi cả 5 ngày liền không thấy bóng dáng ai là người yêu của Duy Tân cả. Mẫu hậu hỏi thị vệ, thị vệ nói là Duy Tân có tiếp xúc với ai đâu. Đến ngày thứ 8, người phụ trách thị vệ nêu một điều khó hiểu với Mẫu hậu:

Không hiểu sao mấy hôm nay mỗi lần ra bãi tắm, vua rất say mê việc đào bới cát, có khi đào rất sâu. Chúng tôi không hiểu, tâu thì ngài đáp: " Ta đang đãi cát tìm vàng đây!"

Câu chuyện càng làm cho Mẫu hậu lo buồn, bà tỏ ra thất vọng. Bà hỏi Duy Tân:

- Đã gần đến ngày thứ 10, ngày rời cửa Tùng rồi mà ả (mẹ) chưa gặp được người yêu của con. Sao con không cố tìm để ả (mẹ) gặp mà lại đi đào bới cát cả ngày rứa?

Duy Tân đáp thật tình mà nghe như nói chơi:

-Con đào bới cát chính là để tìm người yêu đó!

Mẫu hậu vô cùng ngạc nhiên , bà không nán được sự buồn bực đến tột độ, nói như quở trách con:

- Con có điên không? Lại đi tìm người yêu trong cát?

Duy Tân giải thích một cách từ tốn:

- Con không điên đâu. Con nói thiệt đó. ả (mẹ) đừng buồn nữa . Nếu ở đây con không tìm được thì về Huế thế nào ả cũng gặp được.

Lúc này Mẫu hậu mới vỡ lẽ hiểu sự thật:

- Thế thì ả (mẹ) hiểu rồi. Đãi cát tìm vàng. Người yêu của con tên là Vàng, Mai Thị Vàng con gái của quan phụ đạo Mai Khắc Đôn chứ gì?

Vua Duy Tân giọng rất vui:

- Thừa ả (mẹ) đúng thế, vậy ả có bằng lòng không?

Mẫu hậu đáp:

- ả bằng lòng, nhưng tại sao con lại chọn như thế?

Vua Duy Tân đáp:

- Vì thân phụ của Mai Thị Vàng là thầy Đôn người đã dạy con biết chữ, dạy con biết thương nước, thương dân, biết trọng dụng kẻ trung thần và xa lánh bọn nịnh thần. Con tin rằng cô Vàng cũng đã từng được thầy dạy như rứa!

Mẫu hậu vui vẻ hỏi:

- Thế thì con có muốn thành hôn trước Tết không?

Vua Duy Tân đáp:

- Hãy thông thả, càng chậm càng tốt. Dăm ba năm nữa chúng con chỉ mới đôi mươi thôi!

-Nhưng ý kiến nhà vua không được chấp thuận. Theo tử vi thì nhà vua phải nạp phi ngay. Ngày 12 tháng chạp năm Ất mao (16-1-1916) được chọn ngày làm lễ nạp phi cho vua.

Vua Duy Tân là vị vua yêu nước, bị thực dân Pháp đày ra côn đảo Reunion ở Trung Phi và bị tử nạn năm 1945, một trường hợp mà cho đến nay chưa có một sự giải thích thỏa đáng nào về tai nạn này. Ngài cũng có một bà vợ đầm tên Fernande Anter. Năm 1988 bà có về thăm quê chồng, cùng đi với bà có vợ chồng người con trai út Joseph Roger (sinh năm 1938). Khi tiếp xúc với phái đoàn báo chí Việt Nam bà cho biết; Bà quen biết Duy Tân và yêu nhau vì quý trọng nhau chứ không vì ông là vua Việt Nam và bà có đề nghị với chính quyền Việt

Nam rằng: " Ở Hà Nội, Sài Gòn, Huế và nhiều thành phố trước kia có đường Duy Tân, sau ngày 30-4-1975, một số nơi đã bỏ, chúng tôi (gia đình Duy Tân) mong sớm có những con đường mang tên Duy Tân, đặc biệt là ở Huế.

4- VUA NÀO LẤY CHÚ LÀM CON?

Vua Đồng Khánh sinh được 6 trai và 2 gái, nhưng chỉ nuôi dưỡng một trai là Bửu Đảo tức hiệu là Hoàng Phụng Hóa Công - Hoàng Phụng Hóa Công lấy con quan đại thần Trương Như Cương. Cuộc hôn nhân được kể là tuyệt vời. Hôn lễ thật linh đình giữa một gia đình quan đại thần giàu có, quyền cao chức trọng nhất nước và gia đình của một vị vua tương lai. Nào ngờ Bửu Đảo là người ham mê cờ bạc, tiêu xài vàng bạc thật nhiều và lại là người bất lực, sau gia đình bên vợ biết được, bất bình đã mắng nhiếc chàng rể là: "Đồ bất lực vô hậu." Chuyện đến tai bà Thánh cung và Tiên cung (mẹ đẻ Bửu Đảo) làm bà lo buồn, biếng ăn, mất ngủ vì chẳng người thừa kế. Bửu Đảo cũng là người con có hiếu, đem câu chuyện của mình tâm sự với một người trong hoàng tộc thuộc bậc ông - là cụ Hường. Cụ Hường là vai ông của Bửu Đảo, nhưng tuổi tác lại trạc ngang nhau. Đã chơi thân từ còn nhỏ, nên dễ tâm sự và giúp đỡ lẫn nhau.

Lần này Bửu Đảo đã rất vui mừng khi được nghe ông cụ Hường dựng nên câu chuyện sau đây:

Phụng Hóa Công vốn là người bất lực, nhưng một hôm Công bắt được một con chồn hương, người nhà đã hầm con chồn hương với sâm nhung và nhiều vị thuốc bắc bổ dưỡng khác. Buổi tối Công uống rượu và ăn món hầm đại bổ ấy liền cảm thấy hứng khởi và nổi cơn "đòi phụ nữ". Cái phúc thần hạnh phúc ấy đến đột ngột, sợ nó tan biến đi nên sẵn có cô Hoàng Thị Cúc đang ở trong nhà. Công gọi đến "dùng" và may mắn cô Cúc đã thọ thai!

Tin cô Cúc có thai với Bửu Đảo đến tới tai bà Thánh cung và Tiên cung và những thân nhân trong gia đình Phụng Hóa Công xem như một phép lạ.

Để xác minh thực hư, các bà đã sai đào một cái hố sâu khoản hai tấc, bảo cô Cúc nằm sấp, để cái bụng có mang nằm lọt dưới hố, rồi dùng roi đánh hỏi tra xét cô Cúc đã lấy ai mà dám vu cho Phụng Hóa Công. Cô Cúc căng răng chịu đựng hình phạt và chỉ một mực khai là chị có

mang với Bửu Đảo mà thôi. Có lẽ vì người cầm roi không giám đánh mạnh, sợ làm hư thai rằng thì sẽ mang trọng tội.

Thế là các bà mừng rỡ công bố cho hoàng tộc biết Phụng Hóa Công sắp có con. Tất cả dù tin hay ngờ điều phải nhận như thế.

Sự thật, theo ông Phan Văn Vật và ông Ngũ Đăng thị vệ Nguyễn Đắc Vọng thì cô Cúc đã mang thai với cụ Hường từ trước và được cụ Hường nhường cho cái bào thai. Bửu Đảo rất hàm ơn người ông, đứng ra Bửu Đảo phải gọi cái thai ấy là chú (vì con của ông) mà lại là con của mình - Thì ra vua Khải Định đã nhận chú làm con. Nói một cách khác vua Bảo Đại gọi cha ruột của mình là ông mà ông họ hàng xa lắc. Có một lần vào đại nội thăm viếng Hoàng Đế Bảo Đại thì ông Hường đã bị mật thám ngăn trở không cho gặp. Về nhà ông ôm đầu bực tức và quở lớn tiếng rằng: " Đồ chó má, tao là cha vua mà tụi nó, bọn Bạch quỷ chẳng nể nang chi!

5 - AI LÀ VỢ CẢ VỢ HAI, HAI VỢ ĐỀU LÀ VỢ CÁ?

Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả. Đây là câu mà người bình dân như chúng ta thường nghe nói để ám chỉ người có hai vợ nên xử lý cho công bằng dù là vợ bé hay vợ lớn. Còn dính dáng với hoàng tộc thì là cả vấn đề rắc rối.

Người đỗ đạt đầu tiên (Cử Nhân), Hương Cống của tỉnh Quảng Ngãi là Ông Trương Đăng Quế. Năm Minh Mạng lên ngôi (1820) ông được bổ làm hành tẩu bộ Lễ. Trải qua 43 năm phục vụ ba đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Ông làm quan tới chức Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, Cố mệnh lương thần, hàm Thái Bảo, tấn phong tước Tuy Thạnh Quận Công.

Trước khi làm quan, ông Trương đã có vợ là bà Bùi Thị Hương và có 3 con, một trai và hai gái. Mặc dù biết ông đã có vợ, nhưng vua Minh Mạng vẫn ép gả quận chúa Ngọc Lê cho Ông. Ông Trương biết bà Quận Chúa con gái của Phúc Long (Chú của vua Gia Long) rất danh giá, nhưng không nỡ phụ lòng người vợ đang chờ ở quê nhà, lấy nhau từ thuở hàn vi. Ông Trương không dám nhận cuộc hôn nhân do vua Minh Mạng xếp đặt. Ông lật đật đến trước bệ rồng, quỳ lạy:

- Muôn tâu bệ hạ, xin đội ơn bệ hạ đã có lòng thương tưởng đến hạ thần, nhưng hạ thần đã có một hiền thê ở quê nhà.

Vua Minh Mạng:

- Trai năm thê bảy thiếp là thường, như

trẫm đây, không biết có bao nhiêu là thê, bao nhiêu là thiếp, mà còn có bao nhiêu là cung tần mỹ nữ đang dự tuyển nữa. Bây giờ mà trẫm từ chối con gái của một Đại Thần nào là trẫm sẽ bị mất lòng, sẽ bị ảnh hưởng đến ngai vàng của trẫm. Còn khanh, chỉ có một vợ, bây giờ cưới thêm một quận chúa nữa cũng có sao đâu.

Ông Trương lại tìm cách thoái thác:

-Như thế thì thật là bất tiện cho thần.

Vì thần đã có vợ, nếu bà quận chúa, con gái của Quốc Thúc lấy thần đâu có chịu làm vợ thứ của thần. Vợ của thần đã có con, là người vợ chính thức của thần lẽ nào bất nằng phải làm thứ thất!?

Vua Minh Mạng bảo Trương:

- Chính hay thứ cũng chỉ do chữ nghĩa

mà ra thôi. Đó là việc nhỏ. Chuyện thần cưới bà quận chúa, cô của ta mới là chuyện hệ trọng. Nếu nhà người bằng lòng ta sẽ có chữ để làm vừa lòng các bà ấy.

Biết không thể chối từ, nhất là đối với

ông vua chủ trương đa thê như vua Minh Mạng, Ông Trương khầu đầu đội lệnh.

Vua Minh Mạng ban chiếu chỉ:

- Bà Bùi Thị Hương là người thành gia

thất với khanh trước dành cho bà ngôi Tiên Thất, quận chúa Ngọc Lê kết duyên theo hoàng tộc thì ở ngôi Chánh thất.

Về sau bà chánh thất Ngọc Lê sinh hạ được 4 người con trai: Trương Quang Đản làm quan đến Cơ Mật viện đại thần, Phụ Chánh đại thần (Triều Đồng Khánh); Trương Quang Đễ theo vua Hàm Nghi. Trương Quang Diễm làm

Tư Vụ; Trương Quang Du làm Tán tương quân vụ.

Con trai bà Tiên Thất là Trương Quang Trụ lấy công chúa An Mỹ, con gái thứ tư của vua Thiệu Trị, người con gái là Trương Thị sáu gả cho học trò của ông là Tùng Thiện Vương. (Ổ Gò Công có tên đường Tùng Thiện Vương). Con cái, cháu của hai bà Tiên và Chánh Thất đều là những người danh giá, không phân biệt dòng lớn bé; đúng như câu: "Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả". Tiên và Chánh ai lớn hơn ai?

6- CÔNG CHÚA NÀO SỐNG LÂU HƠN CÁ?

Đặc biệt các công chúa triều Nguyễn sống rất lâu. Chỉ có công chúa Tĩnh Hảo chị ruột của vua Tự Đức là bất hạnh, bà mất đúng vào ngày vua Tự Đức lên ngôi. Công chúa sống lâu nhất có lẽ là công chúa Như Mai, con vua Hàm Nghi. (Trong Các cháu, Bà Từ Đủ thương nhất là vua Hàm Nghi) Công Chúa Như Mai sinh năm 1905, bà là người Việt Nam đầu tiên (không biết có người Việt Nam nào thứ hai đỗ thủ khoa nữa chưa?!) đỗ thủ khoa bằng Thạc Sĩ Nông Lâm tại Pháp. Kết quả này làm ngạc nhiên các giới báo chí tại Paris lúc bấy giờ. Trong tờ báo Illustration, ký giả Jules Vogue đã viết một bài vừa ca tụng cốt cách của bà chẳng những là tài năng vượt bực hơn hẳn các học sinh khoa học Âu Mỹ; chẳng chỉ một bằng Thạc Sĩ Nông Lâm mà còn nhiều bằng cấp khác về hóa học và khoa học khác. Trong suốt thời gian theo học bà thường phục sức theo kiểu đàn bà Việt Nam và được mệnh danh là cô An Nam. Các nhà báo hỏi vì sao, thì bà trả lời là "Đề theo ý muốn của vua Hàm Nghi". Suốt cuộc đời của công chúa Như Mai là phục vụ cho khoa học và xã hội, bà không lập gia đình. Hiện nay bà sống trong viện dưỡng lão của Pháp. (Hơn 100 tuổi rồi còn gì!? Khi đang viết bài này và đến khi lên báo biết bà có còn sống hay là đã theo vua Hàm Nghi rồi ?)

7 - CẬP ẮN KIỂM TRIỀU NGUYỄN HIỆN GIỜ Ở ĐÂU?

Bảo Đại là vị vua cuối cùng của Việt nam. Ông đã đang cất giữ cặp ấn kiểm tượng trưng uy quyền, vương quyền của Hoàng triều Đời Nguyễn. Theo sự kiện lịch sử thì vào chiều ngày 30-8-1945 trên lầu Nguyệt Phụng của Ngọ Môn Thành Nội Huế, vua Bảo Đại đã đọc chiếu thoái vị và đem ấn kiểm lịch sử này trao lại cho chính quyền Lâm Thời Việt Nam (do Trần Huy

Liệu đại diện), đánh dấu ngày cuối cùng của chế độ quân chủ Việt Nam từ lúc đó. Nhân dân chính quyền cộng sản tưởng rằng Quốc Ân và Quốc Kiêm đã được nhiều người có trách nhiệm gìn giữ như những món Quốc Bảo của dân tộc. Thật ra theo tài liệu mới nhất (từ cuối năm 1996) theo bà Bùi Mộng Điệp " Thứ Phi" của cụ Hoàng Bảo Đại cho biết: Cặp Ấn Kiêm mà ông Bảo Đại đã trao cho chính phủ Lâm thời Việt Nam vì sao (không rõ tại sao) đã lọt vào tay người Pháp và họ đã trả lại cho Bảo Đại từ năm 1952. Khi trao trả lại Ấn Kiêm thì Bà Nam Phương Hoàng Hậu và Bảo Đại đang ở Pháp. Bà mẹ của Bảo Đại (Bà Từ Cung) và thứ phi (Bà Mộng Điệp) tiếp nhận. Bà Mộng Điệp vì chưa bao giờ được thấy báu vật này nên phân vân không biết có đúng thật là Ấn Kiêm mà cụ Hoàng Bảo Đại trao cho ông Trần Huy Liệu năm 1945 hay không. Cho nên bà mời Đức bà Từ Cung (Mẹ của cụ Hoàng Bảo Đại, tước hiệu là Đoan Huy Hoàng Thái Hậu) đến để nhận diện. Bà Từ Cung bắt phải đặt lên một cái bàn ở giữa sân, phủ khăn đỏ lạy Ấn Kiêm 5 lạy rồi mới được xem (Theo lệ thì lạy người sống 2 lạy, lạy bàn thờ ông bà thì 4 lạy, còn lạy 5 lạy là dành cho vua). Bà Từ Cung nói: *"Tôi vào làm dâu Nhà Nguyễn bao nhiêu năm mà tôi có được trông thấy bao giờ đâu. Tôi có nghe nói khi có một ông vua chết và có một người kế vị lên ngôi thì mới cử 4 ông Tư Trụ Triều Đình vào điện Càn Thành thỉnh cái ấn ra dùng. Người kế vị phải lạy cái Ấn 5 lạy rồi mới được "bước lên ngôi"*.

Từ năm 1953, chiến tranh trở nên ác liệt, không dám đem cặp Ấn Kiêm về Huế. Cuối cùng Bảo Đại giao nhiệm vụ (Ban chiếu chỉ = viết giấy) trao cho bà Mộng Điệp - (Thứ phi của vua Bảo Đại) sang Pháp cùng với một số tư trang quý giá mà trao cho Bà Nam Phương Hoàng Hậu bảo quản (Hơn 600 món quý giá) Trong lúc tiếp nhận Ấ? Kiêm có các ông Nguyễn Đệ, Nguyễn Duy Quang, Nguyễn Tiến Lãng và Phạm Bích (Con Phạm Quỳnh). Bốn người bung hai cái Ấn Kiêm lên giúp bà Hoàng Hậu đưa vào tủ sắt. Điều này chứng tỏ cụ Hoàng Bảo Đại đã thương yêu, tín cẩn Hoàng Hậu Nam Phương biết dường nào.

Đến đây, tác giả cũng muốn nói thêm về bà Hoàng Hậu . Những chuỗi ngày sau cùng của Hoàng Hậu Nam Phương sống trong một lâu đài tên Domain de la Perche, rộng trên hai trăm năm muôn hecta đất. Trong đó ở lâu đài tự làm nho, nước táo, bơ, pho mat, thịt bò, thịt

chồn dừn quanh năm suốt tháng (ở Việt Nam, không nghe nói có lâu đài chỉ có dinh thự mà thôi.) Bà Nam Phương Hoàng Hậu là người yêu nước, bà đã gởi thông điệp kêu gọi thế giới ngăn chặn bàn tay xâm lược của quân đội Pháp. Bà đã được người Pháp rất kính nể. Khi bà chết 1963, trước lăng mộ của bà ở Chabrignac có trồng hai cây tùng, ở giữa mặt hai tấm bia có một dòng chữ Hán: " Đại Nam Nam Phương Hoàng Hậu chi lăng (Lăng mộ của bà Hoàng Hậu Nam Phương của nước Việt Nam). Ngay trên tấm mộ có một tấm bảng ghi bằng tiếng Pháp: " Ici repose L' Impératrice d' Annamienne Jeanne Mariette Nguyen Huu Hao" (Đây là nơi an nghỉ của bà Hoàng Hậu Việt Nam tên Jeanne Mariette Nguyễn Hữu Hào) (Tên cụ thân sinh của bà, tiếng Pháp sử dụng như họ của bà.)

Theo lời bà Mộng Điệp (1999): "cuối cùng cụ Hoàng viết giấy (chiếu chỉ) giao cho tôi (Mộng Điệp) mang sang Pháp cùng với một số tư trang thật quý giá- trong khi tôi giao các báu vật ấy lại cho Hoàng Hậu Nam Phương và Hoàng Tử Bảo Long còn có mặt các ông Nguyễn Đệ, Nguyễn Duy Quang, Nguyễn Tiến Lãng, Phạm Bích (con ông Phạm Quỳnh). Bốn người bung hai Ấn kiêm lên và giúp bà Nam Phương đưa vào tủ sắt.

Nếu bà Hoàng Hậu Nam Phương còn sống thì việc quân thù Ấn kiêm không có gì xảy ra. Vì bà là người hợp pháp quân thù có chiếu chỉ do bà thứ phi Mộng Điệp đích thân trao nhận. Nhưng sau khi bà Hoàng Hậu Nam Phương mất năm 1963 thì Ấn kiêm lịch sử này nằm trong tay Hoàng Thái Tử Bảo Long và hai quý vật này được giữ tại tủ sắt của Liên Hiệp Ngân Hàng Âu Châu (Union des Banques Européennes) . Năm 1980, ông Bảo Đại xuất bản tập hồi ký (Le Dragon d'Annam = Con Rồng An Nam), ông muốn mượn con dấu lịch sử đó để làm ấn ký đặt vào cuối chương hồi ký của ông, nhưng Bảo Long không cho mượn. Ông Bảo Đại hết sức bức mình nhưng không làm gì lay chuyển được Bảo Long. Có lẽ vì vậy ông làm đơn kiện Bảo Long (1982). Kết quả tòa án Pháp xử Bảo Long được giữ cây Quốc Kiêm còn Bảo Đại thì giữ Quốc Ân.

Quốc Ân này ngoài giá trị về lịch sử, nó còn là vàng ròng nặng 13 ký. Vì vậy ai ai cũng muốn làm chủ quyền. Bà Mộng Điệp quả quyết chính tay bà cân chiếc Ấn nặng 12,9 kg - Cái mũ Ấn hình con rồng, con rồng uốn cong và ngóc đầu lên. Đầu rồng dính hai hạt ngọc đỏ. "

Tôi lật nó lên có bốn chữ triện ở dưới ấy là "*Nguyễn triều chi bảo*".

Sau khi Bảo Đại băng hà 1997 . Đứng ra của quý Nguyễn Triều Chi Bảo phải truyền lại cho Bảo Long Hoàng Thái Tử. Nhưng theo luật Tây Phương thì những gì của chồng, chồng chết thì là của vợ, vợ hường. Chẳng may bà này lại là bà Đằm! (Bà Monique Baudot). Ấn quốc và Kiếm quốc lại xa nhau. Lại một lần nữa phiêu bạt giang hồ! Sau này Bảo Long đã bán đấu giá cây Quốc Kiếm này cho một người Pháp, đã có chụp ảnh với người mua đứng giữa cầm kiếm và hai vợ chồng đứng hai bên! Lại có nguồn tin rằng Bà Đằm cũng đã bán đấu giá chiếc Bảo Ấn cho một người Pháp khác. luật lệ của vương quyền để lấy lại những gì mà Cha truyền thì Con giữ theo truyền thống của vương tộc. (Đến đây tác giả xin trích đoạn sau cùng trong cuốn *CHIẾC BẢO ẤN CUỐI CÙNG CỦA HOÀNG ĐẾ VIỆT NAM CỦA LÊ VĂN LÂN* : "Cụ Hoàng Bảo Đại tỏ ra vui mừng và kín đáo bảo rằng chiếc ấn "Hoàng Đế Chi Bửu" đã truyền cho Thái Tử Bảo Long!")

Nếu có truyền lại cho Bảo Long thật, thì đây là chiếc ấn khác (Bởi vì Triều Nguyễn có rất nhiều bảo Ấn.) Với chiếc Bảo Ấn lịch sử

mà tác giả cũng như mọi người Việt Nam muốn biết hiện giờ nó ở đâu và chùng nào mới đoàn tụ được với

Quốc Kiếm thì đó là chuyện thật mơ hồ huyền thoại, vì không biết nó đang ở đâu thì làm sao và biết chùng nào mới Châu Về Hợp Phố được.

Sách tham khảo:

- *Chiếc Bảo ấn cuối cùng của Hoàng Đế Việt Nam của Lê Văn Lân*
- *Chuyện nội cung các vua của Nguyễn Đắc Xuân*
- *Qua Pháp tìm Huế xưa của Nguyễn Đắc Xuân*
- *Bảo Đại Vị Vua Triều Nguyễn Cuối Cùng của Phan Thu Lang*

Chùng nào mới **Châu Về Hợp Phố**. Nghe nói rằng Bảo Long đã bán cây Quốc Kiếm cho một viện Bảo Tàng ở bên Pháp, Còn Quốc Ấn thì hiện thời không biết ở đâu, nhưng Ông Hoàng Thái Tử Bảo Long đã đệ đơn lên tòa án quốc tế để kiện theo

Lá Thư Ban Biên Tập

Vùng đất Trà-Vinh tuy nằm khuất nơi đường cùng hẻo lánh nhưng có phong-thổ đặc-biệt khác với những tỉnh khác. Nằm giữa hai sông Tiền và Hậu trong chín cửa của sông Cửu Long nhưng lại không có nước ngọt quanh năm mà ảnh hưởng một phần của biển mặn. Nằm trong bình nguyên miền Tây nhưng không toàn ruộng đồng ngập nước mà lại xen kẽ những vùng đất cát với những rừng cây sao và dầu. Văn-hóa, phong-tục không thuần nhứt lại pha trộn giữa ba sắc dân Việt, Hoa và Miên. Nền văn hóa pha trộn đó lâu dần trở nên trung tính hài hòa, đó là văn hoá đặc biệt của Trà-Vinh, để ý sẽ thấy không giống bất cứ một tỉnh nào ở miền Nam. Do phong thổ đó vùng đất Trà-Vinh đã khai sinh ra nhiều nhân-vật đặc biệt, có người là nghệ-sĩ tài danh như Út Trà Ôn, Phùng Há. Có người phiêu lưu mạo-hiểm như cụ Huỳnh Văn Lang. Có người đã là nguyên thủ lãnh đạo quốc gia như đại tướng Nguyễn Khánh và có người là phi hành gia vũ trụ như tiến-sĩ Eugene Trinh...

Đặc San Trà-Vinh Xuân Quý-Mùi 2003 đồng hương đang cầm trên tay là cuốn số 3 do Hội Ái-Hữu Đồng-Hương Trà-Vinh ấn hành. Tôn chỉ của Đặc-San Trà-Vinh không có cao vọng là một tập-san nghiên-cứu văn-hóa, lịch-sử, địa-dư của vùng đất Trà-Vinh mà chỉ là vườn tao-ngộ để những người Trà-Vinh đang định-cư sinh sống trên xứ người gặp gỡ, nhắc lại những kỷ-niệm về một vùng đất mình đã xa lìa. Để xem ai còn ai mất. Là một khu vườn nhỏ suu tầm những hoa đồng cỏ nội, ghi lại bản sắc đặc biệt của vùng đất đó. Có hiểu biết quê hương mình mới càng yêu quê hương mình thấm thía.

Đặc-San Trà-Vinh đã lên được ba tuổi. Nội dung, bài vở ngày càng phong phú, giá trị. Hình thức trình bày ngày càng sáng sủa mỹ-thuật. Số trang ngày càng dày hơn và số phát hành ngày càng nhiều hơn. Sự lớn mạnh và khởi sắc đó cũng là nhờ quý đồng hương thương yêu, nuôi dưỡng bằng những lời góp ý, bằng đóng góp bài vở và ủng hộ tài chánh để trang trải chi-phí ấn loát. Ban Biên Tập Đặc-San xin ghi nhận và chân thành cảm ơn các đồng hương và thân hữu.

Vì phải phát hành cho kịp Tết lại là lúc nhà in và ai nấy cũng đều bận rộn nên có một số bài và nhất là truyện ngắn không thể đánh máy cho kịp, xin được chuyển sang số Đặc-San năm tới. Quý đồng hương gởi bài nếu có thể được xin gởi cho cả đĩa để Ban Biên Tập khỏi đánh máy lại. Bài trong đĩa xin dùng Microsoft Word và bộ Font chữ Việt VNI hay VPS. Bài vở và hình ảnh có thể email theo địa chỉ vanbut@hotmail.com hoặc trinhhaotam@hotmail.com.

Trước thềm Xuân mới Quý Mùi, Ban Biên Tập Đặc-San Trà-Vinh kính chúc tất cả đồng hương sức khỏe khang an, gia đình hạnh phúc.

TM Ban Biên-Tập Đặc-San Trà-Vinh
Hội Ái-Hữu Đồng-Hương Trà-Vinh

Trịnh Hào Tâm

TÔI VƯỢT BIÊN Tèo Anh

LỜI TÒA SOẠN:

Đây là hồi ký của một đồng hương Trà Vinh, vượt biển từ Gò Công. Trải qua 8 ngày đêm trên biển, nếm đủ điều đắng cay, thoát chết trong gang tấc để tìm đến bến bờ tự do.

Tòa soạn xin đăng nguyên văn đoạn hồi ký này để đóng góp thêm phần nào cho sử liệu "Người Việt Vượt Biên" được thêm phong phú.

- Con chịu đi Mỹ với ba hôn?

Đó là câu hỏi của ba tôi mà đã in ấn vào ký ức tôi từ hồi còn bé và có lẽ không bao giờ tôi quên được dù ở thời gian nào và hoàn cảnh nào. Tôi còn nhớ rõ ba tôi dẫn tôi ra sau nhà, sát bờ sông Gò công, thật là vắng vẻ. Bầu trời chiều thật là buồn và tĩnh mịch làm cho tôi càng hồi hộp thêm. Không biết chuyện gì xảy ra đây. Nhưng tôi biết là

quan trọng lắm. Chưa lần nào tôi thấy ba tôi đậm chiêu, nét mặt căng thẳng như lúc này.

"Nếu chịu, ba sẽ dẫn con đi Mỹ". Ba tôi khẽ nói

Tôi từ từ gật đầu nói "chịu".

Tôi nói chịu là có ý nói rằng chịu theo ba, dù ba dẫn con đi đâu con cũng chịu.

Chớ lúc đó tôi có biết Mỹ là gì, ở đâu, cách Việt Nam bao xa? lúc đó tôi còn nhỏ lắm. Nếu tính từ ngày 30-4-75 mà ba tôi thường gọi là tháng tư đen, là ngày sập tiệm, là ngày mất nước, là ngày.gi đó, thì tôi mới được 9 tháng, còn bồng trên tay, chưa đứng vững thì làm sao biết gì là yêu nước, yêu dân như người lớn thường nói. Tôi chỉ biết nước Mỹ theo lời ba tôi nói là ngày tôi sinh ra ở Việt Nam là lúc nước Mỹ đang đốt pháo bông để mừng ngày Quốc Khánh July-4. Việt Nam đi trước 1 ngày nên ngày sinh tôi là ngày July-5, cũng ngày này, ba tôi hỏi tôi chịu đi Mỹ hôn?

- Chuyện này thật là bí mật và quan trọng, con đừng nói cho ai biết. Ba tôi căn dặn.

Tôi không biết tại sao bí mật, tại sao quan trọng, nhưng tôi tin lời ba tôi, tôi không dám hé môi cho người nào biết cả. Rồi chiều 15-8-86 ba tôi lại dẫn tôi đến bàn thờ tổ tiên đốt nhang váy lại ông bà nội ngoại rồi từ biệt má tôi để đi.

Trước khi đi, má tôi còn thoa thuốc muối (cho muối khỏi đốt) lên đầy mình mẩy, tay chân cho tôi, cũng đúng lúc đó Bác Tám từ xóm dưới Cầu Tàu lên rủ ba tôi đi "uống cà phê." Hai cha con chỉ có vốn vẹn một bộ đồ đang mặc. Tôi biết từ phía sau má tôi đang lặng nhìn hình bóng hai cha con tôi đi mà không dám nói một lời đưa tiễn, không dám khóc, không dám hé môi với một ai. Tôi mới nhận thấy tình mẫu tử thật bao la, vĩ đại. Sự hy sinh thầm kín chỉ có với tình mẹ con mà thôi- cả đời làm sao tôi quên được. Sau ngày tôi đi, được biết đứa em tôi bị bạo bệnh, sốt xuất huyết nặng, phải nằm nhà thương, nhiều người hỏi tôi và ba tôi đâu. Má tôi chỉ nói là đi về nội (Về Trà Vinh). Miệng thì nói về nội, chớ trong lòng má tôi cũng chưa biết hiện chúng tôi đang ở đâu, đang ở vùng biển nào. Lại còn có tiếng đồn chuyến vượt biên bị bể, bị bắt cả đám ở Bến Tre, kêu má tôi đi lãnh tôi về, vì con nít được về nhà sớm. Không biết lúc đó má tôi khổ như thế nào, chỉ cần rằng chịu đựng. Phần tôi, chỉ lặng lẽ theo bước ba tôi không ngoảnh lại để nhìn má tôi lúc đó ra sao- Má tôi chỉ cần kêu khẽ một tiếng Tèo Anh. Tôi sẽ quay đầu lại ôm chầm lấy má tôi mà khóc. Nhưng không, hình như ba tôi đã quyết định bỏ sau lưng hình bóng thương yêu để đi xây dựng một

đời mới. Ba tôi đi thẳng không một lần ngoảnh mặt lại nhìn xem má tôi ra sao. Đó là ba tôi cương quyết ra đi hay không dám can đảm ngoảnh mặt lại nhìn. Có lẽ cả hai đều đúng?!

Chúng tôi đi ngang Thị xã Gò Công, mọi sinh hoạt bình thường, kể qua người lại không khác gì mọi ngày, nhưng dường như ba tôi không ngó qua ngó lại để tránh chào hỏi như mọi khi. Mấy anh Công An mặc áo vàng dường như liếc mắt nghi ngờ mọi người. Im lặng, căng thẳng, chúng tôi lặng lẽ bước đều theo tiếng tim đập. Một anh Công An quen đi sau hỏi : "Đi đâu anh Tám".

-"Cà phê" ba tôi nhanh nhẩu đáp.

Như thường lệ, ba tôi uống cà phê nhiều lần một ngày, hễ có khách đến nhà để đặt làm bình "accu" trước khi làm bình, thì ba tôi lại đãi khách uống cà phê. Có lẽ vì như thường lệ nên không ai nghi ngờ gì.

Đến một khúc vắng hơn, ba tôi quay ngang hỏi nhỏ bác Tám:

- Anh biết hải bàn và bản đồ hiện giờ ở đâu hôn?

Ngưng một lát bác Tám mới đáp :

- Chắc ông H. đem xuống ghe trước rồi.

Trời xẩm tối, qua khúc quanh nhà thương Gò-Công, số người qua lại thưa hơn. Có lẽ bác Tám đợi đến lúc này mới hỏi :

- Dẫn Tèo Anh đi có cho H. biết chưa?

Ba tôi đáp:

- Chưa. Tôi sẽ năn nỉ nó và mọi người. Nếu không cho nó đi thì tôi cũng không đi.

Ngưng thật lâu, ba tôi tiếp :

Trong lá số tử vi của nó chấm hời mới sanh, năm nay số xuất ngoại của nó tốt lắm.

Chuyến đi của mình là gồm những người quen hùn tiền lại để mua ghe, mua vật liệu để đi, vì tình vì nghĩa chứ không vì tiền như các tổ chức khác, chắc tôi không đi đâu. Còn nói nếu sợ thiếu lương thực thì tôi sẽ nhịn ăn nhịn uống nhường phần tôi cho con tôi - hai cha con tôi chỉ lấy một phần như mọi người thôi.

Bác Tám tỏ ý không vui nhưng đoán rằng nếu phản đối cũng vô hiệu nên im lặng.

Đã đến điểm hẹn, có người dẫn bác Tám và ba tôi đi, người này nhìn tôi e ngại như thăm hỏi : Ai đây? Không đợi hỏi, ba tôi đáp : "con tôi, làm ơn." chúng tôi quẹo qua con bờ nhỏ qua một căn nhà lá lụp xụp như đã có nhiều người trong đó.

Một người trong nhà bước ra cửa sau nói thật nhỏ vừa đủ cho chúng tôi nghe : "Đừng vô nhà, ra thẳng phía sau, chờ ở lùm cây sát phía sau sông".

Theo ước hẹn thì còn khoảng 1 giờ nữa thì chúng tôi rời bến. Nhưng đèn pha rọi sáng cả một khúc sông. Có lẽ nhân công khuân vác làm công tác khuân đồ gì đó, chúng tôi chưa nhút nhít gì được cả. Một tiếng đồng hồ sau người dò đường đưa tin rằng : "Tại cửa Tiểu hiện giờ có một chiếc tàu đang đậu để kiểm soát, chúng ta không thể đi được. Đây là một tin sét đánh ngang tai. Mọi dự trù đều là xuất bến từ cửa Tiểu. Tất cả hy vọng của kế hoạch đều phải thay đổi. Chúng tôi phải nằm tại bụi ô rô không nhút nhít thêm một đêm nữa, chờ tin khác.

Sau đó anh em lại quyết định phải đi tắt qua cửa Đại - nếu chần chờ lâu sẽ bể. Chúng tôi được lệnh xuống ghe - chiếc ghe thật nhỏ mà tôi và ba tôi đã từng trét chai cho kín lại trong khi nằm ụ chờ cả tháng trời - chiếc ghe thật quen thuộc với tôi - có một điều lạ hôm nay đông quá, ba tôi nói có 9 người mà bây giờ đông quá tôi không thể đếm hết được. Sau này tôi mới biết tất cả gồm 21 người, chiếc ghe được ngụy trang phía trên chở một lớp trấu. Trấu thật một

lớp để công an có bắt gặp khỏi nghi ngờ gì cả. Vì đi đường tắt qua con sông nhỏ rất nhiều người, nhiều tai mất hai bên sông dòm ngó. Ba tôi và tôi cũng bị nhốt dưới hầm - nhiều người nói rằng nếu công an thấy ba tôi là họ biết là vượt biên ngay - hỏi tại sao - vì ba tôi trắng và giống công tử quá; không giống dân đi buôn chút nào, dễ bị lộ lắm. Họ cẩn thận như vậy cũng tốt thôi.

Trong ghe tối đen như mực, không biết đêm hay ngày, chỉ có một bóng đèn bình accu của ba tôi làm đèn theo, nhưng chỉ đủ soi sáng một khoản nhỏ cho thấy nhit nhít một số con nít như tôi. Ghe chạy một khoản không biết bao lâu mà cả một hầm người ngộp muốn chết vì thiếu không khí để thở. Mồ hôi tôi tuôn ra như tắm, hơi thở hỗn hển. Tôi nghe tiếng ai nạt lên như nghẹn, như ngộp hơi tắt thở gì đó - tôi liên tưởng có ai chết ngộp rồi. Vừa ngộp thở vừa sợ bị chết vì thiếu không khí. Tôi ráng chịu đựng, lại khát nước khan cả cổ họng. Tôi ước rằng có ai hí một chút cho không khí vô thì sẽ cứu sống chúng tôi. Tôi biết làm mui hầm này không phải ba tôi làm. Vì nếu ba tôi làm thì ít ra cũng có một vài lỗ thông không khí để thở, đâu có khó gì đâu. Cả hầm tàu nhón nháo lên vì sắp hết không khí, lại nghe tiếng vắng vắng phía trên: "Ráng chịu một chút nữa đi qua khỏi chỗ này bỏ trấu ra được rồi!

Đợi một chút như ? là cả một thế kỷ.

Lại nghe tiếng sột soạt phía trên, có lẽ họ lôi trấu ra quá, cả hầm tàu chờ đợi . Ba tôi nói *khi cần mới quý, cái gì hiếm mới quý*. Chớ bình thường thì mình không xem đó là quý. Hằng ngày tôi chưa bao giờ nghĩ rằng không khí là quý, bởi vì có bao giờ hiếm đâu. Tôi cũng chưa có ý nghĩ là mình phải cần có không khí, vì nó thừa thãi. Nó có khắp mọi nơi. Nó tự nhiên mà có. Vậy mà bây giờ mọi người ở dưới hầm tàu gần như chết ngộp, mới thấm thía sự cần thiết của không khí.

Một luồng không khí tuông vào, thật tươi mát. Ghe chúng tôi đã bỏ mui trấu, cập sát bờ sông nào đó tôi không được rõ, chúng tôi được tự do. Kia, ba tôi nhìn tôi với một nụ cười triu mến, vừa an ủi vừa khích lệ tinh thần chịu đựng của tôi - đã không biết bao lâu rồi hai cha con mới nhìn thấy mặt nhau dù ở chung trong một ghe nhỏ xíu. Chưa lúc nào tôi cảm thấy hai cha con khấn khít như thế này. Ba tôi lên tiếng: "Con xuống sông tắm một chút xíu đi cho mát."

Gần như tất cả những người xuống sông tắm cho mát vì giữa trưa hè oi bức, hơn nữa một thời gian dài ở dưới hầm ghe chật chội, ngột ngạt, dơ bẩn.

Đợi trời tối ghe chúng tôi lại vượt ra biển.

Làm sao để ra tới hải phận quốc tế mà không gặp một trở ngại nào. Muốn vậy phải chạy thật mau, phải nổ một lượt hai máy, một máy dầu và một máy xăng. Ghe chạy hết tốc lực để băng qua đảo Côn Sơn nơi rất nhiều Công An trú phòng canh giữ, là trạm chính kiểm soát vượt biên. Nơi đây có nhiều tàu siêu tốc để rượt bắt và có trang bị đầy đủ súng ống để bắn chết những người vượt biên nếu cần. Họ xem người vượt biên còn hơn là kẻ thù, hơn nữa, nếu bắt được rất có lợi riêng tư cho họ. Số vàng bạc của cải quý giá dĩ nhiên họ tịch thu làm của riêng. Đó là lý do chánh mà họ tích cực lùng bắt người vượt biên. Chúng tôi biết được điều đó nên cố tránh đảo Côn Sơn này. Từ cửa Đại băng ra hải phận quốc tế dĩ nhiên phải qua vùng kiểm soát của đảo Côn Sơn này. Mọi người hỏi hộ? Giữa trời tối của biển cả mênh mông. Ánh đèn từ Côn Sơn chiếu sáng một vùng. Ghe chúng tôi cố tránh vùng ánh sáng này.

Nhưng tàu kiểm soát của đảo Côn Sơn thường đâu có nằm tại đảo, ít nhất cũng phải có một vài chiếc nằm rải rác đó đây và tắt đèn để rình chờ con mồi ngon như chúng tôi đến nạp mạng.

Ghe chúng tôi chạy xa dần, xa dần. Bờ biển Việt Nam hình chữ S mà tôi cố tình tưởng tượng để hình dung ra sao thì giờ này chỉ còn lại là một lần xanh đen của rừng bản hay loại cây dà cây dẹt mọc ở ven biển Gò Công. Rồi lần xanh đen này mờ dần, nhỏ dần rồi không còn thấy nữa. Đó là hình ảnh Việt Nam sau cùng trong trí óc bé thơ của tôi mà có lẽ không bao giờ tôi có dịp để nhìn lại một lần nữa, dù một lần nữa thôi.

Hú hồn, chúng tôi đã qua đảo Côn Sơn, đảo tử thần này hơi xa. Mọi người nhe nhóm, nhưng tất cả mọi người trong khoan ghe lại bị nạn say sóng, ói mưa đầy ghe, có lẽ vì không quen đi biển, vì ghe nhỏ chạy quá mau và ở dưới hầm ghe độ lắc nhiều nhứt. Ba tôi cũng chịu số phận này. Tôi nghe người ói và nôn mưa nhiều lần. Riêng tôi thì rất khó chịu, vừa chóng mặt, nhức

đầu lại ói mưa. Nói là ói mưa nhưng có ăn uống gì đâu mà ói, chỉ nôn ọe hơi mà thôi.

Bụng tôi thật lép xẹp.

Đã đến hải phận quốc tế. Chúng tôi không còn sợ bị công An Biên Phòng bắt giữ nữa. Bỗng phía trước chúng tôi một chiếc tàu to xò xộ, đèn đuốc sáng choang đang đến gần chúng tôi. Chiếc tàu to mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Nếu so với ghe của chúng tôi, thì chiếc tàu này như một cái mái (cái lu) nước và ghe của chúng tôi chỉ bằng chén ăn cơm. Mọi người trên ghe mừng rỡ như gặp được cứu tin vậy. Nhiều người đứng trên ghe lấy tay vẫy vẫy và chúng tôi được lệnh đứng lên tất cả cho tàu họ trông thấy. Đèn pha của tàu chiếu thẳng vào chúng tôi, lâu chùng năm phút như là để đếm đầu người vừa người lớn vừa có trẻ con. Chắc chắn là họ biết mình vượt biên rồi. Đèn pha lại tắt và chiếc tàu lại đi xa ra. Chùng mười lăm phút chiếc tàu này lại đến gần một lần nữa- họ có thay đổi ý định gì đây? Trên ghe chúng tôi lại một lần nữa hy vọng - lại kêu cứu bằng cách vẫy tay, đốt lửa cho họ chú ý. Dù không đốt lửa, dù không kêu cứu, chúng tôi tin rằng chiếc tàu này bỏ ống dòm đã thấy chúng tôi quá rõ rồi. Ghe chúng tôi cố ý chạy đến gần, gần đến độ chúng tôi đã thấy lá cờ trên tàu và có đề chữ là tàu của Liên Xô. Nhiều tiếng la lớn "Tàu Liên Xô, Tàu Liên Xô". Chạy ra xa mau, ghe chúng tôi lại mở hết tốc lực để chạy nữa, vì đã có nhiều ghe vượt biên gặp tàu Liên Xô kéo ngược trở lại Việt Nam. Chúng tôi lại sợ cảnh treo cẳng ngỗng bắt hạnh này. Thật tình mà nói tốc lực của tàu và của ghe tôi như là của một chiếc xe hơi và ghe tôi như là người đi bộ thì dù có ráng cách mấy cũng chẳng ăn thua gì. Nếu chiếc tàu Liên Xô muốn bắt chúng tôi thì có thể nói là còn dễ hơn mèo lớn bắt chuột con. Có lẽ tàu này không tiện ghé Việt Nam hay sợ phiền phức gì đó, chiếc tàu lại đi xa dần, xa dần.

Lại qua được một đêm trên biển cả. Trời hừng sáng, từng cụm mây trắng đứng yên chờ mặt trời mọc. Chưa cảnh nào đẹp bằng cảnh mặt trời mọc trên biển. Bầu trời và biển cả liền nhau với một màu xanh thật đậm. Hôm nay trời trong, không một ngọn gió. Không có gì che khuất hoặc cản trở tầm nhìn của tôi và mặt trời. Mặt trời tròn và như đã lớn hơn mọi ngày tôi vẫn thường nhìn. Có lẽ vì tương phản giữa màu sắc xanh đỏ với sự phản chiếu khúc xạ ánh sáng chẳng?

Ghe tôi vẫn đi, xa xa thấy vài chiếc tàu ngoại quốc như một chấm đen trên biển, vì quá xa chúng tôi khó có thể kêu cầu cứu, đành phải tự mình đi. Buổi sáng thì mặt trời đỏ đẹp, nhưng tôi không biết rằng mặt trời đỏ thì báo hiệu một ngày nắng gắt tối đa. Trên ghe không có một tấm màn, tấm vải để che nắng. Nạn khát nước lại hoành hành chúng tôi, không phải là không dự trữ nước, nhưng vì ghe đi nhanh quá, các má lu chứa nước bị nước mặn tạt vào thành mặn tất cả, phải chia nhau từng nắp bi đong để uống. Kẻ uống nhiều, người uống ít lại gây gỗ nhau. Riêng tôi, tự biết thân phận tôi là kẻ đi bám không dám đòi hỏi gì cả, miễn làm cho ba tôi vui là tôi yên tâm rồi. Tôi cũng tự tin mãnh liệt rằng tôi không bao giờ chết vì đói, vì khát cả, nên đành im lặng chịu đựng.

Trên ghe, nhìn xuống biển sâu. Nước thật trong và xanh. Tôi nhìn thấy rõ từng con cá. Có những con cá thật to, to bằng hoặc hơn chiếc ghe của tôi. Bây giờ nghĩ lại tôi còn sợ, vì nếu một trong những con cá này vùng vẫy hay chỉ cần vẫy cái đuôi thôi, cũng đủ làm cho chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi lật úp rồi.

Hai bên ghe là những con cá vượt sóng thật xinh, màu trắng tung tăng nhảy lên khỏi mặt biển, chuyển từ làn sóng này qua làn sóng khác. Với đôi cánh mỏng như là một loài chim biển. Mọi người trên ghe gọi là cá bay. Đúng là cá biết bay.

Lúc này ghe chạy thật chậm, được biết là một máy lớn bị gãy cây trụ của chân vịt. Nên không còn hoạt động được. Biết qui trách nhiệm cho ai đây. Số mạng mà, còn máy cô-ly chạy xăng thì chạy từ từ cũng được, nhưng chỉ có 10 lít xăng thì chạy tới đâu đây. Chắc chắn là chạy không tới đâu hết. Giữa biển cả mà hết nhiên liệu thì chết không ai hay không ai biết, chỗ này ít tàu qua lại nữa.

Chúng tôi đi một khoảng thì gặp một tàu đánh cá của Việt Nam đề chữ Kiên Giang. Tàu quốc danh của Việt Nam thường cũng kéo mấy tàu vượt biên trở lại Việt Nam nữa. Vì cũng có lợi cho họ, vàng bạc của người vượt biên thì họ tóm. Chúng tôi không biết phản ứng thế nào ! Dù sao thì cũng đường cùng, không còn nhiên liệu để chạy ghe, hết nước để uống, hết lương thực để ăn. Lương thực dự trữ thì nhiều, như bánh tét thì vẫn còn, một số thì thiêu, một số thì còn sống vì nấu chưa chín nhưng tất cả bị

nước biển tạt vào làm mặn chát làm sao ăn. Có gạo nhưng làm sao nấu cơm, vì gió thổi không thể nhóm lửa được. Ghe đánh cá quốc doanh này, vẫy vẫy tay tỏ vẻ thông cảm, thân thiện. Chúng tôi vẫy tay chào đáp lại, người trên ghe đánh cá biết chúng tôi vượt biên và hỏi chúng tôi có cần gì không ? thì ra bàn tay có ngón ngắn ngón dài. Không phải tàu đánh cá quốc danh nào cũng ác, cũng muốn lập công hết. Cũng có người tốt người xấu. Nhìn chung mà nhận xét thì người trên ghe này thì được lắm, chúng tôi lại gần, hỏi thăm dò thì người trên ghe nói họ đang đánh cá ở vùng biển gần Mã Lai và Indonesia. Theo lời họ nói thì chúng tôi đã đi ra quá xa - hai người lớn trên ghe chúng tôi sang ghe họ và họ cho nước uống, thức ăn. Nấu một nồi cháo cá thật nhiều. Họ chọ chúng tôi ăn, và chỉ hướng cho chúng tôi đi gần Indonesia hơn. Thật nhớ ơn người tốt bụng đã giúp chúng tôi đoạn đường rất khó khăn nguy hiểm này.

Đã năm ngày đêm trên biển cả, ban ngày phải chịu ánh nắng như thiêu người ngay trên làn xích đạo. Da tôi nổi hột phỏng vì cháy nắng, vài chỗ bị lột, vài chỗ đổi màu sậm đen. Ban đêm thì thật lạnh buốt, không một tấm màn che sương hay chắn gió. Mình mẩy tôi nóng rần, tôi biết tôi bị bệnh, cảm nắng hay cảm sương gì đó mà cơ thể nhỏ bé của tôi không thể chịu đựng nổi. Đôi khi lên cơn sốt, môi tôi khô cứng tôi lên cơn rung lập cập từng chập, mắt tôi mờ, mờ dần và thiếp đi.

Ba tôi vì ngồi trên mũi ghe, đang lái ghe, có lẽ người không hay biết gì về tôi bị bệnh cả. Tôi thiếp đi không biết bao lâu, vì lúc này tôi không biết thời gian, không gian là gì nữa.

Khi tôi tỉnh dậy thì nghe tiếng ồn ào hoảng hốt của người lớn tát nước. Ghe tôi đã bị bể một miếng ván, nước đã ào ào tuôn vô, khi phát giác thì nước đã vào một phần ghe rồi. Tất cả người lớn phải thay phiên nhau chuyển tay mà tát nước trừ ba tôi và bác Tám ở trên mũi vì bận phải lái ghe. Nhiều tiếng thì thầm than vãn, nhiều tiếng van vái trời Phật cứu độ cùng nhiều tiếng la hét hối thúc mau mau kéo ghe bị chìm bây giờ. Có tiếng hỏi, có máy bơm nước không? Mau mau bơm nước ra, chớ tát không kịp nước tuông vào, có người hỏi biết ghe bị bể chỗ nào để tìm cách chặn lỗ đó lại mới được. Đây, đây, chỗ này đây, làm sao chặn !

Nước chảy vô mạnh quá! Nguy hiểm quá. Đây là cảnh ồn ào nhứt trong thời gian mấy ngày trên biển cả.

Giữa biển cả trời tối đen như mực, nhưng phía nam chúng tôi hiện ra một chân trời sáng hình như một thành phố ở xa. Mọi người đồng ý lái ghe về phía đó, vệt sáng tận chân trời tỏ dần, sáng dần. Mọi người đều hy vọng đó là một thành phố.

Đến càng gần thì vệt sáng càng rõ, càng thấy rõ không phải là một thành phố vì cứ cách khoản đều nhau có một ngọn lửa cháy cao, thật cao. Thì ra đây là nơi khai thác mỡ dầu hỏa. Các khí đốt thừa bay ra phải đốt liên tục, chúng tôi lại gần xin cầu cứu. Vì an ninh nơi khai thác mỡ dầu họ không cho chúng tôi vào, tất cả mọi người khai thác mỡ dầu ủa nhau ra xem chúng tôi. Có lẽ họ nhận ra chúng tôi là những người vượt biên cần cầu cứu, vì thấy chiếc ghe nhỏ quá nhỏ nếu so với các ghe thường đi biển. Tất cả chúng tôi lại ra đứng lên vẫy tay cầu cứu, có người chụp hình chúng tôi, có người ra dấu hiệu bảo chúng tôi vòng ra phía sau, chúng tôi làm theo. Dòng nước chảy thật gắt, ghe chúng tôi khó mà đi được, với một vận tốc thật chậm chúng tôi cố gắng lắm mà cả tiếng đồng hồ mới cột ghe được vô cột của giàn khoan. Người trên giàn khoan làm hiệu đuổi chúng tôi đi, chúng tôi biết đã bị đuổi, nhưng liều cứ ở lại, vì ban đêm, nước biển chảy xiết thật là nguy hiểm, có người trên ghe chúng tôi nói: "chẳng lẽ họ dám bắn mình sao, đừng sợ, cứ liều tạm neo ở đây đã". Trên giàn khoan dầu, có lẽ biết chúng tôi liều mạng, mặc dù chúng tôi có Bác Sáu người thông ngôn, nói được tiếng Anh, nhưng vì xa quá, tiếng ồn ào của tiếng nước chảy đập vào các cột giàn khoan to quá, lấn lướt cả tiếng người của chúng tôi, làm sao họ nghe được. Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, thì trên giàn khoan dầu thả một thùng đồ ăn cho chúng tôi. Gồm có bánh mì, đồ hộp, lương thực, trên ghe chia nhau ăn. Tôi thấy mà thèm muốn điên lên được, muốn mở miệng xin một miếng, nhưng tôi nhìn thấy ba tôi ứa nước mắt, nước mắt ba tôi chảy dài ra. Tôi biết ba tôi thông cảm cho tâm trạng con nít chịu nhịn đói, nhịn khát mấy ngày trời như tôi mà đồ ăn trước mắt không được ăn - lại phải nhìn người khác ăn trước mặt mình. Tôi lại một lần nữa cam chịu của kẻ đi bám ghe. Vượt biên lậu, nước mắt của ba tôi đủ làm cho tôi qua cơn thèm khát, đủ làm tinh thần nhần

nhục của tôi càng thêm nhần nhục. Nước mắt của ba tôi làm tôi khóc theo, nhưng cũng chỉ tuông trào nước mắt chứ không bật thành tiếng. Tôi mô? lần nữa lại tự an ủi : "mình không thể nào chết đói đâu". Có gặp được hoạn nạn mới biết được chân tình. Cũng như cháy nhà mới ra mặt chuột. Lúc này mới biết kẻ nào tham ăn, tham uống quên cả tình người, chứ bình thường ai cũng cho là mình tốt cả. Nếu theo ước hẹn thì ít ra ba tôi và tôi cũng được một phần ăn chớ, hay là nửa phần!

Qua đêm chúng tôi lại đi, phải đi. Vì người trên giàn khoan làm dữ quá. Họ cho biết đây là giàn khoan của Indonesia, chúng tôi đã đi quá xa. Đi được một khoảng nữa thì ghe tôi bị trục tract gì đó không chạy được.

Có cây chèo hôn, bác Tám tôi hỏi lớn từ trên mũi giọng xuống. "Có, có, để tôi kiểm đem lên" có tiếng ai đó ở dưới khoan ghe đáp lại, và người này đem cây chèo lên cho ba tôi chèo. Ba tôi nói với bác Tám. "Giữa biển mà chèo cái gì, ăn thua gì đâu, chỉ cầm lái cho khỏi lạc hướng thôi".

Bác Tám an ủi :

"Biết phải làm sao hơn, với vận tốc như rùa này biết đi đâu được, thôi mình cứ ráng".

Ba tôi tiếp :

"Đương nhiên là mình ráng hết sức của mình rồi, nhưng anh biết đây là hải phận của Indonesia, mình phải quay lại thật xa mới đến hải phận của Singapore hay còn xa hơn thế nữa mới tới Malaysia". Anh cũng biết Singapore không nhận thuyền nhân nữa rồi, họ chỉ nhận là các tàu gắp thuyền nhân dọc đường đem về mà thôi". Còn Indonesia, đảo Galang I và II cũng sắp đóng cửa - duy nhất chỉ còn Mã-Lai mà thôi. Mấy hôm rồi mình chạy ghe bằng máy, bây giờ trở ngược lại mà đi bằng chèo tay thế này thì mĩa mai quá!

Ghe bênh bồng trên biển cả, ba tôi chèo cho có chèo để cho sóng biển khỏi làm ghe nghiêng qua nghiêng lại và để giữ hướng. Nếu không chèo thì chúng tôi lại một lần say sóng nữa quá. Ghe gần như đứng một chỗ chờ định mệnh, có thể nói là chờ khi hết lương thực, hết nước uống, rồi chết, từ từ chết từng người, từng người như tôi

đã được nghe các ghe khác đã gặp phải. Có ghe họ phải ăn thịt nhau để sống sót.

Tôi liên tưởng đến ghe của chúng tôi, nếu vài ngày nữa thì sao! Có lẽ lại ăn thịt nhau. Mà chắc người bị làm thịt trước nhất có lẽ là ba tôi quá. Vì trên ghe 21 người ba tôi là người cô đơn nhất, số còn lại là gia đình và thân nhân quen biết. Sau khi làm thịt ba tôi, người thứ hai không ai khác hơn là tôi. Đó là dĩ nhiên, không thể tránh khỏi cảnh này. Tôi đảo mắt nhìn một vòng quanh ghe, ai ai cũng thấy hung dữ quá, tôi bỗng thấy lo sợ cho cảnh đơn cô, thật nguy hiểm quá. (Sau này tôi còn nghe nói họ định thả cha con tôi xuống biển. Điềm này cho thấy rằng nỗi lo sợ của tôi cũng không vô lý. Vì rằng ba tôi và Bác Tám biết rằng mình đã đi quá xa nên lên cho ghe hướng về Mã Lai cho mau hơn, nhưng những người trên ghe hiểu lầm rằng ghe còn trong hải phận của Thái Lan và hướng đó là về Việt Nam!)

Trời thật êm, biển thật lặng, chiếc ghe vẫn như ở chỗ cũ. Kinh nghiệm của những người đi biển là họ sợ cảnh lặng êm của biển như lúc này. Đó là dấu hiệu sẽ có một cơn bão hay gió lớn sắp đến. Không bao giờ biển được lặng yên thật lâu. Thời gian lặng yên là chờ đợi cơn gió mới, cơn bão mới. Chiếc ghe nhỏ xíu của chúng tôi có chịu nổi cơn bão không? Dù là một cơn gió lớn, các ngọn sóng có thể ập chiếc ghe lật úp bất cứ lúc nào.

Liếc nhìn về phía ba tôi, với gương mặt điềm tĩnh, tự tin. Với người không có gì là tai biến cả. Làm như có luồng điện truyền sự tự tin và điềm tĩnh từ ba tôi vào lòng tôi. Tôi cảm thấy an ủi và phần chấn hơn.

Trước mặt chúng tôi, một chấm đen xuất hiện, đó là chiếc tàu đánh cá từ từ tiến về phía chúng tôi. Hải tặc, vài người trong ghe chúng tôi nói; "Coi chừng hải tặc" làn sóng hải tặc lúc này thật khủng khiếp, cướp của, hãm hiếp đàn bà, con gái, kể cả giết người rồi ném xuống biển họ cũng không từ. Đây cũng là tội của người vượt biên đi trước đem theo vàng bạc nhiều quá, chỉ cướp được một ghe thì đủ làm giàu rồi cần gì phải đánh cá cho mệt. Vì vậy từ đó, thay vì đánh cá họ sẵn mỗi tàu vượt biên có lợi cho họ nhiều hơn.

Chiếc tàu đánh cá càng lại gần. Một người trong chúng tôi nói: "Đúng là nó chia

mùi ngay vào mình rồi, đúng là hải tặc rồi, làm sao đây?".

Nếu là hải tặc mình cũng không có cách nào trốn chạy hết. Hơn nữa mình không có vàng bạc, của cải gì cả, cũng không có đàn bà con gái gì, đừng sợ, tôi nghĩ đây là điềm lành chớ không phải điềm dữ đâu".

Điềm lành, ba tôi nói điềm lành.

Giữa lúc không còn cơ hội để thoát ra vùng biển cả, giữa lúc đứng chờ sự chết thì một tàu khác đến, ít ra cũng đem đến một cái gì để hy vọng hơn, có cơ hội hơn, đó là điềm lành. Chiếc ghe đánh cá biết chúng tôi là những người vượt biên. Kinh nghiệm của họ cho biết và họ đã từng thấy những chiếc tàu như chúng tôi đã đi qua con đường này. Họ là hải tặc. Bình thường thì họ là ghe đánh cá, nhưng khi gặp tàu vượt biên thì họ muốn kiếm ít vàng thì trở thành hải tặc có ai mà biết được. Chiếc ghe đánh cá. Đúng hơn là chiếc ghe câu cá vì trên ghe chúng tôi thấy những sợi dây câu có rất nhiều móc câu. Nếu nói theo Việt Nam thì đó là câu giăng hay giăng câu ngoài biển. Họ còn có lưới. Có lẽ họ vừa lưới vừa câu. Trên ghe chỉ có một người, người cho ghe của họ cặp sát vào ghe của chúng tôi. Nếu so sánh thì ghe này lớn gấp 30 lần ghe của chúng tôi và có lẽ giá trị gấp trăm lần, vì họ có trang bị đủ những thiết bị cần thiết. Người đàn ông có nước da thật sạm vì suốt ngày ở ngoài khơi phơi nắng, bắp thịt rắn chắc như lực sĩ vì suốt ngày phải dùng sức lực của bắp tay. Ông ta ra hiệu cho một người của chúng tôi, anh ta lặp lại chỉ một người của chúng tôi lên ghe của chúng để thương lượng.

Tôi còn nhớ rõ chú Hùng, người tương đối lực lưỡng nhất trong chúng tôi. Rất xứng đáng với tên Hùng vì người rất anh hùng, đại diện ghe của chúng tôi. Sau vài giây để đưa mắt đảo qua một vòng như để tham khảo ý kiến, như để đo lường sự thành bại của quyết định này, anh nhanh chân nhảy qua ghe của địch thủ. Chúng tôi gọi là ghe của đối phương thì đúng hơn, vì chúng tôi chưa phân biệt là bạn hay thù. Kế đối diện với mình là người tốt hay xấu. Sau khi chú Hùng vừa bước qua ghe của họ thì lập tức họ cho chiếc ghe này chạy một vòng để đủ thời gian thương lượng, đủ thời gian để mọi người trên ghe của chúng tôi hồi hộp, hú vía lo cho số phận của chú Hùng không biết phải ra sao. Vì như là một con tin, như

là một miếng mồi để câu cá, hay nói đúng hơn chúng tôi như là lá bài "bị thiệp" họ có tổ bao nhiêu cũng được, bắt chẹt gì cũng được.

Một lần nữa chiếc ghe đánh cá lại cặp sát ghe của chúng tôi. Chú Hùng bước nhanh qua ghe của chúng tôi, với vẻ nghiêm trọng chú nói: "Nó đòi phải đem hết tất cả vàng vòng của chúng ta cho nó, rồi nó sẽ chở mình về Mã Lai." Mọi người nhìn nhau ái ngại. Một người nói: "Dù sao, ghe mình cũng đâu còn đi đâu được." Một người khác tiếp: "Mình phải theo thôi, hết đường lựa chọn." Sau đó tự động mỗi người lột nhẩn của mình đưa cho chú Hùng và trao cho anh Mã Lai này. Sau khi lục soát xem có gì còn quý giá đáng để lấy nữa không, anh Mã Lai này ra hiệu cho mọi người qua ghe của anh ta. Chúng tôi thật hết sức lực, cả thể xác lẫn tinh thần, người nào cũng uể oải, chằm rải đứng lên từ từ bước qua ghe của đối phương. Như là không nỡ rời chiếc ghe thân yêu của mình. Như là không muốn qua ghe khác là ghe của định mạng mới, rồi không biết sẽ đưa số mạng mình đi về đâu? Cuối cùng rồi mọi người đều qua được chiếc ghe "Mới" này. Ghe mới, định mạng mới. Một thay đổi lớn mới. Không ai nói với ai nhưng cùng một động tác vẩy tay chào tạm biệt chiếc ghe thân thương, đã hết lòng che chở cho chúng tôi qua những đoạn đường dài nhiều kỷ niệm và đầy nguy hiểm.

Anh Mã Lai chạy ghe xa ra, lấy trớn chạy tới ủi thật mạnh vào chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi. Một lần rồi hai lần như để cho chắc ăn thì chiếc ghe nhỏ xíu mong manh của chúng tôi đã bẻ tan, nước vô và từ từ chìm xuống biển.

Tất cả chúng tôi, 21 người đều xúc động trước cảnh giả biệt của chiếc ghe thân thương này. Tôi thầm nói: "Giã từ nhé! người bạn thân mến. Cảm ơn một lần nữa đã giúp đỡ chúng tôi." Tôi đưa tay vẫy vẫy lần chót. Vĩnh biệt! Chiếc ghe ở phút cuối cùng còn cố sức ngồng chiếc mũi lên để giả biệt như là ngầm nói: "Tôi đã làm tròn sứ mạng, vĩnh biệt những người thân thương." Nếu nói theo ông Trọng Trình thì dù là đồ vật cũng có số mạng của nó. Như là chiếc quạt cũng có số mạng, thì chiếc ghe thân thương của chúng tôi cũng phải có số mạng chứ?! Sau khi hoàn thành sứ mạng đưa người vượt biên, dù là cố hết sức, nhưng chỉ đưa được, đúng hơn là chuyển giao

được số người thành tâm để qua tàu khác. Chiếc ghe hy sinh, bị vỡ tan tành và chìm dưới đại dương để cho có lý do mà người Mã Lai phải báo cáo lại: "Khẩn cấp, cứu nguy." Số mạng của chiếc ghe đau thương quá!

Nước mắt tôi không sao cầm được, nó tuôn chảy như thương tiếc người bạn cùng đường, cùng chia sẻ hoạn nạn mà nay đành hy sinh thân mình, như Lê Lai liều mình cứu chúa. Như người tứ trung thành bỏ mạng để chủ được bình yên. Tôi nghĩ những người khác cũng đều thương tiếc, nhưng không giống tâm trạng của tôi. Riêng tôi và chiếc ghe này cùng nhau kháng khí từ khi còn nằm u ?#273;ế chờ ngày lên đường. Tôi được lệnh phải canh giữ và cùng ba tôi trét chai cho khỏi bị rỉ nước. Sự tan tành của chiếc ghe là ngoài sức tưởng tượng của tôi, ngoài ý nghĩ non nớt của tôi. Lúc bấy giờ tôi chỉ có ý nghĩ là một sự mất mát. Một sự vĩnh biệt. Thương tiếc. Tôi khóc.

Chiếc ghe Mã Lai này quay mũi ngược lại với hướng của chúng tôi đã đi. Có lẽ là chúng tôi đã đi quá xa. Quay lại hướng 0 độ mà với vận tốc thật nhanh. Nhanh hơn không biết bao nhiêu lần vận tốc của ghe chúng tôi mà phải chạy suốt 16 tiếng đồng hồ để cập bến Mã Lai. Tôi không còn nhớ rõ nơi nào của Mã Lai, nhưng tôi biết chắc chắn rằng là ở tận miền nam của Mã Lai; vì sau đó, sau khi làm thủ tục, cho chúng tôi một ít thực phẩm thì họ đưa chúng tôi lên xe bus, chạy tiếp tục lên hướng Bắc của Mã Lai. Khoảng 18 tiếng đồng hồ chạy suốt nửa để đến trại chuyển tiếp trước khi vào đảo Bi-Đông.

Người đánh cá Mã Lai dẫn chúng tôi đến một ngôi làng nhỏ. Họ nói với nhau bằng tiếng địa phương. Có lẽ là tiếng thổ ngữ Mã Lai vì tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng tôi đoán là người đánh cá này nói lại, hay báo cáo là ghe chúng tôi đã hết lương thực. Ghe bị hư máy và vô nước sắp chìm, may mà gặp anh ta đem vô đất liền để ty nạn. Lúc bấy giờ là tàu vượt biên hằng ngày, người Việt Nam hằng ngày đến ty nạn tại Mã Lai cho nên ai ai cũng biết. Người dân làng Mã Lai thật tốt bụng. Biết chúng tôi đói và khát. Họ đem đến cho chúng tôi nào bánh mì ngọt, nước trái cây đựng trong hộp giấy. Lần đầu tiên trong đời tôi được trông thấy và thưởng thức nước trái cây đựng trong hộp giấy! Thật là ngon tuyệt. Bánh mì

thật xốp, vừa đủ ngọt, thật là ngon miệng sau 8 ngày đêm đói khát trên biển cả.

Đứng sắp hàng để ghi tên làm thủ tục mà hai chân tôi như mất điều khiển, có lẽ vì lâu ngày không được đứng. Hai mắt tôi làm như oa lên, nhìn vật gì cũng xoay tròn, mọi vật đều xoay tròn trước mắt tôi. Có lẽ là từ trên ghe lâu ngày say sóng, rồi quen dần ở trên ghe đã hết say sóng thì bây giờ lại say đất!? Tôi hỏi mọi người chung quanh thì biết là họ cùng một cảm nhận say sóng như tôi. Bây giờ, lớn lên tôi mới hiểu là trong cơ thể con người có cơ quan làm thăng bằng để mắt, tai cân bằng với độ nghiêng qua nghiêng lại. Nó cần một thời gian để quen với ngoại cảnh mới thích ứng được.

Sau khi tịch thu hải bàn và một số đồ vật, có lẽ là họ tham lam hay là để dễ nói với cấp trên là ghe Việt Nam này thiếu phương tiện đi biển cần sự giúp đỡ, họ đã gọi một xe bus thật lớn để di chuyển chúng tôi về trại chuyển tiếp. theo tôi chiếc xe bus này là quá khang trang, quá mới mẻ, và quá rộng rãi đối với kiến thức của tôi, một người Việt Nam ở quê chưa từng đi, chưa từng thấy phương tiện di chuyển tân tiến như vậy.

Chiếc xe bus đi thật mau, chạy trên đường siêu tốc, không gặp ngã tư hay ngã ba cản trở, có khi phải chui qua núi thật lâu, có khi phải chui vào đường hầm nhắm hướng Bắc mà chạy. Chắc chắn là chạy từ miền nam của Mã Lay lên hướng bắc để đến trại chuyển tiếp trước khi qua đảo Bi Đông.

Tại trại chuyển tiếp, ba tôi gặp được người quen từ đảo Bi Đông qua để đi tỵ nạn. Ba tôi nhờ người này đánh điện tín cho người nhà tôi ở Việt Nam hay rằng tôi và ba tôi đã đến được đất liền và tỵ nạn. Chúng tôi được những người Tỵ Nạn đến trước hướng dẫn, phát cho mỗi chúng tôi một gói mì ăn liền. Chúng tôi cũng được cho mượn mỗi người mùng và chiếu để ngủ một đêm trước khi đi qua đảo Bi Đông.

Tập hợp, chúng tôi lần lượt nghe tên mình trong danh sách để đi qua đảo Bi Đông. Đi bằng chiếc tàu nhỏ thật dễ thương. Đây đủ tiện nghi với 24 chỗ ngồi thật khang trang. Vượt sóng, trực chỉ Bi Đông với một tốc độ nhanh như xe hơi chạy trên đất liền. Tôi thầm nói rằng, nếu mà vượt biên được như chiếc tàu này thì sướng biết mấy. Nhưng nếu sướng quá như vậy thì có lẽ ai

ai cũng vượt biên. Như vậy vượt biên đâu còn giá trị gì nữa. Có khó có hiểm mới quý mà!

Đảo Bi Đông, từ xa xa đã thấy bóng người chi chít. Còn hơn 7 ngàn người Tỵ Nạn trên một đảo nhỏ với những rặng dừa thật cao. Những cây dừa óm tong teo cao vút, thỉnh thoảng mới thấy một trái dừa. Gần bãi biển, dưới một góc dừa, ai đó đã xây một tượng bằng xi măng hình một cụ già ôm đứa cháu ngoại thật cảm động. Câu chuyện của một chiếc tàu vượt biên, trên biển cả đã bị chết gần hết, khi lên đất liền chỉ còn có hai ông cháu. Đứa cháu bị bệnh nặng, vì đói, kiệt sức vì lâu ngày trên biển cả. Ông cụ ôm người cháu đến khi tàn hơi. Đau khổ vì đứa cháu chết trong vòng tay mình, ông cụ đang nín lặng ngồi dưới gốc dừa, thì chẳng may từ trên cao một trái dừa định mạng rớt ngay vào đầu ông để tiễn đưa hồn ông về với cháu. Người ở đảo thường nói: **Vượt biên có số, định cư có phần.**

Đảo Bi Đông, số người thật đông, nhưng số chuột cũng không kém người.

Đảo Bi Đông, một xã hội nhỏ, một nước Việt Nam thu hẹp. Cũng có đủ hạng người từ tốt đến xấu. Cũng có chùa chiền, phật tử thật đông. Cũng có nhà thờ, con chiên thật tấp nập. Từ nhà thương, trường học đều chật nít bệnh nhân như học trò. Những người vượt biên có số nhưng *định cư không có phần* thì cũng chiếm một diện tích khá lớn đối với hòn đảo khá nhỏ này. Đó là những người định cư vĩnh viễn trên hòn đảo Bi Đông, Số mạng hẩm hiu của họ được định sẵn và được danh dự mang tên "Nghĩa Trang Của Những Người Tìm Tự Do". Thật ra một số đã tử nạn trên biển cả để tìm đường tự do và một số khác vì bệnh hoạn không thoát khỏi vòng tay của tử thần, đã lia trần trên hòn đảo định mạng này. Hàng năm một số đã được lấy cốt, một số mồ hoang thì có lẽ vĩnh viễn vô thừa nhận và sẽ chôn vùi theo năm tháng.

Chúng tôi vượt biên đến đảo này là lúc có chương trình sẽ đóng cửa đảo. Lúc đó với tuổi non nớt của tôi chưa hiểu đóng cửa đảo là gì. Đảo làm gì có cửa mà đóng và làm sao để đóng cửa. Sự ngô nghê và thắc mắc của tôi mãi nhiều năm sau vẫn chưa thỏa mãn, vì số người ở đảo vẫn tăng mặc dù không còn nhận người nào vào đảo nữa ? Tại sao? Bây giờ tôi mới nhận thật ra rằng Đảo đúng là một xã hội. Nghĩa là có

tử thì cũng có sanh và hằng tuần tại nhà thờ có không biết bao nhiêu cặp đã làm đám cưới. Họ ghép hồ sơ, làm lại hồ sơ. Thêm người, bớt người. Làm khai sanh, hôn thú, thật là một xã hội, một xã hội phức tạp.

Không lúc nào tôi nhớ nhà hơn lúc này. Má tôi, hai chị và một đứa em trai không biết lúc này đang làm gì. Những người ở đảo thường kể rằng : "Có những người vượt biên trước thì vợ con họ vượt biên sau, vài tháng sau thì họ đoàn tụ tại đảo này." Tôi cũng hy vọng rằng má tôi sẽ vượt biên theo sau. Mỗi lần có tàu nào câ? bển để tỵ nạn, tôi đều đến để thăm hỏi, để mong sao gặp được má tôi. Tôi tưởng tượng rằng khi gặp lại người, từ xa tôi sẽ chạy lại ôm thật chặt mà òa lên khóc. Má tôi, người tôi mong đợi, thương nhớ cứ ở quanh quần đảo đây. Trong giấc ngủ nào tôi cũng đều thấy má, khi tỉnh giấc, tôi không muốn thức dậy. Tôi muốn trở về với chiêm bao, và tôi muốn chiêm bao là sự thật.

Nếu có phép màu nào làm ngược lại thời gian, và hỏi tôi rằng tôi có muốn vượt biên hay không. Tôi thành thật trả lời rằng : "Tôi sẽ ở lại với má tôi." Tại sao? Vì vượt biên khó quá. Họ đã chết từ từ từ bờ biển Việt Nam. Có tàu khi ra đi là 120 người, khi đến đảo chỉ còn 20 người. Chú chín, người ở chung nhà với tôi, đầu cạo trọc vì chú van vái rằng khi nào đến được đất liền thì chú sẽ cạo đầu ăn chay, chú cho tôi biết trong tàu của chú khi ra đi là 85 người, nhưng hơn 40 ngày lên đênh trên biển ca, ?khi đến đảo chỉ còn có 4 người sống sót nhờ ăn thịt nhau mà sống. Phái đoàn Mỹ đã điều tra từng người và kết quả sự thật là thế. Bốn người này vẫn chưa được đi Mỹ dù họ đã ở 3 năm rồi? Chú đoán rằng có lẽ phái đoàn Mỹ cho rằng 4 người này dã man quá! Dám ăn thịt người. Thật ra không phải chỉ 4 người này, mà còn rất nhiều tàu họ phải ăn thịt nhau để sống.

Chú Năm, người mà ở đảo gọi là người giàu nhất. Họ kể rằng trên tàu của chú có hơn 100 người, khi đến đảo thì chỉ còn lại một mình chú mà thôi với 2 túi xách đầy vàng, gồm vàng lá, vàng thê và cả hột xoàn, cùng các nữ trang hơn 100 ký. Dĩ nhiên chú xách một mình không nổi. Phái đoàn điều tra thấy trên tàu còn mấy khẩu súng, mấy viên đạn bắn ra cách đây không lâu, nghi ngờ rằng chú đã bắn chết các người cùng tàu, rồi cướp của. Họ đã bắt

nhốt chú hơn 6 tháng trời mới thả ra. Hiện chú như người mất hồn, nửa khờ, nửa tỉnh. Chú thân mật kể với tôi rằng, số vàng này phái đoàn Liên Hiệp Quốc giữ đến khi nào chú được định cư mới trả lại cho chú. Chú còn cho biết còn một số vàng lá nhiều hơn số vàng này và chú đã chôn nó ở một bãi biển cách đây khoảng 1 tiếng đồng hồ chạy ghe. Chú nói tôi còn nhỏ, dễ thương, giống con của chú đã chết trên chuyến vượt biên này. Chú thành thật hỏi tôi khi qua Mỹ ở đâu? khi nào chú định cư sẽ tìm tôi và hứa chắc chắn sẽ cho tôi một số vàng để làm vốn. Chú tâm sự rằng người nào cũng cho rằng chú ác. Thật ra mấy cây súng còn khét mùi khói đạn vì mọi người trên ghe phải chống trả lại với bọn cướp. Một cuộc ác chiến quyết sanh tử sống còn giữa người vượt biên và bọn hải tặc. Nếu chú bắn chết người trên tàu , tại sao bắn luôn đứa con của chú!? Chú hỏi có tin chú hôn, tôi trả lời , tôi tin chú lắm. Chú ôm tôi, khóc nức nở, chú nói, chỉ còn một mình con tin là đủ rồi. Tôi sợ quá. Chú đã nổi cơn điên. Gọi tôi bằng con và còn khóc như con nít!

"Mười phần chết bảy còn ba

Chết hai còn một mới ra thái bình."

Câu này không biết bắt nguồn từ đâu, và sẽ đúng vào trường hợp nào? Còn tôi biết thì vượt biên, người Việt Nam đã hy sinh nhiều quá.

Tôi muốn kể sự khó khăn của người tỵ nạn ở trên đảo. Từ thiếu thức ăn phải ra biển câu cá. nếu cảnh sát Mã Lai bắt gặp thì bị đánh đập tàn nhẫn. Họ phát gạo để nấu cơm, nhưng không cho lên rừng để đốn củi. Những người đi đốn củi lậu chẳng may gặp cảnh sát Mã Lai thì ăn đòn bằm mình. Nói đến cảnh sát Mã Lai, người đen thui, sắc mặt lúc nào cũng đầy sát khí. Trên tay không rời cây dùi cui, sẵn sàng bốp trên đầu những người nào mà họ không thích. Không cần lý do, vì lý do thì là họ tự tạo. Như là trên đường đi tắm biển, trên đường đi câu cá, trên đường đi đốn củi....Thật ra trên đường thì ai ai cũng có thể là nạn nhân bất cứ lúc nào. Ai mà không đi trên đường.!

Vì khuôn khổ có hạn, tôi muốn kể lại thật nhiều, nhưng mục đích chánh chỉ là gọi lại kỷ niệm của chiếc ghe nhỏ mà ba tôi và tôi phải chịu oan tình trên chuyến hành trình 8 ngày đêm đói khát. Mong sao 21 người trên chuyến ghe định mạng này đã định cư,

TÔI YÊU QUÊ TÔI

Tạp ghi của Hai Quẹo

Trước hết Hai tui xin tự giới thiệu với bà con tui là dân Trà Vinh chính hiệu, quê quán gần Tha la mà xa Ba cụt, trên Cà tót gần góc Bà môn, dưới Tân lập nằm cặp Ba sát, đã từng lội nát từ vùng cát xuống rừng, đi từ miệt vườn qua vùng ruộng rẫy, không học hành tới đâu vì làm biếng học, thích đi lang thang cho nên đầu chơn trẻ thơ của tui đã in dày mịt nhiều nơi trong tỉnh.....

Trên cái "cơ sở" vững vàng như vậy tui dám chấp quý vị dùng sách giảng văn Phan Ngô hay cả bộ từ điển bách khoa để trả lời mấy câu hỏi sau đây.

Mẹ mong gã thiếp vìa giồng
Ăn bông bí luộc dưa hường nấu canh
Đất nào bằng đất Tràvinh
Cửu long hai nhánh ôm tình quê hương !
Đố ai cắt nghĩa : Trà cuôn,
Trà kha, Trà cú, Trà rom....là gì ?
Ô Đùng, Ô Chác, Ô Tre
Ô Răng, Ô lác, Ô Rề....ở đâu ?
Giồng Chanh, Giồng Lớn, Giồng Cau
Giồng Trôm, Giồng Lức,...giồng nào
không... mô ?
Cồn Cu, Cồn Trúng, Cồn Ngao,
Cồn Ông, Cồn Lợi còn.....nào vọt to ?
Long Toàn, Long Hữu, Long Hòa
Long Bình, Long Thới, phải là rậm..."
long" ?
Cầu nào chẳng bắt qua sông
Cầu Quan ? Cầu Cống ? Cầu Ngang ? Cầu
Kè ??
Đố ai quên được tình quê
Đố ai viễn xứ không về Tràvinh?!

Trả lời được hết thấy mấy "câu đố" trên, bà con sẽ thấy nét lạ, nét hay của quê mình mà không xứ nào có được. Riêng hai tui xin mạo muội trình bày một số ý kiến lang bang không theo sách báo tài liệu nào cả, không

dần bài bỏ cục gì ráo, nhớ gì kể nấy, thấy sao nói vậy, và cũng thừa thiệt Hai tui dù tối ngày lo lái xe truck kiếm cơm, vừa mệt đừ vừa làm biếng đọc, cũng ráng góp vui bằng những chuyện rất là nhà quê và rất là xưa, cho nên có thể khác xa với thực tế bây giờ ở bên nhà, rui mà có trật chỗ nào thì xin bà con niệm tình tha thứ cho. Theo chiều hướng của nhóm sáng lập là vận dụng quá khứ để tập hợp cho hiện tại rồi từ đó có dự phóng tương lai, tui xin ồm hộ có chút kỷ niệm này, *có còn hơn không* . Và để cho dễ nắm, hai tui xin ngắt câu chuyện ra hai phần như sau đây

- 1- Những nét đặc biệt của Tràvinh.
- 2- Những mảnh tình quê.

1 Những nét đặc biệt của Tràvinh.

Về cái mặt vị trí, hình thể tổng quát, bạn sẽ cảm thấy rất dễ trả lời cho bất cứ ai nếu được hỏi Tràvinh nằm ở đâu, bởi vì ai mà không biết con sông *Mê Kông* và *Mékong* delta nó ở chỗ nào. Họ sẽ ngạc nhiên sung sướng khi phát giác ra đất Tràvinh mình nằm trên cù lao lớn nhất phía tận cùng hạ lưu sông Cửu long, giáp với biển, được hai nhánh sông lớn nhất ôm hai bên như hai cánh tay mẹ thân yêu ôm đứa con cưng vào lòng.

Còn nếu xét về địa hình địa vật thì mấy tên cồn, ô, giồng, cầu, trà, sóc...cũng đủ nói lên mấy đặc điểm sau đây:

Tràvinh có nhiều giồng và ruộng nhưt.

Giồng, cồn, động: 3 thứ này có cùng đầu ông là *cồn cát duyên hải*, nhưng hông biết tại làm sao người ta khi thì kêu con lương

cát, khi thì cồn, khi thì giồng, khi thì động. Hai tui xin cắt nghĩa đừi như vậy: Cồn lài và dài, tương đối bằng phẳng, cây cối um tùm người ta kêu là giồng (vòng?). Cồn lồi và cụt, mô lên, cao hơn giồng, trụi lụi, rất ít cây chỉ có cát và cỏ ngắn le hoe thì kêu là động (đụn?), như Ba Động chẳng hạn. Cồn lặn và chìm dưới nước thì vẫn gọi là cồn, *ghe vượt biên vướng cồn bị công an bắt hết trơn*. Cồn lồi lên khỏi mặt nước, cây cỏ tùm lum thì kêu là cù lao !? Mấy thứ này đều thuộc dòng họ cát, cát thô là cát, mùa Tết cát bay bụi mắt, lên nóc nhà phủ đầy bánh tổ đang phơi, vô nhà làm nhám bàn thờ và bộ ván gỗ; mùa nắng cát nóng chém bánh xe, làm phồng căng đi bộ, chôn hột vịt cũng chín; mùa mưa đường cát cời xe êm hơn lộ cao su. Trà Vinh đi đâu cũng thấy giồng, giồng sắp lợp chen giữa đồng ruộng, từ trên máy bay nhìn xuống coi giống như bánh da lợn. Từ Giồng ké giáp Vĩnh long chạy ra tới biển, hầu hết làng xóm đều nằm trên giồng. Vì góc là lưon cát nên giồng thường hẹp bề ngang, chỉ vài trăm thước, bề dài có cái tới 5, 10 cây số, giồng nào cũng có đường lộ đất nằm cặp một bên nối liền giồng này qua giồng khác, xe hơi chạy được, phía có đường xe kêu là mặt trước của giồng. Trên giồng trồng tre, ngay hàng thẳng lối, chia đất thành ô, gọi là vuông. Nhà cửa, nưon, rẫy đều nằm trong vuông, coi thật ảm cúm.

Ruộng vườn Tràvinh.- Vườn ở đây là muốn nói tới các loại cây ăn trái chuyên canh chứ không phải trồng văn nghệ sau hè. Tràvinh có rất ít vườn, phần lớn tập trung ở vùng ven sông đất bùn như Cầu quan, Cầu kè và vùng sông Láng Thét tức Bãi xan, Dừa đỏ. Dù vậy cũng có đủ loại trái cây không thua Vĩnh long, Sa đéc. Khóm bưởi Cầu quan, quít cam Dừa đỏ. Dừa đặc Cầu kè, me chua TòaTĩnh.... Trái cây giồng thì phải kể vú sữa, măng quân, trái cam còn kêu là trái quách, trái viết, trái táo, đào lộn hột, sao cô chề lê cu ma ...

Nhưng đây muốn nói tới cái điểm nổi cộm nhứt đê quý vị và các bạn dễ nắm, đó là *ruộng* Trà vinh. Ruộng ở chỗ sâu kêu là ruộng ô, ở chỗ cao kêu là ruộng gò, chạy sát

giồng gọi là ruộng rọc với đất cát pha rất hợp với dưa và bí. Trà vinh có nhiều ruộng nhứt, là chén cơm bầu sữa của cả nước. Mặc dù không có những cánh đồng liên tỉnh bao la như ở Sóc Trăng-Bạc Liêu nhưng ruộng Trà vinh cũng rộng cò bay thẳng *kiến*. Mời bạn cỡi xe Honda với tui đi thăm giồng coi ruộng cho biết. Bắt đầu từ Càng long đi xuống. Trước hết, rẽ trái chỗ ngã ba Mỹ Huệ để đi vô An Trường, con đường đất cát chạy bên phải con giồng dài tới nhà thờ, ấp 8, qua tới Tiểu cần, bạn nhìn phía trước sẽ thấy cánh đồng Tân an- Huyện hội rộng cỡ nào! Sau giồng cũng là ruộng mênh mông chạy từ đồng Cây cách giáp với Bình phú-Song lộc. Hầu hết giồng và ruộng Trà vinh đều chạy từ Tiền giang xuống Hậu giang, song song với bờ biển. Mấy con đường chánh cũng nối liền hai con sông theo hướng đó. Thứ nhứt là đường về?Tiểu cần-Cầu quan, dọc hai bên là những cánh đồng khá rộng nằm cặp Song lộc-Hiếu tử, giồng Ô Đùng Ô Chác Bến Cát Cầu tre tới Phong phú Phong Thạnh của đất Cầu kè. Đường thứ hai từ tỉnh qua hướng Trốt đi Bắc Trang, An Quảng hữu. Cánh đồng trống lớn nhứt tỉnh nằm bên tay mặt, từ Đa lộc chạy tới Tập sơn, giáp ranh với Giồng Trôm-Hòa lạc, Giồng lức-Tập Ngãi, Đầu Giồng,Trạm, Cầu công, Tập sơn,Tiểu cần. Bên trái đường có đồng Thanh Mỹ-Nhi trường, tới Trạm thì thấy đồng Phước hưng-Long hiệp-Đôn châu sẽ nói sau. Đường thứ ba hướng Đầu bờ, đi khỏi Mỹ hòa qua ngã ba Sân lang thì cong lại hình cánh cung nối liền Long Sơn, Ngũ lạc, Đôn châu, Hàm giang, Thanh xuyên (Trácú), Ngãi xuyên rồi tới ngã ba Tập sơn, nơi đây quẹo phải sẽ về Trà vinh. Từ Đôn Châu, gần Bà Nhì có con lộ đá nối liền với Trạm Phước Hưng, xê đôi vùng đồng ruộng lớn chưa từng thấy, lớn hơn đồng Tập Sơn, dài độ 30 cây, ngang hơn 20 cây, nhưng không hoàn toàn trống trải vì bị các giồng nhỏ, giồng cù lao giữa biển, rải rác ở giữa như Trà rom, Ba sát, Ba cùm, Trà sát, Ô Men, Long trường. Đi trên con đường này bạn sẽ thấy ruộng và ruộng, ruộng phẳng lì xa mát, không có sông, không có động, mùa mưa nước bằng phẳng như mặt kiến. Ngoài mấy con đường chính nói trên, còn hàng chục đường khác bạn có thể dùng xe hơi đi được hết. Đường Ba

Động qua Ô lác, Mỹ quý, Bà bèo, Long hũu qua đập Bến Giá rẽ phải đi Long vĩnh Nhà thờ. Đường Bãi vàng. Đường Hòa lạc vô Tập Ngãi. Đường Bến Dừa Lưu Nghiệp Anh. Đường Bình Phú vô Dừa Đỏ... Nhưng có hai con đường cát liên xã điển hình. Thứ nhất là đường Trà Cuôn, mời bạn sau khi ghé ăn hũu tiếu, bánh bao Út Bạch Lan xong thì lên xe đi sâu vô Bào cát, bạn cứ cặp bờ tre mà đi qua Chong vãn, Chong so của Nhị Trường...đi hoài sẽ đụng xã Phước Hưng qua lộ Bà Ban hay vào Long hiệp qua ngã Long Trường, bạn sẽ thấy giồng sắp lớp chia cát đồng thành từng vạt nhỏ. Thứ hai là từ Mỹ Hòa vô chùa Ô răng coi bói Ông lục xong, bạn cứ lần con đường đầy cát đi về hướng Tây qua Huyền Đức, Bà Mốt với những động cát nhỏ hợp với khoai mì và cây đào, rồi tới Giồng Lớn, Giồng Chanh, Tha la... đi hoài sẽ xuyên qua các giồng xã Long hiệp, Hàm giang đổ ra Tỉnh lộ hình cánh cung mà tui đã nói hồi nãy, gần bên Trà Kha, Trà Cú, dẫn về lại Trà vinh. Sống ở xứ ruộng như vậy mà nghe kêu ơi ới : *Với sức người sỏi đá cũng thành cơm*, thì bạn có cảm giác gì ?! Cái vụ đó hồng có ở Trà Vinh. Không cần sức người gì ráo cũng có gạo. Các bạn có thấy mấy đám lúa rài, lúa xạ hồng, chỉ cần dọn cỏ sơ sơ và dặm thêm mấy chỗ trống cuối mùa cũng có cơm, và nếu cần thì dùng máy chớ đâu phí sức dân quá vậy.

Nói tóm lại có đi thì bạn mới thấy ruộng, giồng Trà Vinh mình nhiều vô số kể, nhiều hơn Bến Tre, đất giồng nhuận nhuyễn, không có rừng chen lán, không có chỗ bỏ hoang, dân cư rải đều khắp, cuộc sống trù mật. Vậy *Mẹ mong gã thiếp về giồng* tức là lấy chồng con trai Trà Vinh, chắc mắt rồi, không còn chỗ nào khác. Vì đất đai như vậy cho nên Trà Vinh, ngoại trừ vùng vườn, chỗ nào cũng trồng dưa được hết, không cứ ở Ba Động. Tân an, Đa lộc, Nhị trường.. trồng dưa hấu rất tốt. Chuyện trồng dưa rất dài dòng, bữa nào rảnh Hai tui sẽ kể cho bạn nghe công việc đó nó cũng công phu vất vả lắm. Đây tui muốn nói vìa trái dưa hường. Dưa hấu chính là đặc sản của Trà vinh. Dưa trồng mùa khô, dưới ruộng đất im, sau khi gặt xong, vì trên *đất giồng mình trồng khoai*

lang. Mỗi dây dưa chỉ chừa lại 2 trái, dưỡng cho lớn, những trái ra sau ở ngọn hoặc chèo phải lật bỏ, để dành phân cho dưa mẹ. Những trái non vạc bỏ này có trái chín hòm hòm ruột đỏ hường hường, kêu là dưa hường. Lạ cái là kể cả mấy trái nhỏ bằng trái quít, trái cam, ruột xanh non ẻo, gộp với trái bự bằng trái quách, trái dưa khô, lớn nhỏ sống chín gì cũng được gọi là dưa hường ráo trội. Bí rợ cũng được trồng và săn sóc y như dưa hấu. Trái bí non vạc bỏ, đem về nấu độn cho heo ăn. Bông bí, đọt bí luộc thơm thơm, ngọt ngọt, ngon chưa có rau nào bằng. *Dưa hường nấu canh* với tép bằm hoặc cá riã cũng không có bầu bí nào sánh kịp. Mấy ngày Tết, dưa hường kho với cá lóc khứa khoanh bự bự hay cá rô mè bằng bàn tay úp sẽ đẩy thịt mỡ qua một bên. Dưa hường bẻ nhiều đem vìa muối trong lu trong khạp, ngon hơn dưa leo dưa chuột, để dành ăn suốt mùa mưa. Đất Trà vinh hợp với dưa, nếu trồng có kế hoạch, tăng thêm diện tích, dưa Trà vinh có thể "xuất khẩu" cho cả nước, ra tới Hà nội.

Vậy rõ ràng là hai câu ca dao hơi lạc vận nói trên là của Trà Vinh, do dân quê thứ thiệt đặt ra, và nó phải được nhìn theo con mắt bình dân chứ không theo sách vở hàn lâm viện. Không thể nói *Mẹ mong gã thiếp về vườn* (để gieo vùn cho chữ hường). Và cũng hồng phải *Án bông bí luộc dưa hồng nấu canh* (để cho ăn vùn với chữ giồng). Hai tui mạo muội xin lạm bàn thêm chữ *vìa* trong câu 1. Giọng nói của dân Nam nói chung, dân Trà Vinh nói riêng, nghe nó khô rom, gọn hơ, tròn vo như giọng Mỹ nói tiếng Anh vậy, không xẹp lép ở đầu lưỡi ngoài môi, không dẽo nhẹ xì xèo vương dầu mỡ của giọng Quảng Đông. Như cái kiêu : ông *trjời*, anh *dzũng*, ăn *trjua chjua*, con *trjâu* ăn *rjòm trjong chjuông*...Cho nên không thể có mấy tiếng đi *dzia* hay *dze*? đi *dzo*?thấy *dzậy* mà không phải *dzậy* vì đây là sự nhái giọng một cách thiếu thông minh của mấy tay nhà báo lá cải, ham ăn ham nói. Các bạn cũng biết và được thầy dạy kỹ: vìa đọc là *bĩa*, về = *biê*, vào = *biào*...Dân Vĩnh Long, Bến tre, Mỹ tho và Út Trà Ôn, Thành Được nói, ca đều phát âm y chang như vậy. Nghe có hơi hướm giọng Fải Fố xưa xưa !?

Trà Vinh là xứ chùa tháp ?

So với Sóc Trăng, Rạch Giá, Trà Vinh mình có nhiều chùa nhứt, coi như là vùng đất Phật, nhưng bị bỏ quên, bởi sự hờ hững của báo chí và của chính đồng bào quê mình? Hai tui không đếm được con số chính xác, nói số trăm thì còn ít, biểu có cả ngàn thì hơi nhiều, nhưng hai tui dám cam đoan là hết thấy có trên 300 cái. Nội cái châu vi Tịnh lý không cũng có hơn chục cái. Nè chùa Ông Mọc, chùa Phướng, chùa Kỳ la, Đầu bờ, chùa Mới Tri tân ở đường lò heo, chùa Sóc Cục, chùa Bà Om, chùa Nguyệt Hóa, Sum bua, Hòa lạc, Mặc Dồn, chùa Hang, chùa Tầm Phương... Tất cả chùa đều được thiết kế và kiến trúc giống nhau, nằm trong khu rừng dàu và sao âm u tịch mịch nhưng đẹp không thua mấy cái national park xứ người. Khu chùa thường chia ra 3 phần : Phật Điện (Prah Vohia), khu nhà ngủ và hội trường. Nhiều chùa có trường học và khu tịnh tâm gồm những dãy chòi cá nhân theo lối nhà sàn cho người già đi thiếp (thiêng) . Có chùa xây thêm cái bảo tháp xa xa chấch điện, thật cao, vượt lên cao coi giống tháp chuông nhà thờ. Phật điện hay Chánh điện là công trình kiến trúc công phu, mỹ thuật, đẹp đẽ uy nghi nhứt mà mọi người thích chụp hình. Chánh điện nằm trên nền cao xây gạch hay đá. Bước vào Chánh điện sẽ thấy hai hàng cột to, tròn, cao ngút, đen bóng như cột đình, hai bên tường trình bày tranh, hình, tượng đúc hoặc điêu khắc tinh vi với nét nghệ thuật cao. Cuối Chánh điện có bực lớn nơi tọa thiêng của tượng đức Phật Tổ thép vàng vĩ đại, cao gần tới nóc. Phía sau lưng Phật có thêm bực khác trên đó trưng bày vô số tượng Phật lớn nhỏ, đủ các vị, bằng đồng hay sành, do Phật tử cúng vào những dịp làm phước dâng bông (He Takhanh), có nhiều tượng đồng rất xưa, những cỗ vật vô giá.

Sau cùng là nơi gởi cốt tro chứa trong hũ hay thổ, ký linh an vị của tổ tiên dân sóc.

Khu thứ hai là nhà ngủ, nghi ngơi của ông lục, dài, rộng, ngăn nhiều phòng, cất theo lối nhà sàn. Khu thứ ba cũng là nhà sàn, cao ráo, rộng nhứt, có nhà bếp trệt bên cạnh, thường là nơi tập họp dùng cơm tụng kinh của lục, khi có lễ thì biến thành hội trường đủ chỗ

cho Phật tử tham dự, tất cả ngồi trệt trên sàn trãi chiếu bông sặc sỡ. Vì chùa là nơi yên tĩnh và an bình với rừng cây mát mẽ cho nên nhiều chùa có chim ở, giống như tòa HC Tỉnh thuở nào. Trước đây hai tui biết có 2 cái chúa chim : một ở Tắc Hồ (Turk hồ) Long sơn Cầu Ngang và cái nữa là chùa Cốc La (Kok Khla) ở Ngãi Xuyên Trà Cú. Còn chùa dơi cũng có 2 cái, chùa Hang là một và cái nữa là chùa Việt nằm ở đường rẽ xuống Bến Đáy (Mỹlong) Cầu ngang.

Có thể nói một trăm phần trăm người Miên theo đạo Phật. Đầu sóc nào cũng có chùa. Thanh niên người nào tới 18 tuổi cũng phải cạo đầu vô chùa tu một thời gian, như đi quân dịch, để học hành, tu tập ít nhứt 2 năm, thường thì phải tu thêm cho tới 21 tuổi, năm chót coi như phần đền đáp công cha nghĩa mẹ, xong có thể *sát* (tu xuất) về cưới vợ, hoặc ở chùa lâu hơn hay tu suốt đời là tùy ý. Đạo Phật ở Trà Vinh đã thấm nhuần vô đất, nhuộm đầy cỏ cây, ăn tới xương cốt con người, bằng bạc trong tên làng tên tỉnh. Nói khác đi Trà Vinh là xứ Phật, là hòn ngọc chưa gọt dũa, là kho tàng văn hóa và cỗ vật bị quên. Hồi đó...xưa lắm rồi khi những người hợp lực đào cái ao để lấy đất đắp nền chùa, đào tới nước, bỗng thấy trời lên một tượng Phật nhỏ, vội thỉnh về chùa đầu tiên để thờ (chùa Ông Mọc?). Phật, tiếng Khmer kêu là Prah hay Praeh. Cái hồ cái ao gọi là Prapăng. Người ta đặt tên cho cái nơi khai sanh của tỉnh, cái nôi đạo Phật nhỏ bé ở dưới này là Prah Prapăng. Có người từng phiên âm là Brắc Bra bằng. Người Khmer Nam vang, tự cho là nguyên gốc thuộc vùng *trên* (Khmer *loh*) gọi người Miên mình là miền *dưới* (Khmer *krôm*), kể từ xưa hồi năm lâu lắm lắm cho đến bây giờ thì họ gọi Trà vinh bằng cái tên giông giông Prah Brapăng, là Prah Tropêng, hồng tin nếu có người Campuchia nào hỏi bạn ở Khét na (Tỉnh nào), bạn trả lời tui ở khét Prah Tropêng thì họ ồ, biết ngay, ông là Khmer Krôm!. Hai chữ trên có nghĩa như sau: *Prah* là Phật, như đã nói. *Tropêng* là măng, mầm non. Xin nhờ các bạn dịch dùm chữ *Prah Tropêng* này cho nó hay ho và êm tai. Từ cái nghĩa đó, mình thấy rõ Trà vinh là cái đuôi của Angko Wott, (có nhiều học giả thầy chú

phiên âm sai, thành ra Angkor Watt, hỏi thử Thầy Chêch thì biết) tức Đế Thiên Đế Thích. Thêm điều nữa là cách phát âm chữ Prah *Tropêng* của người Khmer krôm mình trại trại ra thành Prah *Trapăng*, thay vì *Tropêng*. Hai tiếng Brapăng và Trapăng có âm na ná như vậy, hay chính tiếng Trapăng thôi, đã được mấy ông Tây phiên âm, viết theo mẫu tự la tinh, thành Travinh (phát âm là tra veng hay *tra vang*). Người Việt thời gian Tây thuộc lấy cái âm này mà viết theo vần Quốc ngữ non nớt thành *Trà Vang*, bỏ bớt mất của người ta chữ *Prah*. Sau cùng thấy chữ Travinh nguyên si của Tây coi bộ được hơn, bèn kêu tỉnh nhà là *Tra?Vinh* (bỏ thêm dấu huyền lên chữ Tra cho ra chữ Việt). Bị ông Diệm đổi thành *Vĩnh Bình* từ năm 58, cắt mất Trà Ôn và Vũng Liêm chia cho Vĩnh Long. Sau 75 biến thành thị trấn (mà CM gọi là Thị xã ?!) của tỉnh *Cửu Long*. Cuối thập niên 80 thì của César đã trả lại César. Trà Vinh đã ở trong máu của chúng ta. Xin mở đầu ngoạ nhỏ là mấy cha nội làm ơn đừng đặt tên cái lương, đổi tên mới cho xã ấp của Travinh nữa, làm đau lòng cò con lắm. Giả thuyết trên đây là do tui nói chớ không phải sách nói, tui học thiệt ngoài đời chớ không học giả, nghe sao nói vậy mà tui tin là đúng hơn mọi sách vở. Còn nhiều nhiều tiếng nữa, tên làng, tên ấp, tên giồng.. mang cái âm lạ lạ hay hay, muốn biết gốc, muốn hiểu nghĩa thì hai tui biết, chỉ có thầy Kiên Chêch mới có đủ khả năng và tư cách giải nghĩa giúp chúng ta. Nói gút lại, Trà Vinh là xứ Phật tử nguyên thủy, với những ngôi chùa xưa hơn Huế, là kho tàng văn hóa và nghệ thuật cá biệt của quốc gia và của quốc tế. Xin đừng đem niềm tin đó, tình cảm này đem rao đem bán, kiếm lợi riêng, cho khách du lịch . Mong sao những ngôi chùa không chỉ được nhìn để giải trí, chụp hình đem khoe, mà cần được coi như biểu tượng của đời sống vật chất và tâm linh phong phú của đồng bào Miền, cần phải được trân quý tìm hiểu, cảm thông nhiều hơn, góp sức bảo tồn như bảo vật của chính mỗi người chúng ta.

Trà Vinh là xứ Đa văn hóa.

Sự pha trộn, tổng hợp văn hóa thể hiện qua chủng tộc, màu da, giọng nói, thức ăn và

cách sinh hoạt hằng ngày. Cái đầu óc quan liêu, độc tài, tộc trưởng cố hữu của dân ta bị nhạt nhòa đầu mắt. Chỉ thấy có tinh thần bao dung, cởi mở, hòa hợp...Trà vinh có đầu gà đít vịt, đầu rồng đít tôm, và đôi khi có cả 3 dòng máu hòa hợp. Ở nhà quê, hai tui ăn tết 3 lần : Tết Tây, Tết ta và Tết Miền vào tháng 4 dl. Ngoạ trừ tết dl, còn lại Tết nào tui cũng ăn bánh tết mệt nghỉ. Ai biểu người Miền là thiếu số ở Trà vinh thì tui cự ngay. Theo như cái viện Gallup cá nhân tui, quan sát tại chỗ, thì đồng bào Miền chiếm đại đa số. Nếu theo văn khố của Tỉnh Trà vinh vào thập niên 60 thì đồng bào Khmer chiếm 65% dân số tỉnh. Người nào muốn hạ thấp con số đó tức là cố dụng ý mờ ám. Các bạn cứ đếm số chùa thì biết số Phật tử. ?Người Miền rất giàu, trước đây ruộng đất phần lớn do họ làm chủ. Họ cũng rất thông minh, hiền lành, ngoài những nhân vật nổi tiếng như Sơn Sann, Sơn Ngọc Thành..., hồi thời Sihanouk, có lắm quan chức Cambodge(sau này kêu là Campuchia) cấp bộ đi xe huê kỳ từ Phnom Pênh về thăm quê tận Trà cú. Đồng bào Việt thì phần lớn tập trung ở tỉnh thành và một số vùng có nhiều long, vì tổ tiên mình là đó, chẳng hạn như Long Thới, Nhị long và nhứt là Long Toàn. Đồng bào gốc Hoa, thường là người Quảng, đa số thích ở chợ để mua bán, chỉ có số ít người Tiều ở vùng quê làm ruộng rẫy và buôn bán. Chính nhờ người Triều Châu (Tiều), Phúc Kiến (Hẹ) mà Trà vinh có lắm đầu gà đít vịt. Người Việt là kẻ đến sau trên mảnh đất cổ này cho nên thường cạp bên và tập trung gần biển, sông, phần đầu khai hoang lập ấp, rồi từ từ thâm thấu sâu vô đất liền sống chung đụng với dân bản xứ. Tất cả 3 sắc dân đã sống chung hài hòa mà không thấy ở đâu có được. Cả 3 sắc dân học hỏi, trao đổi và ảnh hưởng lẫn nhau, tạo cho Trà Vinh có nét văn hóa đặc biệt. Ta học được bánh tết, cốm dẹp, bún nước lèo, mắm bò hóc, mắm tép chua, canh xiêm lo...mà ít biết phở, bánh chung, bánh dày, bánh cuốn chả lụa...Ta bắt chước cách làm ruộng, cà, bừa, trục, gặt lúa bằng vòng hái chữ S, chớ lúa bằng cộ, đập lúa trên bả bằng trâu bò thay vì đập ngoài đồng như ở Long an, Mỹ Tho, giả gạo cối đập thay vì chày vọt chày mỏ. Ta ăn hũ tiếu *Trà vinh*, khác xa hũ tiếu Sài Gòn. Cá lóc nướng trui,

gà xé phai, cá kèo kho gọt, cua rang muối (nguyên con).. sao mà nó chắc nịch chất tươi chất bổ tự nhiên mà đơn giản, giản đơn quá! Về ngôn ngữ, có người kêu thân nhân bằng hia, ché, củ, kiếm, ý, tĩa...hay nói: mần công chuyện *mình ên*, phải làm *rup rup*, hông kịp thờ.

Hông biết sao dân Trà vinh mình có nhiều cái hay quá vậy. Tui đã đoán mò như vậy. Người Việt Trà vinh thuộc gốc giang hồ tứ chiến, có tinh thần cách mạng một cây, có lòng hào hiệp số một, đã từng làm cách mạng phò ngay diệt ác, thắng làm vua thua làm giặc chạy via đây tị nạn chánh trị, rồi từ đó yêu đất yêu nhà thiết tình chưa ai bằng, hăng hái bảo vệ giang sang, đánh Tây rất giỏi mà đánh Mỹ cũng hay nhưng...sẽ nói thêm ở đấng sau. Người Việt Trà vinh cần cù hết mực, như miệt cò, dân mình làm đủ nghề : đánh cá, làm muối, làm rừng, chằm lá, làm ruộng, thủ công đan đất và nhứt là làm rẫy để dân tinh thành biết tiếng dưa bí Long Toàn. Trong khi đó dân giồng ý lại vào ruộng lúa nên ít phần đầu hơn, ít ai coi việc học là con đường mưu sinh tốt nhứt như dân đàng ngoài. Nhìn chung dân Trà Vinh không thích làm quan, không ham nổi, không trịch thượng kiêu căng, không màu mè lễ nghi, thật thà chân chất đi đâu cũng được người thương, dễ bị giỡn mặt, nhưng khi nổi cơn anh hùng ruộng, cao bồi vườn lên thì coi chừng. Dầu vậy đầu óc dân mình luôn mở rộng ra như cửa sông Cổ Chiên, vòm Bách sắc, khoáng đạt ôn hòa như đồng lúa xanh bao la, bát ngát. Tinh thần khai phóng và tánh dân chủ hòa đồng đã có từ thời Trương Vĩnh Ký, tiếp nối là Ông Đạo Dừa, Hồ hữu Tường.... Gần đây và hiện giờ, người Trà vinh nói riêng, người Cửu long nói chung đã làm gì cho quê hương. Các bạn nhìn coi những nhân vật nào đã có công cõng trời bót cho dân tộc mình, dù chỉ trong phạm vi hay mức độ nào đó. Và khỏi bàn thêm, dân ở đâu có truyền thống độc tài nhứt, quá đổi tàn ác với dân ta, nhứt là những người đứng đầu nước hoặc đầu đảng, nhìn lại lịch sử cận đại thì thấy hết trội. Gút lại, chính nhờ cái đất của Phật, nước của Trời, người của lòng Nhân mà Trà Vinh có được nền văn hóa tổng hợp hài hòa như vậy. Đáng hãnh diện

thay, đàng trong xa lắc, sâu thẳm vẫn còn lắm điều bí mật và mới lạ, một nền văn hóa văn minh miệt vườn miệt giồng non nớt đã dẫn cụ già nghìn năm văn vật đi theo sau lưng.

2 Những mảnh tình quê.

Chính nhờ sống ở cái đất mới như vậy mà hai tui cũng bị lây. Tui yêu quê tui không phải qua tiếng *sáo diều* chiều làng ta, mái *tranh* nghèo bên bờ *đê*? cây đa đầu đình...

Tui cũng thương quê tui, yêu thương tới tận xương tủy tiếng *lười vắn* con thưng đêm khuya, tầm tư tích tư trên vòm trời xuân có trăng sao vằng vặc, thỉnh thoảng đêm mấy trăng hoạch te te, ru hồn tuổi thơ tui mềm như cọng bún; hoặc tiếng rơi lộp độp đục ngừ trên *mái lá* của những giọt mưa đọng muôn trên ngọn tre, pha lẫn chút kéo kẹt lao xao chuyển mình của cành lá lan xa. Tui yêu tới muôn đứt ruột cúm nùm kêu chiều về giữa đồng ruộng tháng 7 tháng 8 xanh tươi màu lúa. Tui yêu ếch ương, ếch nhái ru mưa, trùn mền co rút. Tui yêu mái lá rừng mình thờ hù hù trong gió đông chờ Tết... Và nói thiệt đừng cười ghen, tui cũng yêu bún nước lèo của Bé Hai, Ba, Tư,... chứ chưa biết thương thức phở; cua ốc đây đồng ngập ruộng mà có mấy ai biết và yêu bún ốc, bún riêu. Tui yêu bánh bao Hớn Hồ, Đông Mỹ, hũ tiếu Ken Ký, Vinh lạc. Tôi yêu đồng bào Miên của tui. Tui yêu tiếng trống ngũ âm tưng tung trong lễ làm phước dâng bông vô chùa. Tui mê dù kê, thích vũ cộng đồng theo điệu *làm thôn* giữa sân khoáng đạt. Tui yêu các bạn và bà con hàng xóm...chứ làm sao tưởng tượng cho ra sáo diều, mái tranh, cây đa đầu đình hay chùa một cột tí hon... Bởi vậy bạn Trà Vinh tui có làm văn nghệ thì xin đừng nói tới mái tranh, hoặc *trông bánh chum chờ trời sáng*, hay *chết bên dòng sông Danube*, vì tui sợ nó thua mùi ba khía, và nói theo thầy Bửu Triết thầy Tường Văn thì đó là văn nghệ vong thân, làm đáng. Trà Vinh làm gì có mấy thứ đó, cha nội. Còn bánh tét nếp, bánh tét cốm dẹp Trà vinh ai mà hông biết, nhứt là bánh tét Tri Tân, dám bán lên Sài Gòn lận. Đồ bạn tìm ra cái bánh chum, bánh dày. Nhà cửa, không nhà ngói thì là nhà lá, cột tre hay cột dầu lợp lá, vách lá

hay ván. Trà Vinh là xứ cây tre và dừa nước,
cây dầu, cây sao, chớ làm sao có *mái tranh*
vách đất một gian...

Bây giờ, xin phép bà con và quý vị, tui dành phần sau cùng nói chuyện riêng với những bạn đồng song đồng môn của tui, quý vị nào chưa buồn ngủ thì cứ tiếp tục đọc cho vui. Các bạn ơi, chúng ta đã may mắn lớn lên trong thời điểm và hoàn cảnh yên bình nhứt của xứ sở. Chúng ta được xã hội tạo cho những cơ hội khá đồng đều, giàu nghèo không kể, bán đậu phộng rang hay cà rem cây không cần biết, tất cả được học hành và chúng ta đã chăm chỉ học hành một cách vô tư. Kết quả, tỉnh nhà đã có một lớp đông đảo nhân tài mà trước đó cũng như sau này tìm không ra. Nhưng rồi, giống y chuyện Tái Ông thất mã. Học thì phải hành, phải đi làm theo cái lẽ đương nhiên. Nhưng mà việc làm càng quan trọng thì càng tội nặng.?! Càng học cao thì ở tù càng lâu! Tại sao? Ai yêu quê hương hơn ai? Thì ra, tự cho mình ái quốc, giả thiết không cần bàn mà yêu trật lất thì tội cho người ta biết mấy, vì phương tiện chẳng biện minh cho cứu cánh và cứu cánh còn tệ hơn phương tiện thì cái nào biện minh cho cái nào hỉ. Thì ra, nạn nội xâm nó còn nhiều tàn khốc và oan khiên hơn bị ngoại xâm hỉ. Do đó Hai tui ươm hộ việc khuyến khích con em học hành hăng lên, không cần học để làm quan, nhưng thay vì chú trọng đến kỹ sư, bác sĩ, cần phải học nhiều về chánh trị, luật pháp và kinh tế để ăn nói với người ta. Hai tui rất cảm động thấy Hội Đồng Hương Trà Vinh hình thành, nhứt là khi nhận được danh sách do Hội có công sưu tầm gởi qua, đọc tên bạn cũ mà bồi hồi, bèn làm thơ con cóc sau đây :

Gặp mây tao ngỡ chiêm bao,
Gặp mây bỗng thấy trắng sao ngọc ngà
Gặp mây tao tưởng gặp ma
Từ trong mộ tối chui ra hồi nào
Tên mây chẳng phải mũi dao
Gọi tên mây thấy thốn đau... đáy lòng.
Gặp mây vừa tui vừa mừng
Bầy chim lạc tổ xa rừng đã lâu.
Gặp mây, tao lại gặp tao.
Tao moi kỷ niệm, tao đào tuổi thơ.

Gặp mây, nhớ mẹ nhớ cha,
Gặp mây, thương nhớ quê nhà sao đâu ! /.

Ừ, phải rồi, chính nhờ thấy cái tên tui mà tìm thức tao làm việc mấy đêm liền. Và ký ức đã cung cấp cho tao cả bầu trời thơ ấu. Trà vinh có thời kỳ trường mọc lên như nấm, đào tạo những người... tù tương lai cho Xã hội Chủ nghĩa. Trường Thầy Năm Bính, Trường ông Chuông, Trường Ông Trần Trung Tâm, trường Ông Dân, Trường Nguyễn quang Anh, trường Thánh Gioan, Trần Trung Tiên, Long Đức, Quang Trung (ở Thanh Lệ). Trường Quảng Đông, trường Trung Hue. Về thầy thì có một số thầy ở xa tới như Lam Giang, Phan Quán, Phan Xứng, Thầy Trụ dạy Anh văn, Thầy Trí chồng Kim Ngôn bóng bàn, Nguyễn tinh Tú...và lực lượng hùng hậu gốc tỉnh nhà : Ông ngoại Sắc, thầy Vạn Pháp văn, thầy Phụng, cô Đẹp, thầy Quới, thầy Xương, thầy Thuận, thầy Thê, cô Lờ, cô Tiếng, Mỹ Ngọc, Văn công Thom, thầy Tổ (Pháp văn), thầy Vinh ban nhạc, cô Gấm ban vũ, thầy Thảo thể thao, thầy Bé Võ Bé Lâm, thầy Quang solex, thầy Diệp vespa, thầy Nhon francais, thầy Hợi văn nghệ, rồi tới thầy Đê cô Cẩm, thầy Khoa, thầy Nhựt, thầy Liêm, thầy Phan, thầy Bửu 2 thầy, vân vân..., và có một ông thầy mà tui không dám nhắc tên sợ phái nữ buồn, đó là thầy H. Thời đó phong trào thể thao, văn nghệ phát triển mạnh chưa từng. Đội ban nhạc trường có những danh tướng như Linh, Kinh, Huệ Đào, Huệ móm, Phong, Hiếu, Nghĩa.. Đôi tình có gul Thân, các cầu thủ Văn Ngà, văn Lâm, ba Đống, ba Đốc, Phẩm CN, Lộ TC, Samouri, ba Khê búa đồng, Hóc Tỷ vv..Hồng Hoa, Thạch Sanh chạy đua nổi tiếng. Về văn nghệ thì trong trường, ngoài chợ có ca hát liên miên. Tăng nhứt Lành, Kim Tuyền mầm non...thường hay có mặt. Màng vũ Dòng An Giang, tuyệt, do đám nữ sinh Mỹ Nhung Bạch Hoa Hồng Hoa..trình diễn. Cô Gấm còn dựng thêm màn vũ Thiên Thai không chê được. Trung học Tam Căn lúc Trà Ôn còn thuộc Trà Vinh cũng xuống góp mặt ở sân Cây gòn. Ngoài chợ thì có Văn Se Thị Mẹo, Nhật Vĩnh, Trúc Phương (Cầu Ngang) ..tay vỗ bình binh cây guitar với những bài Ai nhớ chẳng ai, Tình thăm duyên quê, Múc ánh trăng vàng, Lối về xóm

nhỏ...Huỳnh Xèo Chính với bài Đò chiều, Những ngày xưa thân ái, Trầm văn Ngoan hát Ai nhớ chẳng ai. Phong trào thơ văn cũng rộ nở. Ông Đức phát thơ, vừa ngâm thơ vừa phát thơ, nghi học sớm cưới vợ đẹp như tiên, làm thơ, viết văn lưu bút, bích báo hay như văn sĩ. Ông Thọ còm, Ngân móm...làm thơ, đóng kịch thơ chưa có ai hơn. Bạn Hạnh (+) thường cỡi xe đạp từ Chôm hôm qua *sông nước mắt* 2 dòng mà thành thi sĩ Hàn Giang sông lạnh !. Riêng hai tui thì chuyên môn ghé quán Kim Anh mượn bài hát mới về chép trong nửa tiếng đem ra trả, chép nhạc của chị dày cả gang tay nên chị quen mặt tui và cứ vui vẻ cho mượn chớ chưa bao giờ biết tên tui là gì. Tóm lại thời đó vừa học vừa vô tư vui chơi, có ai biết chuyện ngày sau. Tui vẫn quen thói, tiếp tục lang bang, lội bộ vô Hòa lạc, Sum bua bắn chim, leo cây hái trái hay trái bù hút, đánh trống với con nít Miên, chiều ra Nguyệt Hóa đu sau xe đò có giang vĩa. Đi ra Vàm bằng ngõ Đầu bờ Kỳ la hay bên lò hột vịt. Khi khác qua cầu tiệm tương, ghé vườn ổi Mười Hương, ăn chùm ruột ngọt Bầu Vòi với khô cá lẹp, hái mấy trái bần sót trên cây thưa bên đường, ôm bắp dừa qua sông... Đi qua Thanh lệ ghé vườn dừa Như Thủy năm vông, thăm vó bờ rạch một chút, ra ngã ba Đuôi cá tẻ trái vô Sóc Ruộng (Ba Trường) lên ăn cặp móc ngó sen, hái gương sen rồi ra Vàm, nhờ Quý dẫn vô Bàn Xà đón dừa nước. Đi vô Trốt bằng ngõ cầu Long bình, ngang nhà thầy Giã, tới vườn ổi nhỏ mua vài trái vừa cặp vừa đi tới vườn táo, trái táo sao mà dễ thương, cắn nghe giòn rụm, chua nhiều hơn ngọt nhưng rất là thanh. Tới chùa Tầm Phương lên cầu khi qua đường dưới, lội vô sóc mua vú sữa, su đũa chín cây, rồi lên bắn dơi chùa Hang bị ông lục rượt chạy thất cổ. Khi khác đi vô Sóc Cục đón mai sau chùa Miên, ghé nhà Phi, Đình, vĩa nhà qua xóm tiên cây dầu lớn, còn bé tí mà cũng tập bồi hồi dáo dác. Ngon nhất là cỡi xe đạp lên ao Vuông hồ hện, tập làm người lớn nhưng cũng chỉ thương nhau bằng mắt, mến nhau bằng lời. Không quên ghé thăm Trần kiên Hứ ở cạnh bờ kinh Ba Se. Có khi đi xuống Chôm hôm, ngang nhà chị Thơ, vô Đầu bờ ghé nhà ông Phật Tử ăn cơm và có lần ngủ lại, sáng thăm Thành Năm Châu. Có lúc đi

xa tới nhà La Tấn Thanh Mỹ bẻ táo, hoặc đi Rạch lẹp Hùng Hòa, Long Thới. Còn tại chợ Trà Vinh thì chỗ nào mà không có dấu chân tui, tui biết người ta nhiều lắm mà nhiều người chẳng biết ta. Xuân Sơn xưng sáo, Ân Bùi bán trắng, tóc xỏa Hàn Phong, Đệ Đâm thôi chơi, Tạo Phát bán mì, Xiếng Tưng Bông Lai, Thanh Hùng tương hột, Bão Sơn học nhảy, Cương Nhứt cua óp, v.v. Tui vốn là tay quậy ngầm. Có chút nị mà cứ kiếm cơ ghé tiệm sách Nam Huê để ngắm cho được chị Hồng Hoàng mới vĩa nhà ăn cơm. Lén bắn me Tòa Tỉnh, làm rớt đá vô dinh, bị lính dí bắt đem vô nhốt gần cổng sau, làm bộ khóc hu hu hổi cái, nhưng mắt gần 3 tiếng đồng hồ sau mới được *khoan hông* thả về. Trong lớp cũng đã thành quý rất sớm, cùng nhiều đứa chuyễn tay nhau trong giờ học, đọc *một tuần làm tiên* qua Thành Biển, Vĩnh Tường v.v.thì có đũa sờ soạng và hô "petit mais très dure" khiến thầy Trụ đê ý, tới phiên tui đang cúi đầu xuống học bàn đọc mê mang quên mất giờ Anh văn thì bị thầy tới chỗ giựt cuốn tập bí truyền đem cất trong ngăn kéo, tôi mắt hôn lẩn vĩa, hết quậy, quẹo đeo, xanh lét, sợ run không học được suốt buổi; khi hết giờ dạy, thầy rút sách quý ra đọc, bỗng mặt thầy đổi sắc, chắc tiêu từng đời học trò mình rồi, nhưng vụt một cái thầy nhét cuốn sách tiên vô túi quần sau, leo cửa sổ nhảy qua sân vận động, mắt tiêu. Hú ba hồn chín vĩa hai tui. Tui đã thoát nạn. Dầu vậy, tui hết quậy nổi và bị quẹo đeo luôn cho tới bây giờ.

Tới đây đã quá dài dòng. Nói dài nói dai nói dờ mà ham nói. Nhưng kể tới mai cũng chưa hết chuyện. Sờ dĩ tui nói hơi nhiều là để cho hã con âm ức tức tới một chuyện ngày xưa. Ông thầy Nguyễn Tinh Tú kẻo hết sức, tui làm luận văn không khi nào được thầy cho tới 6 điểm trên 20, và cô Đẹp thì còn gắt hơn, cho tui cặp mắt kiến tới 2 lần, cộng thêm cái consigne về tội làm biếng nạp bài luận văn đúng kỳ; mấy cái đó tạo cho Hai tui mặc cảm về văn chương chữ nghĩa dữ lắm. Bởi vậy bây giờ tui viết cho đã, thi rớt đậu hông sợ, nói cho vui bớt nổi lòng mà. Tui còn tập thêm cái mực làm thơ, làm mâm non văn nghệ, giống như chôi lá non cổ lú ra trể trảng từ cái thân cây già cằn cõi đã bị bứng

mắt rề sắp khô. Cụ thể, tâm tư tui được cô
động như vậy :

*Máu tôi là nước Cửu Long,
Thịt tôi là đất Cha Ông đắp bồi,
Xương tôi cây trái đã nuôi,
Trà Vinh là chốn hồn tôi gởi về.*

Xin cảm ơn quý vị và các bạn. Hết nghen.
Cúi đầu chào và tạ tui vỗ tay trước./

Viết từ Úc Châu, những ngày cuối năm Ngọ
2002.
Hai Quẹo.
